



THAN THÁNH TRUNG HOÀ

Mục lục

Bảo Sanh Đại Đế
Cửu Thiên Huyền Nữ
Đình Phước Táo Quân
Huyền Thiên Thượng Đế
Nam Cực Tiên Ông
Ngọc Hoàng Đại Đế
Nguyên Thủy Thiên Tôn
Nữ Oa Nương Nương
Quan Thánh Đế Quân
Tài Thần
Tam Quan Đại Đế
Tây Vương Mẫu
Thái Thượng Lão Quân
Thái Tuế
Thành Hoàng
Thập Điện Diêm La Vương
Thiên Hậu Nương Nương
Thổ Địa
Nghi Thức Khai Kinh Tụng Kinh Minh Thánh
Văn Xương Đế Quân

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Bảo Sanh Đại Đế

BẢO SANH ĐẠI ĐẾ

Bảo Sanh Đại Đế còn gọi là “Ngô Chân Nhân”, “Ngô Chân Quân”, “Đại Đạo Công”, “Ân Chủ Công”, “Chân Nhân Tiên Sư”, “Hoa Kiều Công”, “Anh Huệ Hầu Ngô Công Chân Tiên” ...Việc xưng hô tuy không đồng nhất, là do nhiều đời vua chúa phong tặng tôn hiệu khác nhau, vì tất cả đều thờ phụng Ngài là thần tiên.

Bảo Sanh Đại Đế, họ Ngô, tên Bản, tự Hoa Cơ, hiệu Vân Đông. Ngài sinh ra vào năm thứ tư Thái Bình Hưng Quốc triều nhà Tống, tại làng Bạch Tiêu, huyện Đồng An, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến.

*Ngài là hậu duệ của Thái Bá Hoàng Đế triều nhà Châu, đóng đô ở Kim Lăng, huyện NGÔ, nên lấy theo đó làm họ. Truyền được 31 đời đến thời Chiến Quốc thì nước chư hầu Ngô bị diệt vong, hoàng tộc hoặc chết hoặc bị phân ly tứ tán khắp nơi. Trong đó có một chi chạy đến ở tại huyện Lâm Chương, đạo Hà Bắc, tỉnh Hà Nam. Dòng họ này nhiều đời ăn chay niệm Phật, làm phước bố thí cho bá tánh. Được chín đời, có người tên Ngô Thông, cưới vợ là Huỳnh Thị, nhân chạy giặc đến làng Bạch Tiêu, huyện Đồng An, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến thì định cư ở đó. Đây chính là thân phụ của Đại Đế vậy. Vì thế, sau này lấy nơi sanh trưởng của Đại Đế là làng Bạch Tiêu làm quê quán.

*Như đã nói trên, tổ tiên nhiều đời của Đại Đế đã từng tu nhân tích đức, bố thí cứu giúp bá tánh vô số. Riêng Ngài Ngô Thông, sau này được truy

phong là “Hiệp Thành Nguyên Quân”, cũng là người hiền lành, cần kiệm làm ăn, vui vẻ siêng năng hành thiện cứu đời nhiều năm, tên tuổi và công đức của Ngài vang danh khắp chốn. Còn mẫu thân Huỳnh Thị, truyền thuyết là “Ngọc Hoa Đại Tiên” đầu thai giáng thế, tính tình hiền hậu hòa nhã, trinh thực, đã có nhiều công quả ở kiếp trước, đời này lại chăm lo tích đức càng nhiều hơn.

Một đêm nọ, bà đang say giấc nồng, nằm mộng thấy sao Tử Vi đầu thai vào mình, tỉnh giấc thì biết là có mang.

Đến năm thứ tư Thái Bình Hưng Quốc nhằm năm Kỷ Mão, bà Huỳnh thị chuyển dạ đau lưng đang nằm nghỉ, hoảng hốt nhìn thấy nào là Thái Bạch Kim Tinh, Nam Lăng Sứ Giả, Bắc Đẩu Tinh Quân... hộ tống một vị Tiên Đồng, đến phòng của bà nói: “Đây là sao Tử Vi ở thượng giới mà trước đây đã giáng thế đầu thai vào bà đó”. Hôm ấy là giờ Thìn ngày rằm tháng ba âm lịch, chính là ngày mà đức Ngô Bản giáng sanh. Lúc bấy giờ, mùi hương lạ bay thơm khắp nhà, hào quang tỏa rực, lại thấy Tiên Ngũ Lão và Tam Thai Khôi Tinh hiện thân bá hạ. Bên ngoài, trên trời có hoa năm sắc rơi xuống vô số phủ che hết căn nhà. Dân chúng ai ai cũng cho là điềm kỳ lạ, có thoại khí lành tốt chắc chắn không phải việc bình thường.

*Ngô Bản từ nhỏ đã tỏ ra thông minh mẫn tuệ, biểu hiện tính cách có tâm đạo là không chịu ăn thịt cá. Rồi khi lớn lên, không chịu cưới vợ, luôn tỏ ra phẩm hạnh khác với người đời. Đến tuổi trưởng thành, Ngài đã thông suốt các sách, xem qua liền nhớ. Ngài đọc hàng ngàn quyển sách đủ loại, kể cả Địa Lý, Lễ Nhạc và Hành Chính. Nhưng chú ý nhất là sách vở về Y thuật của Huỳnh Đế và các y gia khác. Ngài ra sức nghiên cứu và đã đính chính nhiều chỗ sai sót của các sách y học đời trước. Về phương diện bào chế thuốc, Ngài đã ra công chế tạo được nhiều dược phẩm kỳ diệu, có giá trị chữa bệnh rất hiệu quả. Ngô Bản thường bày tỏ ý chí của Ngài là “cứu thế giúp người”.

Năm 17 tuổi, Ngài đi vân du các danh sơn. Ngày nọ, Ngài bỗng gặp một dị nhân dẫn đường và nói rằng đưa đến yết kiến Tây Vương Mẫu. Vương

Mẫu bảo: “Kiếp trước ta và người có duyên với nhau nên kiếp này mới gặp lại. nay ta cho người dạy người những “Thần phương diệu dược” và các pháp thuật “tróc quỷ trừ tà” để sau này cứu nhân độ thế”. Ngô Bản ở lại núi Côn Lôn bảy ngày để học tập các thần phương và pháp thuật. Ngài học rất nhanh, thông thạo hết những bí thuật ấy và nóng lòng muốn trở về nhà để cứu giúp đời, nên vào trình xin Vương Mẫu cho xuống núi. Mẫu bảo:“Được, người có thể xuống núi rồi đó. Nhưng hãy ghi tâm khắc cốt một điều là, bất cứ hoàn cảnh nào cũng không quên đem những thần phương và pháp thuật đã học mà cứu giúp cho sanh linh nhé!”. Nói xong, Vương Mẫu bảo đệ nhân giao các sách thuốc và thư phù trăm yêu trừ ma cho Ngô Bản.

*về sau, vào năm nọ, ở vùng Chương Châu rộng lớn, phát sanh bệnh ôn dịch, lây lan khắp huyện, người thi nhau chết hàng loạt.Ngô Bản tức tốc đi đến Chương Châu đem sở học giúp cho bá tánh bình yên khỏe mạnh trở lại.

*Từ đó, Ngô bản càng chăm chỉ “tu thân dưỡng tính” theo Tiên Pháp, chế luyện tiên đan, vân du bốn biển, đem tài y thuật cứu giúp cho nhiều người thoát qua bệnh hiểm. Y thuật của Ngài đã đến mức “siêu thần nhập quỷ”, cho nên các Y Quan và Y gia kéo nhau đến xin Ngài chỉ dạy rất đông. Nhiều giai thoại kỳ diệu về y học đã ghi chép trong các y thư nước ta, đều có xuất xứ từ Ngài. Dân gian tôn xưng Ngài là “Hoạt Thần Tiên” (thần tiên sống) vì tài năng chữa bệnh cao siêu của Ngài.

*Tương truyền, có lần Mẫu hậu của vua Tống Nhân Tông bị bệnh lạ, các quan Thái Ngự Y ra sức chữa trị mà không khỏi, đành bó tay. Lúc ấy, vua cho đón rước Ngô Bản vào triều, Ngài chẩn mạch cho thuốc, uống vào bệnh lành ngay. Vua Nhân Tông vô cùng mừng rỡ, ý muốn giữ Ngài lại làm Ngự Y, nhưng Ngài khẩn thiết tâu rằng:

“Chí hướng của thần là ở chỗ “tu thân”, từ bi cứu thế, chữa người bệnh nặng, cứu kẻ sắp chết. Còn chuyện vinh hoa phú quý chẳng phải là sở nguyện, xin bệ hạ tha tội cho”.

*Ngô Bản trở về, đi khắp nơi trong nước, cứu giúp chữa bệnh cho không biết là bao bệnh nhân thập tử nhất sinh. Vì thế, các quan địa phương đều có dâng sớ tâu vua những thành quả tốt đẹp ấy, cho nên vua đặc cách sắc phong cho Ngài tôn danh “TỪ TẾ” (từ bi tế độ chúng sinh).

*Lúc sinh thời, Bảo Sanh Đại Đế rất hiếu thảo với cha mẹ, đối xử hết sức hòa nục với người xung quanh, nhất là luôn luôn giữ chữ “Tín” với mọi người. Suốt đời Ngài không coi trọng tiền bạc, giữ hạnh thanh liêm và đề cao nghĩa khí. Ngài lại còn chay lạt không sát sinh và không lập gia đình.

*Ngài lúc 20 tuổi đi học, 24 tuổi đậu cử nhân, về sau triều đình phong lần để chức Ngự Sử, đóng góp rất nhiều công lao cho đất nước, sau cùng từ quan trở về quê cũ. Ngài tâu vua xin cho đặc ân về ở ẩn tại Đại Nhạn Đông Sơn, làng Bạch Tiêu, huyện Tuyên Châu. Chỗ ấy, ngày nay còn lưu dấu Đông cung, mà ở bên trái cung, còn vết tích của “lò luyện đan” và “giếng thần” Ngài dùng thưở xưa.

*Đại Đế từ quan, trở về ẩn dật tại Đại Nhạn Đông Sơn, một lòng chuyên tâm tu thân truyền đạo, chuyên tâm học tập “Thái Thượng Huyền Cơ” đạt được pháp “Tam ngũ phi bộ” (phép bay lên trời). về phương diện y học, Ngài nghiên cứu sâu về cách điều chế những loại thuốc thần diệu, trị bách bệnh. Ngài luyện được “linh đan” cứu tử, dùng “linh phù” cứu giúp vô số người. Linh khí của Đại Đế có thể nói là, bao trùm khắp thượng, trung và hạ của tam giới. Linh uy của Ngài nhiếp phục hết thầy quỷ ma.

*Năm thứ ba Cảnh Hữu đời Nhân Tông (1036), tức là năm Bính Tí, ngày mùng hai tháng năm, Đại Đế đã tu luyện công thành quả mãn. Vào lúc chính ngọ, Ngài cùng toàn thể gia đình, nào là thánh phụ, thánh mẫu, thánh muội (tên Ngô Minh, sau này dân gian xưng là Ngô Minh Má), chồng em gái (muội phu), toàn bộ người trong nhà và cả những đệ tử, thậm chí cả gà chó trong nhà ... tất cả đều cỡi “hạc trắng”, từ quê hương Bạch Tiêu, phi thăng

không trung, có lẽ là đến nơi động tiên nào đó. Năm ấy, Đại Đế thọ thế 58 năm. Dân trong làng và các làng bên, lập bàn hương án, ngấn đầu lên không nhìn theo, thành tâm bái lạy đưa tiễn.

*

Tuy Đại Đế cõi hạc bay về thượng giới, nhưng vẫn còn nặng lòng với quê hương xứ sở. Có một hôm, lũ giặc cướp đông đảo hung hãn, sát khí đằng đằng kéo đến bao vây làng Bạch Tiêu. Dân làng vô cùng hoảng hốt lo sợ. Lúc cấp bách, tất cả đều bày hương án ra sân,, ngấn mặt lên trời tha thiết cầu khẩn vái lạy Ngài. Trong chốc lát, bỗng có đội quan binh kéo đến đánh đuổi lũ giặc cướp. Nhờ Đại Đế ám trợ bên trong, tên đầu đảng Lý Tam bị quan binh dễ dàng bắn chết. Bọn giặc cướp như rã mất đầu, hoảng sợ bỏ chạy tứ tán, chấm dứt cuộc loạn. Hương dân vô cùng mừng rỡ, làm lễ bái tạ Đại Đế đã phù hộ độ trì dẹp tan lũ giặc hung ác, mang lại yên bình cho làng xóm.

*Có một lần, quê hương của Đại Đế bị nạn lụt lớn, cả làng biến thành một biển nước, tình trạng vô cùng khẩn cấp, nhà cửa gia súc ...sắp sửa bị dòng nước cuốn trôi. Ngay lúc đó, bỗng thấy Đại Đế hiện ra trên mây, thi triển pháp thuật, biển nước từ từ chảy thành một dòng ra sông chứ không còn tràn lan khắp nơi. Dân chúng thoát nạn, mừng rỡ khôn xiết, lập đàn cúng tế tạ ơn Đại Đế. Rồi bàn đến việc tạo lập Miếu Thờ, đắp tượng để lễ bái, hương khói thờ phụng quanh năm.

*Sau khi Đại Đế thăng thiên, dân làng Bạch Tiêu có xây dựng am Thu Long để thờ, đến đời Tống Cao Tông, vua ban lệnh cho trùng tu lại, thành ra “Cung Từ Tế” ở thôn Bạch Tiêu.

*Theo truyền thuyết,lúc Tống Cao Tông còn là Thái Tử, phải sang nước Kim để làm “con tin”. Ngày nọ, Thái Tử thừa cơ trốn thoát, chạy bán sống bán chết nhằm hướng biên giới mà đến. Tới trước Miếu Thôi Tử thì đã đuối sức không chạy nổi nữa, lòng mong mỏi có được con ngựa để cỡi thì mới

mong trốn thoát. Đột nhiên nghe có tiếng ngựa hí, quay đầu nhìn lại thì thấy một có một con ngựa đứng gần đó. Thái Tử liền phóng lên lưng ngựa, nhắm phương Nam mà đào thoát. Quân Kim vẫn tiếp tục đuổi theo vây bắt. Thái Tử chạy đến bờ sông, quay nhìn lại thấy có vô số thiên binh thiên tướng đang chặn đánh buộc quân Kim dừng bước truy đuổi. Nhờ đó, Thái Tử tìm được thuyền để qua sông cả người lẫn ngựa. Nhưng thật lạ lùng, vừa lên bờ thì nhìn kỹ lại, đó chỉ là “con ngựa bằng đất”, do Đại Đế ám trợ biến thành ngựa thật cho Thái Tử cỡi mà thoát nạn. Cố sự ấy chính là đề tài hấp dẫn cho câu chuyện cổ tích “Nê mã độ khang vương” (ngựa đất đưa vua an).

*Năm Thiệu Hưng thứ 27, Tống Cao Tông hạ chiếu lệnh cho quan địa phương sở tại quê hương Đại Đế, xây dựng Miếu Thờ Ngài Ngô bản, hằng năm có tổ chức cúng tế trọng thể. Đến thời vua Hiếu Tông, năm Càn Đạo thứ bảy, nhà vua ngự tứ ban cho tấm biển thờ đề “Từ Tế Linh Cung”, lại ban thụy hiệu “Đại Đạo Chân Nhân”. Ngày nay có số người tôn xưng Bảo Sanh Đại Đế là “Đại Đạo Công” (ông Đạo lớn) là do sự kiện trên.

*Sau vua Hiếu Tông, có nhiều đời vua khác cũng phong thưởng cho Ngài, như vào Khánh Nguyên năm đầu, vua Ninh Tông phong làm “Trung Hiến Hầu”, đến năm Gia Định lại gia phong “Mạc Huệ Hầu”. Năm Bảo Khánh thứ ba, Lý Tông phong làm “Khang Hữu hầu”, năm Bảo Khánh thứ tư lại gia phong “Trùng Khánh Chân Nhân” rồi năm thứ năm lại phong “Diệu Đạo Chân Quân”.

*Cũng theo truyền thuyết, Minh Thái Tổ là Chu Nguyên Chương lúc đánh nhau với Trần Hữu Lượng ở Hồ Bá Dương, bỗng nhiên nổi lên trận gió lớn, trước mắt là thấy Thái Tổ và sĩ tướng sắp bị sóng gió nhận chìm thuyền. Chợt thấy Ngài Ngô Bản xuất hiện trên không trung, sai thiên binh bố trí cắm cờ xí trấn yểm ngũ hành. Lát sau, sóng gió dừng bật, Thái Tổ thoát nạn. Đại Đế lại cho thiên binh phù trợ giúp cho Thái Tổ đánh thắng trận. Về sau, Minh Thái Tổ lên ngôi ở Nam Kinh, nhớ đến công ơn cứu mạng của Đại Đế nên vào

năm Hồng Vũ thứ năm, hạ lệnh sắc phong Ngô Bản là “Ngô Thiên Ngự Sử Y Linh Chân Quân”.

*Đến triều nhà Minh, vua Nhân Tông hạ chiếu trùng tu Miếu thờ Ngô Chân Nhân ở Bạch Tiêu, ban thụy hiệu là “Vạn Thọ Vô Cương Bảo Sanh Đại Đế”, lại ban cho một áo long bào, ra lệnh quan địa phương phải cử hành cúng tế trọng thể hai kỳ Xuân Thu hàng năm. Từ đó, dân gian khi tạo tượng Đại Đế đã cải biến là một vị Đế Quân râu dài, mình mặc long bào.

*Đến đời Thanh, huyện Đài Bắc xảy ra ôn dịch, tất cả thầy thuốc đều chịu bó tay. Những người dân quê ở Phước Kiến đề nghị chính quyền sở tại vượt biển sang tỉnh Phước Kiến, cung nghênh thánh tượng của Ngài Bảo Sanh Đại Đế ở Bạch Tiêu Cung về Đài Bắc trấn yểm. Chẳng lâu sau thì ôn dịch chấm dứt hoàn toàn. Bá tánh hết sức tôn sùng Đại Đế, xây dựng Miếu Thờ, bốn mùa hương khói đến nay không ngớt.

* Do vì nhiều thế hệ trước đã có lòng sùng kính và nương tựa uy linh Đại Đế rất to tát, vô hình trung đã tạo ra một niềm tin mạnh mẽ cho mọi người. Tác dụng trị liệu về tâm lý đã góp phần hiệu quả cho việc trị bệnh có kết quả tốt. Cho nên mỗi đời củng cố thêm niềm tin mà thành ra lòng sùng bái Đại Đế càng ngày càng tăng là có cơ sở, chứ không phải là tưởng tượng mà thành.

* Bảo Sanh Đại Đế có trước tác sách thuốc nội, ngoại y khoa được 13 quyển để lại cho đời. Người đời sau cảm niệm công đức mà xây Miếu thờ phụng, lòng tin vào Ngài hết sức to lớn. Hiện nay, khi người có bệnh đã chạy chữa nhiều nơi không khỏi, đều sắm sửa lễ vật đến Miếu Thờ cầu bái Ngài, đa số đều lành bệnh.

*Trong giới Y Gia và bào chế, kinh doanh thuốc đề thờ Ngài làm “Thủ Hộ Thần” hiện nay rất sùng kính, cũng bắt nguồn từ những sử tích có liên quan đến Ngài như đã kể. Các sách báo như “Phước Kiến thông chí”, “Mân Thư-Quận Ấp Chí” đều có đăng tải.

*Như trong “Chương Châu phủ chí” viết:

“Đời nhà Tống có ông Ngô Bản, người ở Hải Trưng, bà mẹ mộng thấy nuốt ruà trắng mà có thai. Ngài vân du học đạo, đặc pháp “tam ngũ phi bộ”. Sinh tiền, Ngài luôn giữ lòng cứu tế sanh linh, khi mất, dân làng xây Miếu thờ. Cảnh Miếu có dòng suối thiêng, nước suối chữa lành nhiều bệnh”.

*Trong “Đồng An huyện chí” viết:

“Ngô Chân Nhân tên là bản, người ở Đồng An, thi đậu làm quan lần đến Ngự Sử, đã từng chữa lành bệnh cho mẹ vua Tống Nhân Tông. Ngài luyện linh đan cứu đời. Năm cảnh Hữu thì thoát hóa ở Bạch Tiêu Tuyên Châu, cỡi hạc bay lên trời, sau có lập Miếu tượng để thờ”.

* Sách “Đạo giáo nguyên lưu Ngô Chân Quân ký” nói rằng:

“ Ngô Chân Quân, tên là Bản, tự Hoa Cơ, hiệu Vân Trung, tổ tiên là người Hán Dương...Năm bốn mươi tuổi học được thần phương về thuốc, sau theo thầy là Nam Hải Thái Thú, lại học được bí pháp (về phù thuật). Đời nhà Ngô, Ngài cỡi rồng vàng hiện trong vầng mây trắng, đem pháp thuật cứu giúp sanh linh hai đời Ngô Tấn, nên thời Tấn Vũ Đế phong làm “Hứa Chân Quân”.

*Trong “Đài Loan huyện chí” có ghi:

“ Bảo Sanh Đại Đế khi lớn lên học được nghề thuốc, có lòng cứu giúp người bệnh, theo bệnh cho thuốc, gần xa đều nức tiếng thần y”.

*”Đài Loan thông sử” và “Phương Chí” thì nói:

“Ngài là Ngô Bản, người ở Đồng An tỉnh Phước Kiến. Sinh vào đời Tống năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tư, phong cách xuất chúng, tinh thông y thuật, làm thuốc cứu đời không hề nãn lòng. Mất vào năm thứ hai Cảnh Hữu, dân làng lập Miếu thờ, ai cầu đảo việc chi cũng đều toại ý. Hiện còn hai văn bia,

một của Tiến sĩ Hạ Dương và một của Thông Phán Huỳnh Gia y theo sự tích do Quận thú Tống Trang kể mà ghi lại. Sau có thêm Lý Quang viết “Ngô Chân Nhân bi ký”, Huỳnh Hóa Cơ viết “Phả hệ kỷ lược”, Dương Tuấn viết “bạch Tiêu Chí” v.v..có nêu rõ phần khảo chứng, tận tường nguồn gốc.

*Trong dân gian cũng lưu truyền một chuyện như sau:

“Có lần, một con rồng lớn bị bệnh mắt rất nặng, hóa thành người đến xin Đại Đế chữa bệnh. Ngài sớm biết đây không phải là người nhưng vẫn trị lành bệnh khó trị cho con rồng. lại có lần, Ngài vào trong núi, thấy một con cọp đang oằn oại rên la, nguyên vì nó tham lam ăn sống một bà già, chẳng may bị một mảnh xương đầu của bà già vướng vào cổ họng, đau đớn vô cùng. Cọp bèn năn nỉ Ngài chữa giùm với điều kiện là từ đây về sau không còn làm hại người nữa, Ngài đã trở tài dùng linh đan để chữa lành cho cọp. Câu chuyện Bảo Sanh Đại Đế đã “điểm long nhãn, y hổ hầu” (chữa mắt rồng, trị họng cọp) được lưu truyền phổ biến trong dân gian. Do cố sự ấy, hổ đã thành ra con vật cho Ngài Ngô Bản cỡi đi trị bệnh cho dân chúng ở ngoài, khi ở nhà thì nó coi giữ cung điện cho Ngài. Nó luôn quấn quít không rời xa Ngài. Khi Ngài đã đắc đạo, nó cũng nương theo mà thành ra “Thần Hổ”. Ngày nay, trong các Miếu Thờ Bảo Sanh Đại Đế, dù hình vẽ hay tượng đắp, bên dưới chân cũng đều có con cọp. Để tránh cho dân gian phân biệt khỏi lầm với con cọp của Thổ Địa cỡi với con cọp này, người ta tạo ra cọp đen, gọi là “hắc hổ tướng quân” dành cho Bảo Sanh Đại Đế cỡi. Ngoài ra, tại các đình miếu đều có tạc tượng thờ thần hổ, nhưng thường là “bạch hổ” để tránh sự trùng lặp với “hắc hổ” của Ngài Bảo Sanh Đại Đế.

*Xin nói thêm một chút, truyền thuyết trong dân gian tin rằng hổ là thuộc hạ của Thổ Địa, theo mệnh lệnh của Thổ Địa mà hành động, nên tại các miếu thờ Thổ Địa đều có làm thêm phía dưới bệ thờ làm nơi thờ thần hổ. Dân gian cũng tin rằng, nếu đồng tiền được hổ thần ngậm vào miệng thì sẽ sanh sôi nảy nở nhanh chóng. Do đó, những người cờ bạc và phường hát kịch thờ phụng

thần hổ và đưa tiền qua miệng cộp trước khi đi đánh bạc hay bán vé xem hát, cầu mong cho “nhất bản vạn lợi”. Thêm một sự về hổ nữa là, hổ thần có khả năng xua đuổi bệnh ôn dịch và ác ma, trấn giữ an ninh cho địa phương, nên tất cả các miếu thờ lớn nhỏ đều có vẽ hay tạc tượng hổ thần phía trước để làm nhiệm vụ trấn yểm này. Ngoài ra, còn có niềm tin trong dân gian nông thôn là, khi trẻ con bị bệnh quai bị hay sưng hàm(dân gian gọi là bệnh “Sanh trư đầu bì = da sanh đầu heo”) cha mẹ đem giấy tiền vàng bạc đến áp phủ vào cổ hàm của hổ thần rồi đem về nhà đắp vào chỗ đau của trẻ, sẽ nhanh chóng hết sưng.

*Trong Miếu Thờ Bảo Sanh Đại Đế còn có thờ 36 vị thiên tướng mà theo truyền thuyết đó là những bộ hạ của Huyền Thiên Thượng Đế, trong một lần đi mượn bảo vật mà không trả được, phải đến nương tựa vào Bảo Sanh Đại Đế. (Xem truyện về Huyền Thiên Thượng Đế sẽ rõ).

*Thánh đàn của Ngài Bảo Sanh Đại Đế là ngày rằm tháng ba âm lịch. Thọ đàn của Ngài là ngày mùng hai tháng năm âm lịch.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Cửu Thiên Huyền Nữ

Cửu Thiên Huyền Nữ

Cửu Thiên Huyền Nữ còn gọi là Cửu Thiên Nương Nương, Cửu Thiên Huyền Nữ Nương Nương, hoặc nói gọn Oa Huỳnh, Huyền Nữ, là một vị nữ thần trong những truyền thuyết thần thoại của Trung Quốc từ xưa, về sau được Đạo Giáo tin tưởng trở thành một vị nổi danh trong hàng nữ tiên.

Sở dĩ nói “cửu thiên” là ý nói tám phương và trung ương, cho nên cửu thiên là khắp nơi, bốn mặt tám hướng đều có. Nói cách khác, Huyền Nữ là nữ thần duy nhất trong trời đất. Tại Đài Loan, ở những vùng nông thôn tin vào những truyền thuyết thần minh, thì Cửu Thiên Huyền Nữ được gọi thân mật là “Mẹ”, gồm trên hết là Mẹ cả, Mẹ hai, Mẹ ba....đến Mẹ chín để chỉ chín vị thần tượng thờ phụng.

Còn có một thuyết cho rằng, Cửu Thiên Huyền Nữ tức là Nữ Oa Nương Nương, thuyết này còn phải xem xét lại.

1. Sự hiển linh của Thần Nữ:

Trong 《Vân Cáp Thất Thiêm 》và 《Cửu Thiên Huyền Nữ truyện》có chép: Cửu Thiên Huyền Nữ là thầy của Huỳnh Đế, và là học trò của Tây Vương Mẫu. Khi Huỳnh Đế trừ giặc Xi Vương, Huyền Nữ đã hạ phàm, đem binh phù ấn kiếm giao cho Huỳnh Đế, lại còn dạy Huỳnh Đế cách chế tạo “Trống Quỷ Ngưu 80 mặt” để đánh bại Xi Vương.

Trong “Truyện Thủy Hử”, sau khi Tống Giang được cứu ở Giang Châu, đi

đón cha lên núi, chẳng dè bị quan binh phát hiện ở Thương Huỳnh, chạy trốn lại đến chỗ Miếu Thờ Cửu Thiên Huyền Nữ ở địa phương. Cửu Thiên Huyền Nữ đã hiển linh cứu thoát Tống Giang, lại còn cho y ba quyển thiên thư bảo y hãy “thế thiên hành đạo” (thay trời hành đạo). Về sau này, Tống Giang qui thuận triều đình, lãnh binh đi chinh phạt nước Liêu, bị quân Liêu vây hãm trong trận “Thái Dĩ Hồn Thiên Tượng”. Dem đến, Tống Giang nằm mộng thấy Huyền Nữ chỉ bày cách phá trận, nhờ đó thắng lớn quân Liêu.

*Theo sách vở hiện nay thì Cửu Thiên Huyền Nữ là một vị Nữ Tiên lộng lẫy, nhưng hình tượng gốc của Ngài lại là một quái vật đầu người mình chim, gọi là “Huyền Điểu” ngày xưa. Trong Kinh Thi, ghi rằng “huyền điểu” chính là tổ tiên của người Thương (nhà Thương trước nhà Châu). Trong “Sử Ký” thì nói rằng, thưở xưa, có một bà mẹ thuộc hàng tổ tiên của họ Ân-Thương đã ăn một cái trứng của huyền điểu, có thai mà sanh ra con. Điều này nói lên sự sùng bái huyền điểu của tộc họ nhà Thương vậy.

*Chính hình tượng huyền điểu này về sau hóa thân thành Huyền Nữ, thâm nhập vào truyện thần thoại về Huỳnh Đế và trở thành sư phụ của Huỳnh Đế là vì thế.

*Truyện chép:

Sau đời vua Thần Nông, các bộ lạc đều tự tách ra hùng cứ mỗi nơi. Có một bộ lạc hùng mạnh mà vị thủ lãnh là Xuy Vưu muốn thôn tính các bộ lạc khác để lên làm bá chủ, nhưng Xuy Vưu lại quá độc ác, ai không thuận theo thì bị giết chết rất tàn nhẫn. Các bộ lạc liền liên kết nhau, tôn vị thủ lãnh Hữu Hùng Thị (nay ở huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam) lên chỉ huy chống lại Xuy Vưu. Trận đánh dữ dội quyết định sự thắng bại với Xuy Vưu xảy ra ở Trác Lộ.

Sương mù dày đặc, quân Hữu Hùng Thị bị Xuy Vưu vây chặt, không nhận định được phương hướng đánh ra giải vây, nên thường bị Xuy Vưu đánh bại

phải tháo lui. Sự thảm bại của Hữu Hùng Thị thấy rõ trước mắt.

Trong lúc nguy cấp như thế, Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ hiện ra dạy Hữu Hùng Thị chế ra xe hai bánh chỉ Nam, có bộ phận chỉ rõ hướng Nam, để phân định phương hướng và vị trí tiến quân, lại dạy cho binh pháp. Nhờ vậy, Hữu Hùng Thị củng cố binh mã, từ trong đánh ra bất ngờ, làm cho binh đội Xuy Vưu thảm bại, bắt sống được thủ lĩnh Xuy Vưu đem giết chết.

Thế là yên giấc, tất cả dân chúng các bộ lạc đều hoan nghinh Hữu Hùng Thị, tôn Hữu Hùng Thị lên ngôi Minh chủ, lấy hiệu là Hoàng Đế hay Huỳnh Đế. Nguyên Hữu Hùng Thị được sanh ra tại gò Hiên Viên, nên về sau gọi là Hiên Viên Huỳnh Đế.

Sau đó, Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ cũng thường ứng hiện giúp vua Huỳnh Đế và những người hiền tài trong nước, như giúp Hoàng Hậu Nguyên Phi chế ra nghề nuôi tằm lấy tơ dệt lụa, giúp ông Dung Thành chế ra máy Cai Thiên để xem Thiên tượng, giúp ông Thương Hiệt chế ra chữ viết tượng hình để thay cho việc thắt nút ghi nhớ các sự việc.

Ngoài ra Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ truyền khoa Lục Nhâm Độn Giáp, và phép bói 64 quẻ Dịch mà đoán kết hung.

*Thưở ấy thì Huyền Nữ chưa thoát khỏi hình tượng chim, nhưng đã tiến thêm một bước là trở thành người cứu nạn gấp, là một vị Nữ Thần nửa người nửa chim chứa đựng nhiều tài năng mưu lược vậy.

*Đến đời Tống, trong “Vân Cấp Thất Thiêm” thì Cửu Thiên Huyền Nữ đã hoàn toàn được “nhân thần hóa”, xóa bỏ tất cả dấu vết động vật trong hình tượng. Trong quyển sách đặc biệt tên “Cửu Thiên Huyền Nữ truyện” đã diễn tả bà cỡi chim phượng, trên đám mây ngũ sắc, mặc áo chín sắc “Thái Thúy Hoa”. Ngài là vị chuyên môn phù trì cứu giúp anh hùng, dạy thiên thư binh pháp cho các nữ tiên trên trời và chính thức trở thành “Cửu Thiên Huyền Nữ

Nương Nương ”.

Nhân vật Cửu Thiên Huyền Nữ đã xuất hiện rất nhiều trong các tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc, tạo ra ảnh hưởng rất lớn về niềm tin của quần chúng. Những sách được biên soạn như là: đời nhà Tống có Nguyên Gian viết “Đại Tống Tuyên Hòa Khiển Sự”; đời Minh có truyện “Tam Toại Bình Yêu” gồm bốn mươi bốn cuốn; đời Thanh có “Nữ Tiên Ngoại Sử” và “Tiết Nhân Quý Chinh Đông” ...đã tốn rất nhiều bút mực ca tụng sự anh linh của Cửu Thiên Huyền Nữ.

2.- Tứ Phước -Tứ Tử: (Ban phước-ban cho con trai)

Có một truyền thuyết liên quan đến Cửu Thiên Huyền Nữ như sau:

“Thời viễn cổ, gia đình Cửu Thiên Huyền Nữ may mắn có được “Nửa miếng Vây Lân” được trong họ tộc thờ phụng nghiêm chỉnh. Trong làng, ai không có con trai hoặc nghèo khổ đến lễ lạy cầu xin đều được như ý. Từ đó, người đời sau tin rằng, cứ thành tâm cầu khẩn với Ngài là cũng được toại nguyện. Còn chuyện Tây Vương Mẫu “đặc phái” Cửu Thiên Huyền Nữ đến giúp Huỳnh Đế thì có vẻ mơ hồ một chút.

Tuy nhiên, nhiều đời đã qua, mỗi thời đề cao thêm một chút thành ra ngày nay Ngài trở thành một vị Nữ Thần tối cao, có khả năng “Ban bố phước lộc, ban bố con trai” cho tất cả những ai thành kính tin tưởng Ngài.

*Ngày cúng tế Cửu Thiên Huyền Nữ là ngày mừng chín tháng chín. khắp nơi đều có Miếu Thờ, tôn xưng là “Tổ Sư”, khói hương thờ phụng Ngài không dứt.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Đình Phước Táo Quân

TÁO THẦN

Đông Trù Tư Mệnh Cửu Linh Nguyên Vương

Định Phước Thần Quân

Táo Thần nếu gọi đầy đủ là:「Đông Trù Tư Mệnh Cửu Linh Nguyên Vương Định Phước Thần Quân 」, tục xưng 「Táo Quân 」, hoặc xưng 「Táo Quân Công 」,「Tư Mệnh Chân Quân 」,「Cửu Thiên Đông Trù Yên Chủ 」,「Hộ Trạch Thiên Tôn 」hoặc 「Táo Vương 」, miền BẮC gọi Ngài là 「Táo Vương Gia 」.Người ở Đài Loan tôn Ngài là một trong ba “Ân chủ”, là vị thần của nhà bếp. Ngọc Đế sắc phong cho Ngài là :「Ngọc Thanh Phụ Tướng Cửu Thiên Đông Trù Tư Mệnh Táo Vương Chân Quân 」. Lại có hiệu 「Đông Trù Tư Mệnh Định Phước Chân Quân 」hoặc 「Cửu Thiên Tư Mệnh Hộ Trạch Thiên Tôn 」. Đông trù là chỉ chung cho tất cả các nhà bếp.

*Thờ Táo Thần là một tập quán có từ xa xưa của nước ta (TQ). Nó có nguồn gốc rất sớm, từ đời nhà Thương trong dân gian đã thờ phượng rộng khắp. Trong sách Chu Lễ đã ghi tên Ngài Tử Lê ở Dụ Tỏa là Táo Thần rồi. Đến đời Tần, Hán thì được đưa vào làm một trong đối tượng thờ phụng. Gồm:- Môn Thần(thần giữ cửa nhà), Tinh Thần (thần giếng), Xí Thần (thần nhà cầu), Thần Trung Lựu (giữ nhà) và Táo Thần. Năm vị thần linh này phụ trách việc gìn giữ sự bình an hạnh phúc cho một gia đình, thuộc về “thần gia đình”. Cho nên, tại các đình miếu không thờ Táo Thần, nên không thấy miếu đình nào có chỗ thờ Táo Thần cả.

*Đời Đông Hán, ông Khổng An Quốc trong quyển “Cháu mười ba đời Khổng Tử” có viết: “Táo Thần có chức trách ghi chép công và tội của người trong nhà để tâu lên thiên đình, thờ phụng Ngài để có phước lành”. Như vậy, nhiệm vụ của Táo Thần rất quan trọng, ngoài việc quản lý về bếp núc tức sự ăn uống để sống của con người, còn có thêm nhiệm vụ theo dõi việc thiện ác của con người nữa!

Đa số gia đình thường treo một tấm hình Ông Táo ngay trên vách bếp, hoặc một bài vị bằng gỗ viết “Đông Trù Tư Mệnh Định Phước Táo Quân Chi Thần Vị” hay “Định Phước táo Quân”. Hai bên có hai câu liễn: Thượng thiên ngôn hảo sự--Hạ giới bảo bình an” (Lên trời tâu việc tốt—Xuống phàm hộ bình an). Hình ảnh Táo Thần tùy nơi mà vẽ khác nhau. Thường thì vẽ hình hai vợ chồng gọi là “Táo Vương Gia” (ông vua táo) và “Táo Vương Nãi Nãi” (mẹ táo). Lại có những nơi chỉ họa một vị thôi, gọi là “Độc Tọa táo Vương” (một vua Táo ngồi).

*Ở nông thôn xưa, nhà nào cũng có thờ Ông Táo, bởi vì “Dân lấy ăn làm trời” mà. Trong xã hội nông nghiệp, có những nhà ba đời, bốn đời thậm chí năm đời cùng sống chung (ngũ đại đồng đường). Mỗi ngày có đến ba bữa cơm đều từ nhà bếp cung ứng, làm sao không giữ địa vị quan trọng cho được?

Vì thế, NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ phải cho Táo Thần hạ phàm nhận nhiệm vụ “Quản lý việc bếp núc trong nhà” là đúng rồi!

Từ lúc Đạo giáo hưng thịnh, thì họ cho rằng Táo Thần ở trên Cửu Thiên giữ sổ sách xuất sanh của con người, nên tôn là “Cửu Thiên Tư Mệnh Chân Quân”.

*Sinh nhật hàng năm của Tư Mệnh Táo Quân là ngày mùng ba tháng tám, dân gian có tục cúng Ngài bằng “mì chay và trà”, đốt giấy tiền vàng bạc.

Táo Thần là vị nào? Thân thế của Ngài có nhiều truyền thuyết rất mê li hấp dẫn. Khảo cứu trong các sách từ xưa đến nay, có ít nhất là bảy truyền thuyết về “Vua bếp”. Có thuyết thì nói Táo Thần có tên là TÔ CÁT LỢI, thuyết nói là TRƯƠNG THIÊN tự TỬ QUÁCH. Còn trong sách “Dậu Dương Tạt Trở” thì nói: “...ông tên là NGÔI, đẹp như con gái. Hoặc là ông họ Trương tên Thiên, tự Tử Quách, vợ tên là KHANH KỶ, có khi gọi Ngài là NHƯỠNG TỬ. Trong ca dao dân gian có câu:

“Táo Thần vương gia bốn tính Trương—Nhất uyển thanh thủy tam táo hương”

(ông Táo vốn là người họ Trương, cúng một chén nước ba cây hương)

*Có thuyết lại cho rằng, Ông Táo chính là Viêm Đế thuộc họ Thần Nông khi xưa, chết được Ngọc Đế phong làm Táo Thần. Trong sách “Hoài nam Tử” ghi “Viêm Đế giữ chức Hỏa Quan, chết làm Táo Thần”.

Có thuyết thì nói Ngài là TOẠI NHÂN, bởi vì xưa kia Toại Nhân đã dạy người kéo cây lấy lửa.

Có thuyết nói Táo Quân là con trai của Chuyên Húc đời Tam Hoàng Ngũ Đế. Sách “Chu Ký” viết: “Chuyên Húc có đứa con trai tên LY, tự Chúc Dung, được thờ làm Táo Thần”.

*Lại có thuyết nói rằng Táo Thần vốn là một thiên thần, vì không làm tròn bổn phận nên bị giáng xuống phạm trần, coi sóc việc bếp núc của mỗi nhà, lần lựa bận bịu không thể trở về trời được.

Việc một người sau khi chết được trở thành “Thần” là một tiền lệ xưa nhất của văn hóa Trung Quốc.

Chuyện chép rằng, ngày xưa có một người quá nghèo, đến nỗi phải cho vợ con đi ở mướn, sau đó trở thành người ăn xin của vợ con ba bữa cơm hàng

ngày. Quá hổ thẹn nên ông ta nhảy vào lửa mà chết. Bà vợ tưởng niệm chồng bằng cách đặt một bài vị thờ ông ta ngay ở chỗ khuôn bếp, sớm chiều cúng kính. Có ai hỏi thì đáp là “thờ vua bếp”. Người đời bắt chước làm theo nên thành ra tập tục như ngày nay.

-Cũng có một truyền thuyết khác, thưở xưa có gia đình vợ chồng người họ Trương, vì nhà nghèo mà lại gặp năm mất mùa, bất đắc dĩ phải cho vợ cái giá (lấy chồng khác) làm thiếp cho một người giàu có. Ông nhà giàu này rất tốt bụng, thường hay tổ chức các buổi “tế bần”, giao cho các tì thiếp phụ trách. Ngày đầu của buổi chẩn tế ấy, có mặt người chồng cũ đến xin, nhưng rủa thay đến thứ tự của ông ta thì đã hết cơm. Ngày hôm sau bà vợ thay đổi cách phát cơm là từ người cuối phát tới, nhưng đến người chồng thì cũng lại hết cơm. Qua ngày thứ ba, bà vợ định thay đổi cách phát là phát từ ở giữa trước, nhưng chẳng thấy người chồng đâu cả. Bà vợ đi tìm, mới hay là người chồng đã chết ngày hôm qua rồi! Quá đau xót, bà vợ liền tự ải theo. Ngọc Đế biết chuyện, thương cảm tình sâu nghĩa nặng của đôi vợ chồng này, nên phong cho họ Trương làm “Táo Thần”, cho vợ chồng cùng cai quản việc lửa khói của nhân gian.

*Cũng có truyền thuyết, Táo Thần có tánh tình không bình thường, cho nên phải hết sức thờ phụng Ngài mới không bị quở phạt. Trong “Quý Dĩ Tiêm Cảo” có nói rằng, Táo Thần là Thần Lửa, vốn là một vị tiểu thư quý tộc, có đến 36 người thị nữ theo hầu, bình thường thì cô chỉ mặc những quần áo màu lợt nhạt, nhưng khi cô tức giận ai đó, thì lại mặc quần áo đỏ chói. Cô trước kia đã từng làm đầu bếp cho Ngọc Đế, phụng lệnh Ngài cho xuống trần gian để phục vụ cho con người. Vì thế, cô hay bất mãn dễ nổi giận, dân gian phải hết sức thờ phụng để tránh sự nổi cơn thịnh nộ của cô.

*Lại có truyền thuyết, Táo Quân họ Trương tên Ngõi, tự Tử Quách, dáng người anh tuấn, dung mạo như mỹ nữ, nhưng lại có tính lười biếng, hay tìm chỗ trốn lánh ngơi nghỉ. Ăn thì phải có món ngon, lại rất hiếu sắc. Vốn là đầu

bếp của thiên đình,

một hôm nấu cho Tây Vương Mẫu đãi tiệc, vì cứ mê nhìn ngắm sắc đẹp của những tiên nữ thị tỳ của Vương Mẫu nên để cháy mất món ăn, bị phạt giáng xuống trần gian làm Táo Quân, đầu bếp của trần gian toàn là đàn bà con gái, tha hồ cho Ngài nhìn!!!

*Đại đa số hình tượng Táo Quân đều rất trung hậu đoan chính, mặt mày to mập, có màu đỏ chói. Điều đó ngầm ý nói rằng Ngài thích ăn nhiều và coi về “lửa” nên mới như thế.

*Táo Thần được phong chức sau khi chết, lúc trước rất nghèo khổ, sau thành một vị thần tài hỗ trợ việc “tống tài chiêu phước” (đưa tiền góp phước).

Bếp ăn, từ ngàn xưa đã được người cổ đại sùng bái, sau trở thành biểu trưng của sự no ấm thịnh vượng của mỗi gia đình, là đà phát triển tất yếu của con người. Việc cầu Táo Quân ban cho phước lộc cũng là điều dễ hiểu thôi!

*Sở dĩ Táo Thần được nhân gian kính trọng là vì, ngoài bốn phận cung cấp thức ăn để nuôi sống con người, Ngài còn có chức trách theo dõi sinh hoạt tốt xấu của người trong nhà nữa. Thế nên, Ngài có hai vị phụ tá, một vị là “Thiện Quán” (xem xét việc tốt), một vị là “Ác Quán” (xem xét việc xấu) của con người để ghi chép lại. cuối năm tổng kết cho Táo Quân về trình tấu với NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ. Ngày hai mươi bốn tháng chạp (12) thì Táo Thần sẽ lìa thế gian trở về thiên đình để tâu trình kết quả của mỗi nhà trong năm đó. Cho nên, dân gian có tục “Đưa Ông Táo” vào chiều ngày 23 tháng chạp.

*Trong sách “Kính Táo Toàn Thư” nói, “Táo Thần hưởng nhang khói của một nhà, gìn giữ sức khỏe cho người trong gia đình, theo dõi việc thiện ác của nhà đó, tâu trình công hay tội của nhà đó” (thụ nhất gia hương hỏa, bảo nhất gia khang thái, sát nhất gia thiện ác, tấu nhất gia công quá). Theo thuyết

nói rằng, nếu bị Táo Thần cử tội lên thì NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ giảm thọ cho người đó, nếu nặng thì bị giảm thọ ba trăm ngày, nhẹ thì giảm thọ một trăm ngày.

*Việc cúng tiễn Táo Thần dựa vào qui tắc: “Quan tam, dân tứ, đặng gia ngũ”.

Quan là chỉ cho những nhà quan chức quyền quý, tập quán cúng tiễn vào ngày 23.

Dân là chỉ cho bá tánh bình thường, cúng tiễn ngày 24.

“Đặng gia” là chỉ cho giới cao cấp thượng lưu, cúng tiễn ngày 25.

Nhưng thường trong dân gian lại dùng ngày 23 để cúng tiễn, là vì hy vọng “lấy hơi quan” để nhà mình được phát đạt.

-Phẩm vật để cúng tế Táo Thần thường là những thức vừa ngọt vừa dẻo như là:- dưa hấu, kẹo mạch nha, kẹo kéo, bánh da lợn...Dụng ý là để cho thức ăn còn dính vào miệng của ông Táo, khi Táo Thần về trời chỉ tâu những điều tốt lành “ngọt ngào” của người nhà thôi! Thế nên có câu:

-“Ngật điềm điềm—Thuyết hảo thoại” (ăn ngọt ngọt, nói việc tốt)

và câu:- “Hảo thoại truyền thượng thiên—Hoại thoại đầu nhất biên” (Nói tốt trình lên trời, việc xấu tránh qua bên). Ngoài ra, cũng để “trám miệng” ông Táo, người ta cũng thường cho ông uống một loại rượu đặc sản, dùng riêng cúng ông Táo, gọi là “Túy Tư Mệnh” (ông Táo say). Mục đích là cho ông Táo say mèm, quên đầu quên đuôi, chẳng nhớ gì mà tâu trình!!! Do đó, cúng tế Táo Thần có ý nghĩa là “cầu phước tránh họa” vậy.

*Khi cúng tiễn Táo Quân, dọn bày phẩm vật ra, đốt hương để cúng, châm rượu lần thứ nhất, khấn vái cầu xin điều gì, tiếp theo châm rượu lần thứ hai,

rồi lần thứ ba. Xong, gỡ tấm tượng Táo Quân cũ xuống, kèm với hình con ngựa và giấy tiền vàng bạc đốt chung, hoàn thành lễ đưa tiễn Táo Quân về trời. Cần nhớ là vì đốt con ngựa cho Táo Quân cỡi, thì phải nhớ kèm theo cỏ khô và đậu nành để làm thức ăn cho ngựa. Như vậy thì Táo Thần và ngựa đều có đầy đủ lương thực và thực phẩm cho cả hai, đủ sức đi về trời. Ngoài ra, cần nhớ khi đốt hình tượng ở ngoài trời xong rồi, phải nhặt lấy ít tro của đặt vào bình, mang đến trước bàn thờ ông Táo van vái:- “Thượng thiên ngôn hảo sự--Hồi cung giáng bình an” (lên trời tâu việc tốt—trở về hộ bình an), đại khái là những lời vái như thế, ý cầu xin Ngài đừng tâu việc xấu và khi trở về phù hộ độ trì cho toàn gia đình được bình an may mắn, tránh khỏi những việc không hay cho gia đình mình.

*Sau lễ tiễn đưa ông Táo rồi, đến ngày mừng bốn tháng giêng phải nhớ làm lễ rước Ngài về. (có nơi cúng vào đêm giao thừa) gọi là lễ “Tiếp Táo” hay “Tiếp Thần” (đón thần Táo). Lễ này rất đơn giản, treo hình tượng mới của Táo Quân và hình con ngựa mới, tượng trưng là Ngài đã trở về đến nhà, trấn thủ trong gia đình để tiếp tục phù hộ và giám sát việc thiện ác.

*Việc đưa tiễn Ông Táo thì không nên làm trước ngày 14 tháng chạp, chọn được ngày tốt theo lịch Thông Thắng (ngày nào có ghi nên:- tế lễ, cầu phước là được. Hoặc là chọn ngày có Thiên đức, Nguyệt đức, Tam hợp, Thiên hi ...)

*PHẨM VẬT CÚNG TẾ:

- Gồm có:

- 3 cây nhang trầm hương hoặc hồ phách (loại nhang này có mùi thơm đậm, cúng thần rất tốt, truyền thuyết nói rằng mùi thơm của nó có thể bay thấu lên trời)

- 3 chung rượu hâm nóng (vì trời lạnh)

- 2 cây đèn cầy đỏ

- 3 chung hồng trà

- 3 đôi đũa

- 3 cái chén

- 1 đĩa rau

- 8 miếng mức hoặc một bình mạch nha.

- 8 đĩa trái cây hay đường miếng (phương đường)

- 1 khối thịt luộc (nếu là Phật tử thì miễn cúng thịt, giới sát)

- 8 miếng xôi vị (thang hoàn 湯丸=?) (tương truyền khi ông Táo ăn xôi vị thì tiếng nói không còn trong trẻo, nên Ngài ngại không dám nói nhiều để tâu trình Ngọc Hoàng)

- áo mào Táo Quân, giấy tiền vàng bạc, giấy vàng khối ...

*Nghỉ thức cúng:

- bày phẩm vật trước bàn thờ Táo Quân.

- đốt đèn, xá ba xá, cắm đèn lên bàn.

- đốt nhang, xá ba xá cắm lên lư hương

-quì xuống chắp tay lên ngực, miệng khấn vái ba ý:- cảm tạ ơn Ngài phù hộ suốt năm ----Kính tiễn Ngài về trời (đừng tâu việc xấu)---Khi trở về xin phù hộ sức khỏe dồi dào, công việc làm ăn thuận lợi v.v...

- ở chỗ lư hương có đặt miếng đường hoặc miếng nhỏ xôi vị

- đốt áo mào và giấy tiền vàng bạc như trên...

*Việc thắp hương cho ông Táo thường thì vào hai lần sáng chiều, có nơi chỉ thắp vào buổi chiều tối.

-Chỗ thờ Ông Táo tốt nhất là đặt vào vách tường phía Nam của nhà bếp. Có chỗ nói là “đông trù” nên đặt ở vách tường phía Đông.

-Táo Quân là vị thần gần gũi và rất quan trọng trong gia đình, cần phải thờ phụng nghiêm chỉnh, cúng bái thành tâm, chứ không nên xuề xòa bắt chước theo người cho có lệ. Nhất là đừng quá dễ dãi mua đại tẩm bài vị thờ Táo Quân rồi đặt chỗ nào tùy thích thì không được.

-Bàn thờ Táo Quân phải ở chỗ khang trang, sạch sẽ, cao hơn đầu mình. Cung kính lễ bái theo ý “kính thần như thần tại” thì Ngài Định Phước Táo Quân mới phù hộ độ trì cho bản thân và gia đình được bình an mạnh khỏe, tăng long phước thọ.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Huyền Thiên Thượng Đế

Huyền Thiên Thượng Đế

Theo tín ngưỡng dân gian từ xưa đến nay của người Trung Quốc thì luôn có tư tưởng “cảm ứng” giữa người và trời đất. Họ tin rằng có sự tương quan giữa việc tinh tú vận chuyển và mệnh vận con người. Trong số những tinh tú, tất cả đều di chuyển chỉ trừ “Sao Bắc Cực” là chẳng động, cho nên người ta đã thần thánh hóa gọi đó là “Bắc Đẩu Tinh Quân”, ý nói lên đó là một ngôi sao tôn quý nhất. Hình tượng hóa gọi là Huyền Thiên Thượng Đế.

Huyền Thiên Thượng Đế uy phong lẫm liệt, tám mặt sinh gió. Hình dáng là một vị mặc áo bào đen, tay cầm bảo kiếm, chân đạp lên rùa và rắn. Hai bên có Kim Đồng Ngọc Nữ tay cầm cờ đen theo hầu, gọi là hai tướng thủy hỏa. Nhưng nguyên hình của Huyền Thiên Thượng Đế là sự kết hợp của rùa và rắn tạo thành, tức là “lưỡng chi bà trùng”. Hình tướng rùa rắn hợp thành này, chính là kết quả của sự sùng bái tinh tú từ thời xa xưa tạo nên.

Huyền Thiên Thượng Đế gọi đầy đủ là “Hựu Thánh Chân Vũ Huyền Thiên Thượng Đế Chung Kiếp Tế Khổ Thiên Tôn”, cũng còn xưng các danh hiệu khác là “Bắc Cực Huyền Thiên Thượng Đế”, “Huyền Vũ Đế”, “Bắc Cực Đại Đế”, “Chân Vũ Đại Đế”, “Chân Vũ Đại Tướng Quân”, “Nguyên Thiên Thượng Đế”, “Khai Thiên Đại Đế”, “Khai Thiên Viêm Đế”, “Chân Vũ Đế”, “Khai Thiên Chân Đế”, “Thủy Trường Thượng Đế”, “Chân Như Đại Đế”, “Nguyên Vũ Thần”, “Bắc Cực Hựu Thánh Chân Quân”, “Nguyên Đế”, “Bắc Cực Thánh Thần Quân”, “Tiểu Thượng Đế”. Đến đời nhà Thanh thì sách vở văn hóa tôn xưng Ngài quá nhiều, gọi tắt là “Thượng Đế Công”, “Thượng Đế

Gia”, “Đế Gia Công”.

Đạo gia nhận ra rằng, phương Bắc là nơi lạnh lẽo u ám, cũng là hồn con người trở về sau khi chết. Do đó, cho rằng phương Bắc rất huyền diệu, mà vị thống trị phương Bắc u ám đen tối này là “Huyền Thiên Thượng Đế”. Niềm tin của quần chúng lớn dần, khi trải qua nhiều đời vua chúa tín ngưỡng cúng tế.

Đời xưa, gọi bảy sao phương bắc: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích chung một tên là “Huyền Vũ”, cũng để chỉ cho “Sao Bắc Đẩu”.

Căn cứ vào sách “Lễ Ký”, nói rằng “Tiền Châu Tước, hậu Huyền Vũ” (phía trước là chòm sao Châu Tước, phía sau là chòm sao Huyền Vũ). Châu Tước là để chỉ cho sáu sao phương Nam. Các nhà thiên văn Trung Quốc xưa, chia các vì tinh tú ra thành 28 chòm, gọi là “Nhị thập bát tú”, rồi lấy 28 chòm sao này làm giới hạn để định ra bốn “tổ” (hướng) Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi tổ có 7 chòm sao, tưởng tượng đến các hình tượng con vật, kết hợp với lý luận năm phương năm sắc, thành ra:

- phương Đông gọi là Thanh Long. (rồng xanh)
- phương Nam gọi là Châu Tước. (chim sẻ đỏ)
- phương Tây gọi là Bạch Hổ. (hổ trắng)
- phương Bắc gọi là Huyền Vũ (rùa rắn phối hợp)

như thế thành ra “Tứ Tượng”.

*Rùa là một trong “tứ linh” (long, lân, quy, phượng), còn rắn là một con vật linh thiêng thần thoại, người xưa rất tôn quý. Bảy sao phương bắc Huyền Vũ được tưởng tượng thành con vật phối hợp giữa rùa và rắn. Ngày xưa, Đạo giáo tôn xưng bốn vị Thanh Long, Bạch Hổ, Huyền Vũ, Châu Tước là bốn vị

thần Hộ Pháp, nghĩa là bốn vị tiểu thần mà thôi. Nhưng sau đó, đột nhiên Huyền Vũ được trở thành vị thần lớn của Đạo giáo, là vị Thống Soái phụng lãnh mệnh lệnh của Ngọc Đế trấn giữ phương Bắc. Nhiều đời vua chúa phong tặng là “Chân Quân”, “Đế Quân”, “Thượng Đế”... ngày càng cao thêm. Triều đại nhà Tống sửa đổi “huyền vũ” thành ra “chân vũ”, đến đời Tống Thần Tông phong là “Huyền Thiên Thượng Đế”, đó là tinh thần “nhân cách hóa” sự vật.

Theo quan điểm Đạo giáo, “huyền” là hợp hai thứ rùa rắn, ở phương bắc, màu đen nên xưng huyền. Mà phương Bắc là vị trí của đế vương, nên Huyền Vũ là “vua của bầu trời”, gọi là “Bắc phương Nhâm Quý chí linh thần”, là vị “ứng hóa thân của Kim Khuyết Chân Tôn” (Ngọc Đế).

Huyền Thiên Thượng Đế cũng là hóa thân của “Bắc Cực Huyền Vũ Tinh Quân”, Đạo giáo cũng còn tôn xưng Ngài là “Tam nguyên đô thống soái”, tức là giáo chủ của muôn pháp, thống quản cả 36 vị nguyên soái khác, có uy quyền vượt trội, sự linh nghiệm không ai hơn, là vị “Tối linh Tối thịnh” trong Đạo giáo, là vị thần minh lớn nhất. Như vậy, Huyền Thiên Thượng Đế là vị thần cao cấp nhất, được thờ phụng trong “Bắc Cực Điện” hay “Chân Vũ Điện”.

* Triều đại nhà Hán, gọi là miếu thờ “Huyền Vũ Chân Quân”. Đến đời Tống, vì vua khai quốc tên “DẶN” có liên quan ý nghĩa đến “Huyền” nên kỵ húy đổi “huyền vũ” thành “chân vũ”, nhưng đến Tống Chân Tông thì bỏ lệ kỵ húy này, trả “chân vũ” trở lại thành “huyền vũ”. Suốt cả ngàn năm, “Huyền Vũ Chân Quân” đều chỉ xưng là “Quân” hay “Sư” chứ chưa bao giờ xưng “Đế”.

Tương truyền vào cuối nhà Nguyên, ông Chu Nguyên Chương trong một lần thất trận, trốn vào miếu thờ “Chân Vũ” mà thoát khỏi nạn đuổi bắt của binh lính nhà Nguyên, nên sau khi lên ngôi lập ra nhà Minh, ông hạ lệnh cho trùng tu các miếu thờ “Chân Vũ”, tô đắp tượng bằng vàng, lại tự đề bút sắc

phong miếu thờ thành “Bắc Cực Thần Điện” nơi tấm bảng treo trước cửa và gia phong cho Ngài thành ra “Huyền Thiên Thượng Đế”.

* Cũng theo truyền thuyết Đạo giáo

Ngài Huyền Thiên Thượng Đế vốn là một vương tử. Vào thời Huỳnh Đế, Ngài thoát thai nơi hoàng hậu Thiện Thắng ở Tịnh Lạc Viên. Lúc trẻ đã có tâm tu hành, lớn lên thành thanh niên uy dũng nhưng không muốn kế thừa ngôi vua. Về sau, được vị Nguyên Quân truyền trao “bí pháp”, lại được thiên thần trao tặng kiếm báu, vào Vũ Dương Sơn tu luyện, suốt 42 năm thì đắc quả sanh thiên. Nhân vì có công thống lĩnh thiên binh thiên tướng chinh phạt giặc dữ thành công, nên Ngọc Đế phong cho Huyền Thiên Thượng Đế, trấn giữ phương Bắc.

* Còn theo truyền thuyết dân gian

Huyền Thiên Thượng Đế vốn là một người đồ tể, mổ heo sinh sống. Lúc tuổi về già, ăn năn nghiệp sát sanh quá nặng, không tích chứa được công đức, nên quyết chí tu đạo, buông đao đồ tể, vào chốn thâm sơn tu tập. Ngài đã siêng năng tu tâm dưỡng tánh nhiều năm, nên được đức Quan Âm điểm hóa cho. Đức Quan Âm nói rằng, vì trước đây, Ngài đã sát sanh quá nhiều, phải làm lễ “Tẩy rửa gan ruột” mới có thể chứng quả. Ngài đã tin tưởng hết sức chân thành, can đảm tự mổ bụng mình ra, rồi đem ruột gan xuống sông tẩy rửa, cắt bỏ những phần bao tử và ruột bị hư thúi, làm đen cả khúc sông, cứ rửa mãi cho đến khi nước sông trong trở lại, mới đem gan ruột cho vào bên trong bụng may lại. Hành động này cảm ứng đến trời nên được đắc thành chánh quả, được phong là “Huyền Thiên Thượng Đế”. Từ đó mới xuất hiện điển cố “Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật” (buông đao đồ tể, trọn nguyện thành Phật).

Nhưng những phần bao tử và ruột của Ngài cắt bỏ nơi sông, trải qua nhiều năm tháng hấp thụ tinh khí trời đất, biến thành hai con Yêu Rùa Và Yêu Rắn,

làm hại người trần, Huyền Thiên Thượng Đế phải tự thân hạ giáng trần gian để thu phục hai con yêu này. Lúc đầu, Ngài địch không nổi với hai con yêu này, phải cầu thỉnh với “Bảo Sanh Đại Đế” trợ giúp. Nhờ vào uy lực của 36 thiên tướng (36 ngôi thiên cương) bao vây và nhờ có thần lực kiếm quang mạnh mẽ của “Phục ma Bắc đẩu thất tinh kiếm” mới đè bẹp được hai con yêu này. Nhưng hễ đỡ kiếm lên thì hai con yêu lại toan cựa quậy, ví thế Ngài phải dùng chân đạp hai con yêu này để kèm thúc chúng, mới trả kiếm lại cho Bảo Sanh Đại Đế được. Từ đó, rùa và rắn trở thành hai người hộ vệ hai bên tả hữu của Ngài.

*Lại có một truyền thuyết khác

ngày xưa có một người đồ tể và một vị ăn chay trường cùng đi trên con đường đến yết kiến Phật Quan Âm ở núi Côn Lôn. Lúc đi qua sông nhưng không có phương tiện để qua, vị ăn chay lòng trù trừ chẳng muốn đi tiếp, còn người đồ tể thì có lòng tha thiết muốn triều bái Phật, chẳng nệ sông chết liều mạng bơi qua sông, kết cuộc đến nơi. Nhưng vì trước đây ông đã sát sanh quá nhiều, sáu căn không thanh tịnh, nên không thể tiến vào bên trong được. Do vậy, người đồ tể tự mổ bụng bày ra nội tạng để tỏ lòng chí thành. Do đó cảm động đến thiên đình, Ngọc Đế cho phép lấy bao tử của ông biến thành con rùa, còn ruột biến thành con rắn, chở linh hồn người đồ tể này lên cõi trời, trở thành Huyền Thiên Thượng Đế. Nhân vì ông ta tự mổ bụng để chứng minh lòng thanh tịnh, nên đời sau tôn xưng là “Khai tâm Tôn giả” (tôn giả mở bày tâm)

Trong “Thần dị truyện” có chép:

- “Đức Chân Quân cầm kiếm, tróc nã yêu tinh khắp các nơi trong trời đất, khiến chúng sợ hãi mà qui phục. Tượng Ngài rất dữ tợn, áo mão không chỉnh tề, dưới chân có hai con rùa rắn. Rùa là nói loài yêu ở cõi trời, rắn là nói loài yêu ở dưới đất”.

*Còn sách “Đồ Chí” thì chép, Chân Vũ vốn là Thái Tử của Tịnh Lạc Vương, tu luyện ở Vũ Dương Sơn, kết quả được thăng thiên, phụng mệnh lệnh của Thượng Đế trấn thủ Bắc thiên môn, chân đế trần, cầm cờ màu đen”.

*Sách “Kim Lăng chí” nói:

- “Chân Vũ Đại Đế tức là bảy sao Huyền Vũ có hình tượng kết hợp rùa và rắn, nên để hình tượng rùa rắn này dưới chân Ngài”

*Sách “Bành Hồ Phi Lược” chép: “Bắc Cực Chân Vũ Huyền Thiên Thượng Đế, trước là thần Huyền Vũ trấn phương bắc, Huyền vũ thuộc thủy, nước màu đen, nên áo mũ và cờ đều màu đen.

(Đoạn kể này quá tối nghĩa không dịch được, kính nhờ quý cao nhân dịch giùm từ nguyên tác ở trên).

*Trong “Đài Loan huyện chí” có ghi:

- “Miếu thờ Chân Vũ, có một ở phường Đông An, một tại phường Trấn bắc, thờ vị “Bắc Cực Hựu Thánh Chân Quân”.Ngoài ra các nơi khác có tôn tạo hình tượng như trấn An Bình, Thất Côn Thân ở cửa bắc, Lộc Nhĩ Môn ... đều có tượng rùa rắn dưới chân. Khi họ Trịnh đến Đài Loan đã thấy có nhiều Miếu thờ Chân Vũ để làm phép trấn bình an cho cuộc đất”.

*Cách tạo hình tượng Huyền Thiên Thượng Đế là:

- đầu đội mũ vàng, tướng dạng oai nghiêm hiên hách. Mồm mặc áo đen, có năm chòm râu dài, gương mặt từ ái hòa nhã. Tay phải cầm kiếm Bắc đẩu thất tinh, tay trái bắt ấn. Hai chân màu đỏ, chân phải đạp con rắn, chân trái dậm con rùa, sau lưng có giắt cờ đen, hai bên có Kim Đồng Ngọc Nữ tức là Thủy Hỏa nhị tướng theo hầu”.

*Tương truyền thuộc hạ của Huyền Thiên Thượng Đế gồm có bốn vị

nguyên soái là:

- Khang, Triệu, Lưu, Lâm nguyên soái. Ngài là phụ tá Thượng Đế Công để giữ an cung khuyệt của thiên đình, đồng thời bảo hộ cho khắp hết sanh linh. Y cứ theo sách “Tam giáo suy thần đại toàn” (Thần thánh đầy đủ của tam giáo) thì Khang nguyên soái tên Diệu Uy là sao Long Mã chuyển thế, được Ngọc Đế sắc phong làm Nhân Thánh Nguyên Soái; Triệu nguyên soái tên là Lãng Nhất, tự Công Minh, hiệu Vĩnh Xưởng, đời nhà Tần ở trong núi, chuyên rông tu hành dắc đạo, công đức viên mãn, được Ngọc Đế phong làm Thần Tiêu Phó Tướng. Còn hai vị Lưu, Lâm nguyên soái là hai vị đi theo Huyền Thiên Thượng Đế để cầu đạo tu hành, rồi sau hộ vệ Huyền Thiên Thượng Đế thăng thiên, cũng được Ngọc Đế phong làm Thần Tiêu Phó Tướng.

Ngày vía của Huyền Thiên Thượng Đế là ngày mùng ba tháng ba âm lịch.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Nam Cực Tiên Ông

NAM CỰC TIÊN ÔNG

Nam Đẩu Tinh Quân còn gọi là Nam Cực Lão Nhân, Nam Cực Đại Đế hoặc Nam Cực Tiên Ông.

Xét về gốc gác của vấn đề, ta thấy Nam Đẩu ở phương Nam, do sáu ngôi sao hợp thành, có hình dạng như cái “đẩu” (đồ dùng để đong ngày xưa), cho nên gọi là Nam Đẩu (cái đẩu phương nam).

*Sách “Sử Ký đại quan thư chú” chép:

- “Nam đẩu có sáu sao, ở hướng Nam”.

* “Tinh kinh” (kinh về sao) chép:

- “ Nam đẩu có sáu sao, chủ về nhận lệnh của vua, lại chủ về tước lộc Tể Tướng”.

*Sách “Hồn thiên phú” của Dương Quýnh chép:

- “Nam đẩu chủ về tước lộc, còn Đông bích thì chủ về văn chương”.

*Sao Nam Cực còn gọi là “Thọ Tinh” (sao chủ về tuổi thọ), “Lão nhân tinh”, “Nam cực lão nhân tinh” hay “Nam cực lão nhân”.

*Sách “Sử ký phong thiên thư sách ẩn” chép:

- “Thọ tinh là Nam cực lão nhân tinh”, thờ cúng vị ấy để cầu phước thọ”.

*Sách “Hậu Hán thu thiên chí” chép:

- “Sao Lão nhân còn gọi là sao Nam cực”.

*Sách “Sử ký thiên quan thư” chép:

- “Có sao lớn hình giống con sói, gọi là sao Nam cực lão nhân”.

*Nhà thơ Đỗ Phủ có hai câu thơ:

-“Nam cực lão nhân tự hữu tinh,

Bắc sơn di văn thùy lạc minh”

(lão già nam cực có tên sao, bài văn ở núi bắc thì ai khắc)

*Nam đẩu có sáu sao, sao nam cực là một sao nằm ở giữa, chủ về phước thọ. Còn “Nam Cực Tiên Ông” lại là vị thần chủ về phước thọ, để ám chỉ sự sống lâu của con người. Đó không phải là Nam đẩu tinh, cũng không phải để chỉ sao Nam cực.

*Sao Nam đẩu hay sao Nam cực chỉ là yếu tố tự nhiên, nhưng dân gian tin tưởng mới gán ghép với việc các sao ấy có quyền lực siêu nhiên về quyết định mệnh vận của loài người, trở thành việc sùng bái vị “Thọ Thần”.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Ngọc Hoàng Đại Đế

Ngọc Hoàng Đại Đế

“Ông Trời” là để chỉ Ngọc Hoàng Thượng Đế, cũng tôn xưng bằng nhiều danh hiệu như:

- “Ngọc Đế”, “Hạo Thiên Thượng Đế”, “Huyền Khung Cao Thượng Ngọc Hoàng Đại Thiên Đế”, “Hạo Thiên Kim Khuyết Vô Thượng Chí Tôn Tự Nhiên Diệu Hữu Di La Chí Chân NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ”.

NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần minh cao cấp của Đạo giáo, địa vị gần nhất dưới Tam Thanh Tôn Thần. Nhưng trong con mắt của người thế tục Trung Quốc, NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần tối cao, là vua của các thần khác.

*Theo truyền thuyết dân gian, NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ không chịu mệnh lệnh của vua khác, cai quản khắp nhân gian, thống trị hết thần tiên của ba giáo Nho, Đạo, Thích, điều động hết thiên thần, địa kỳ, nhân qui. Thiên thần là những vật tự nhiên được “thần hóa” như:- mặt trời, mặt trăng, sao, phong bá (thần gió), vũ sư (thần mưa), tư mệnh, Tam Quan đại đế, Ngũ Hiển đại đế v.v...đều dưới quyền của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ. Địa kỳ (chi) cũng là những vật tự nhiên ở đất được thần hóa như:- thần Thổ Địa, thần Xả tặc, thần Núi non, thần Sông biển, thần Năm tháng, nói chung bao quát cả “bách thần”. Nhân qui là những nhân vật lịch sử sau khi chết được thần hóa, bao gồm: tổ tiên, những bậc công thần, những văn nhân v.v...

NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ thống lãnh trời, đất, người, thần linh ba cõi,

cùng quản lý mọi sự thịnh suy tốt xấu của vũ trụ vạn vật. Về lãnh vực này, Ngài có các thuộc hạ như:- Văn Xương đế quân coi về sự học hành, Quan Thánh đế quân coi về việc mua bán, Xảo Thánh Tiên sư coi về công nghiệp, Thần Nông Tiên đế coi về nghề nông, Đông Nhạc đại đế cai trị các địa phương, cùng với những phụ tá như:- Thanh Sơn vương, Thành Hoàng gia, Thổ Địa công, Địa Cơ chủ. Ngoài ra còn có những vị coi về phần âm như:- Phong Đô đại đế và Thập Điện Diêm Vương ... Tất cả đều dưới quyền cai trị, chỉ đạo, phân bổ của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ.

Trong cơ sở lý luận của Đạo giáo, có sự phân chia rõ rệt của ba giới: trời, đất, người. Trời thì có 13 tầng, một tầng là ba mươi ngàn dặm. Khu vực “Trời ngoài” gọi là “Vô cực”, còn khu vực “Trời trong” gọi là “Thái cực”. Thái Cực thiên lại phân làm năm thiên là:- Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung Ương. NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần tối cao, tất cả thần linh đều phải nghe theo lệnh của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ. Sự phân chia Thái Cực thiên như sau:

1.- Trung Thiên:

- là nơi cư ngụ của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ, nắm quyền điều khiển cả trên là ba mươi sáu “Thiên”, ba ngàn thế giới, lẫn dưới là bảy mươi hai “Địa”, tứ đại bộ châu có sanh linh đang sống.

2.- Đông Thiên:

- do “Tam Quan Đại Đế” cai quản, chủ về việc ban phước tăng thọ, giải tai xá tội trừ nạn cho sanh linh.

3.- Nam Thiên:

- do “Văn Hành Thánh Đế” cai quản, chủ về việc theo dõi ghi chép công tội, hay bổ nhiệm thăng giáng cấp của tất cả chư Thần.

4.-Tây Thiên:

- do Thích Ca Mâu Ni cai quản, chủ về giáo dục tâm linh cho con người, dạy họ làm lành lánh dữ và qui y theo Phật để tu đạo giải thoát.

5.-Bắc Thiên:

- do “Tử Vi Đại Đế” cai quản, chủ về việc ban cho tiền bạc, tài sản, cũng như họa phước con người.

*Theo truyền thuyết thì NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ chính là “hóa thân” của “Đấng Tối Cao Thái Cực” trong Tam Thanh, là vị được cổ nhân sùng kính hạng nhất. Ngọc Hoàng cư ngụ nơi “Ngọc Thanh Cung”, chưởng quản hết từ trên là 36 thiên, ba ngàn thế giới, các bộ thần tiên, tới dưới là 72 địa, tứ đại bộ châu. Nói tóm lại, là chưởng quản tất cả chư Thần, Tiên, Phật, cho đến triệu ức sanh linh... do đó mới tôn xưng Ngài là “Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn Huyền Linh Cao Thượng Đế”.

*Lại có một thuyết khác, cho rằng NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là “Thiên Quan” của “Tam Quan Đại Đế”, giống như Tử Vi Đại Đế của Đạo giáo, nghĩa là một vị “Phước Thần” coi về phước, lộc, thọ. Tam Quan đại đế còn xưng là “Tam Giới Công”, gồm có:- “Tứ Phước Thiên Quan Tử Vi Đại Đế” ở cõi thượng nguyên, “Xá Tội Địa Quan Thanh Hư Đại Đế” ở cõi trung nguyên và “Giải Ách Thủy Quan Động Âm Đại Đế” ở cõi hạ nguyên, gồm lại gọi là “Tam Quan Đại Đế” vậy.

*Danh xưng Ngọc Đế xuất phát từ sự tôn trọng “Ông Trời” của người thượng cổ. Thời đại nhà Ân, nhà Thương gọi vị thần tối cao là “Đế” hoặc “Thiên Đế” hay “Thượng Đế”, có nghĩa là một vị “VUA” có năng lực chi phối hết thảy trên trời dưới đất, hai bên chư thần văn võ. Đời nhà Châu (Chu) lợi dụng tinh thần sùng bái “Ông Trời” này mà gọi vua là “Con của Trời” (thiên tử) nên “vua nói ra thì tất cả phải nghe theo”.

*Về lĩnh vực “Họa hình” thì mãi tới đời Đường, Tống mới có chính thức. Đó là hình tượng một vị “mình mặc loại y phục Cửu Chương, đầu đội mũ Thập Nhị Hành, tay cầm Ngọc Hốt, (玉笏: Cái hốt, ngày xưa vua quan ra châu đều cầm cái hốt, hoặc làm bằng ngọc, hoặc làm bằng tre, ngà, có việc gì định nói thì viết lên giấy để phòng cho khỏi quên. Đời sau hay làm bằng ngà voi mà chỉ các quan cầm thôi—TĐHV Thiều Chửu). Hai bên có Kim Đồng, Ngọc Nữ theo hầu, hoàn toàn mô phỏng theo y phục của vua chúa Tần, Hán.

*Theo “Cao Thượng Ngọc Hoàng Bản Hạnh Tập Kinh” viết:

-Vào đời viễn cổ, có một nước tên là “Quang Nghiêm Diệu Lạc”, vua là “Tịnh Đức Vương”, hoàng hậu là “Bảo Nguyệt Quang”, đã lớn tuổi mà chưa có con trai. Một đêm nọ, nằm mộng thấy Thái Thượng Lão Quân bồng một đứa con nít trai đưa cho hoàng hậu. Tỉnh dậy, hoàng hậu biết mình có thai. Mang thai mười tháng, đến ngày mừng chín tháng giêng năm Bính Ngọ thì hạ sanh Thái Tử. Từ nhỏ, Thái tử rất thông minh trí tuệ, lớn lên đã phụ tá cho vua cha đắc lực, thương yêu dân chúng, làm việc thiện cứu giúp nhân dân. Sau khi nhà vua băng hà, Thái tử giao đất nước lại cho các đại thần rồi vào trong núi để tu hành. Trải qua tám trăm kiếp, hi sinh bỏ mạng để cứu chúng sanh, cuối cùng đạt đạo chân, phi thăng cõi trời, được muôn thần sùng kính ái mộ, đưa lên làm “NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ”, cai quản khắp tam giới.

Ngày mừng chín tháng giêng âm lịch là ngày “Đản sinh” của Ngọc Đế (Thiên Công Sinh). Tháng giêng là tháng khởi đầu của năm, chủ của bốn mùa, cây cối nhờ vào khí thủy mà từ đó sanh sôi nảy nở thêm ra. Số “chín” là con số “lớn nhất” của các số, đại biểu cho ý nghĩa “cực đại, cực đa, cực cao”. Cho nên, người ta lấy con số “chín đầu tiên” (thượng cửu) của năm (9 tháng 1) làm ngày sinh của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là do ý đó.

*Trong “Lãi Hải Tập” của Vương Quy đời nhà Minh nói rằng:

- “Nghĩa của ngày sinh thần minh là nghĩa của “sự bắt đầu”, cho nên lấy

ngày mùng chín tháng giêng là thánh đàn của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ. Số bắt đầu từ “một” đến lớn nhất là “chín”, kết thúc của “sự bắt đầu” vậy”. Như thế, khi nói đến ngày sinh của các vị thần, chúng ta cần phải lưu ý đến hàm nghĩa của “con số” biểu trưng vậy.

*Việc cúng bái NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ có nguồn gốc quan hệ đến sự sùng bái trời đất của người xưa và tư tưởng kính trời sợ đất của con người mà thành. Người xưa cho rằng, “Trời” là vị chúa tể của vạn vật, là nguồn gốc của sự sanh ra và nuôi lớn muôn vật, cho nên mọi người không thể không kính trời sợ đất, thuận theo trời mà hành đạo. Do đó, họ nghĩ rằng trong tự nhiên phải có một vị “thần minh tối cao” cai quản và chi phối hết thảy mọi vật. Nhà vua là người được mệnh lệnh của “Trời” cho xuống nhân gian để cai trị người. Nếu vua mà thuận theo thiên ý thì sẽ được mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, còn nếu nhà vua làm trái với thiên ý, thì “trời” nhất định sẽ giáng tai họa để trừng phạt. Mà nếu hễ nhà vua mà đã kính sợ “trời” thì các quan và dân chúng cũng phải kính sợ “trời”. Vua đã là người phụng mệnh “trời” để cai trị dân chúng thì nhất nhất không thể không sùng bái “trời”, cho nên phải có định kỳ “tế trời”, đó là chức trách tối quan trọng của nhà vua. Trải qua nhiều triều đại, mỗi năm nhà vua đều phải cử hành “LỄ GIAO” (lễ tế trời), nhưng chỉ có “nhà vua” mới là người “đủ tư cách tế trời” mà thôi! Đến khi, triều đại phong kiến kết thúc, dân chúng mới bắt đầu được phép “tế trời”.

*Theo trong các sách sử thì từ các đời Tần, Hán, Đường, Tùy, Tấn, Ngụy... đều có tổ chức “Lễ tế trời” rất trọng thể. Nhưng “trời” không thể hiểu như là “bầu trời xanh trên cao” kia được, khái niệm “trời” rất vô hình, mênh mêng ... thì làm sao biết chỗ nào, người nào... để cúng tế đây? Từ đó, người ta phải cụ thể hóa “trời” bằng danh xưng “NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ” để có đối tượng rõ ràng mà cúng bái.

*Vì NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vị thần do con người tưởng tượng ra mà thành, nên không thể có “hình dạng cụ thể” được. Mãi cho đến thời vua Tống

Chân Tông mới có hình tượng NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ như đã mô tả ở trên. Như vậy, chúng ta thấy có sự khác biệt về nhận thức của “Trời Vô Hình” lúc đầu và “Trời Hình Tượng” kể từ khi Đạo giáo thịnh hành. Còn trong dân gian, không cần nói đến ý nghĩa cao thấp, hữu hình vô hình gì cả, mà trong đầu mỗi con người Trung Quốc đều mang nặng, khắc sâu hình tượng “ÔNG TRỜI” hiện diện rất thân cận, gần gũi và mật thiết với họ.

*Việc cúng tế “Ông Trời” phải được thực hiện sao cho có phần long trọng, trang nghiêm hơn các “thần minh” khác, vì Ngài là vị quyền uy tối cao trên tất cả thần thánh khác. Do đó, lúc đầu không ai dám đưa hình tượng nào ra về Ngài, chỉ dùng hai biểu tượng là “Thiên Công Lô” (lò hương cúng trời) và “Thiên Công Tòa” (ngai vua trời) để cúng bái mà thôi. Các Miếu thờ đều đặt “Thiên Công Lô” ở trước cửa, khi cúng bái thì ngẩng mặt lên bầu trời mà van vái, từ đó phát sinh tục lệ “đốt nhang” trong cúng tế.

-Trong con mắt của mọi người, NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là lớn nhất, nên việc cúng tế phải làm cho ra vẻ mới được. Vào buổi chiều hôm trước (tức chiều mùng 8/1), cả nhà già trẻ bé lớn đều ăn chay, tắm gội sạch sẽ, sửa soạn phẩm vật thịnh soạn. Kế đó, dâng hương cúng tế, lạy ba lạy chín vái. Trong ngày cúng tế, không được phơi quần áo đàn bà, phải lật úp “thùng phân” lại để thiên công không nhìn thấy, khỏi phạm tội bất kính. Ở những nơi cúng tập thể phải có phẩm vật đặc biệt là “con heo nguyên vẹn” để cúng theo nghi thức rất long trọng.

Vì địa vị của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ quá cao, nên phạm những việc nhỏ nhặt như cầu tài, cầu tự, cầu danh, cầu lợi đều không được “cầu trời phò hộ”, vì Ngọc Đế đâu có rãnh mà giải quyết những chuyện này!

Khi cúng Ngọc Đế, tất phải nhớ cúng thêm cả hai ban văn võ bá quan theo hầu cận Ngài, không được chỉ để một tượng Ngọc Đế đơn độc mà cúng, như thế thành ra “cô quân” (ông vua cô độc) hay sao? Phạm vào điểm này, thành ra tội bất kính Ngọc Đế vì không nói lên được uy thế của Ngài.

* Ngày mừng chín tháng giêng âm lịch là ngày “đản sinh” của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ. Xứ Mân Nam của Đài Loan dân chúng gọi là “Ngày sinh ông Trời”. Vào ngày ấy, tất cả những đạo quán đều tổ chức cúng kiến với những nghi thức vô cùng long trọng như:- Chúc thọ, tụng kinh, lễ bái... Nhà nhà người người đều ra ngoài trời, hướng vọng lên không trung mà khấu bái.

* Ở thời đại phong kiến, chỉ có nhà vua mới đủ tư cách tế trời, còn dân chúng thì tuyệt đối không được tùy tiện cúng bái trời. Khi phong kiến kết thúc, điều cấm kỵ trên đã bãi bỏ. Tuy vậy, dân gian vẫn tin rằng địa vị của Ngọc Đế quá cao nên không được phép tô vẽ đắp hình tượng của Ngài để thờ cúng, mà chỉ dùng hai món tiêu biểu là “Thiên Công Lô” và “Thiên Công Tòa” như đã nói ở trên để cúng bái. Khi cúng, tín đồ chỉ thắp hương và lễ lạy trước “Thiên Công Lô” mà thôi.

* Nghi thức “cúng trời” chỉ diễn ra từ khuya đêm mừng tám đến khi mặt trời mọc sáng mừng chín thì ngừng. Ngày hôm trước đó, cả nhà đều ăn chay tắm gội sạch sẽ, tập trung mạnh mẽ tinh thần, bỏ hết những chuyện tạp nhạp trong tâm, để việc cúng tế được linh nghiệm. Mọi người tập trung trước chính sảnh (gian thờ), trần thiết bàn bát tiên, lập đàn cúng tế. Trên bàn cúng trời, có:- cặp đèn “thần đăng”, năm thứ trái cây (cam, quít, tào quả, chuối, mía), phải nấu sáu món chay là:- kim châm, mộc nhĩ (nấm mèo), nấm hương cô, rau thái tâm, đậu uýển, tàu hủ, tất cả thức ăn đều phải được đập kỹ bằng vải lưới thật mỏng, ngoài ra, đặc biệt còn phải có ba hộp trà ngon. Có tổ chức múa mâm vàng, ca hát chúc tụng, phát “lộc”. Khi đến giờ mãn, cả nhà chỉnh trang y phục, đến chính sảnh đứng theo tôn ty thứ tự mà hành lễ “tam quy cửu khấu” (ba lạy chín vái), sau đó mới đốt giấy tiền vàng bạc. (công kim)

Một vài nơi, người dân có tục “cúng gà” trong dịp này, phải dùng gà trống để cúng chứ không được dùng gà mái.

*Nguyên danh của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là gì?

Tiểu sử Đức Ngọc Hoàng Đại Đế như sau:

NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ gọi tắt là NGỌC HOÀNG, cũng xưng là Hạo Thiên Kim Khuyết Diệt Tôn NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ hay Huyền Khung Cao Thượng NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ.

Đời nhà Tống, vua Chân Tông và Huy Tông đều có thánh hiệu này. Tống Chân Tông thì xưng là Thái Thượng Khai Thiên Chấp Phù Ngự Lịch Hàm Chân Thể Đạo NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN ĐẾ. Tống Huy Tông thì xưng là Thái Thượng Khai Thiên Chấp Phù Ngự Lịch Hàm Chân Thể Đạo Hạo Thiên NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ. Còn trong Đạo Kinh tôn xưng là Hạo Thiên Kim Khuyết Vô Thượng Diệt Tôn Tự Nhiên Diệu Hữu Di La Diệt Tôn NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.

*Y cứ vào “Cao Thượng Ngọc Hoàng Bản Hạnh Tập Kinh”, ở Hạo Thiên giới, có đức Quang Nghiêm Tịnh Lạc quốc vương và Hoàng hậu Bảo Nguyệt hạ sinh ra NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ. Khi vừa sinh ra, toàn thân tỏa hào quang. Trong nước tất cả đều được sung mãn, lúc còn nhỏ thì Ngài được thông minh sáng suốt, khi lớn lên thì tâm từ chan rãi khắp nơi, đem tiền bạc vật báu trong kho ra bố thí cho những kẻ nghèo nàn khổ khó, cô đơn không nơi nương tựa, đói rách tàn tật. Sau khi quốc vương Tịnh Lạc băng hà, thì Thái tử lên ngôi trị vì, đất nước rất phồn thịnh. Một thời gian sau, vua giao lại nước cho các đại thần, rồi vào trong núi Phổ Minh Hương Nham mà tu hành, trải qua ba ngàn hai trăm kiếp

chứng được kim tiên, lấy hiệu là “Tự Nhiên Giác Hoàng”, lại trải qua trăm ngàn kiếp nữa mới chứng Ngọc Đế.

1.- LÀ VUA CỦA MUÔN THẦN:

NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là vua các cõi trời, các cõi tiên; là chủ của các cõi thánh, là Thần tối cao của ba động Tiên, của các Thần trong tam giới. Ngọc Hoàng có quyền ra mệnh lệnh cho chín tầng trời, cai trị các thần trong năm non bốn biển. Đi đâu thì muôn thần theo làm tả hữu, giống như hoàng đế trần gian có các bề tôi theo hầu vậy. Ông Bạch Cư Dị có bài thơ rằng:-

“An kỳ tiện môn bối,
Liệt thị như công khanh
Ngưỡng yết Ngọc Hoàng đế,
Khê thủ tiền trí thành”

*Dịch:

“Xung quanh nhiều kẻ hầu,
Giống như các quan châu
Ra mắt đức Ngọc Đế,
Như thành kín, cúi đầu”

(các quan vây quanh như tường thành kín đáo vậy)

2.- CAI QUẢN HẾT THIÊN ĐẠO:

NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là hóa thân của Tam Thanh. Ngọc Hoàng đối với tam thanh giống như là trước thì không có mà sau thì diệu hữu, trước là Vô cực sau là Thái cực, trước thì vô vi sau là hữu vi vậy. Vì thế, Ngọc Hoàng là chủ tể của Tam tài, đứng đầu thiên địa nhân. Ngọc Hoàng điều khiển Tử Vi Bắc Cực Đại Đế điều hành ngang dọc của trời đất; khiến Câu Trần Thượng Cung Đại Đế điều hành Tam Tài, chấm dứt việc binh đao; khiến Hậu Thổ

Hoàng Địa theo âm dương mà sanh sanh hóa hóa. Nói chung, khắp cả đất trời, núi sông đất lớn, tạo hóa âm dương ...không có gì ở ngoài sự chưởng quản của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ.

***VIỆC CÚNG TẾ:**

Ngày đàn sanh của NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là mừng chín tháng giêng. Nơi các cung quán đền miếu của Đạo Giáo đều có cử hành nghi thức cúng tế, gọi là “Hội Ngọc Hoàng”. Đạo sĩ và tín chúng tụ hội tổ chức đại lễ “Trai thiên” (Lễ Chạp Trời) để cầu xin được ban bố phúc đức, thọ mạng dài lâu.

Ở hai tỉnh Phúc Kiến và Đài Loan, dân chúng gọi NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ là “Thiên Công” (Ông TRỜI), ngày mừng 9 tháng 1 gọi là lễ “Bái thiên công” (lạy ông Trời). Cả nhà già trẻ bé lớn, đều ăn chay, tắm gội sạch sẽ, dâng hương lễ bái, tụng kinh. Có nơi còn tổ chức hát ca vui vẻ. Miền bắc Trung Quốc còn có tập tục rước kiệu tượng Ngọc Hoàng đi vòng quanh khắp đường trong xóm ấp mình. Đến ngày 25 tháng chạp, các đạo quán và dân chúng làm lễ dâng hương tụng kinh để kính tiễn Ngọc Hoàng.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Nguyên Thủy Thiên Tôn

NGUYÊN THỦY THIÊN TÔN

*Đức Nguyên Thủy Thiên Tôn còn gọi là “Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn”, là vị tối cao trong Tam Thanh, cũng là vị Tôn Thần hạng nhất của Thần Tiên Đạo Giáo. Theo “Lịch đại thần tiên thông giám” tôn xưng Ngài là “Vị Tổ chủ trì cõi trời”. Địa vị của Ngài tuy cao, nhưng lại xuất hiện muộn hơn Thái Thượng Lão Quân.

Hồi đầu của Đạo giáo không thấy nói đến Nguyên Thủy, trong “Thái Bình Kinh”, “Tường Nhĩ Chú” cũng đều không thấy ghi tên Ngài, kể cả trong thần thoại xưa Trung Quốc cũng không thấy nói đến hành trạng Ngài. Danh xưng Nguyên Thủy xuất hiện sớm nhất trong “Châm trung thư” ghi là “Trước lúc hỗn độn chưa phân rõ (thái cực), đã có “tinh hoa của trời đất” hiệu là “Nguyên Thủy Thiên Vương” sẵn bên trong, sau phân hóa thành hai phần (lưỡng nghi), Nguyên Thủy Thiên Vương ở phía trên cõi trời, ngẩng lên hút thiên khí, cúi xuống uống địa tuyền (suối đất) trải qua vô số kiếp, cùng với Thái Nguyên Ngọc Nữ thông khí kết tinh mà sanh ra Thiên Hoàng Tây Vương Mẫu. Thiên hoàng sanh ra Địa Hoàng, Địa Hoàng sanh ra Nhân Hoàng, tiếp tục sanh ra con cháu là Bào Hi, Thần Nông. Cho nên bảo rằng: “Phía trên Đại La có bảy ngọn núi báu gọi là Huyền Đô Ngọc Kinh, có ba cung. Thượng cung là nơi ở của Bàn Cổ Chân Nhân, Nguyên Thủy Thiên Vương và Thái Thái Thánh Mẫu”. Như vậy, từ đây mới có danh xưng Nguyên Thủy Thiên Vương.

Đến thời kỳ Nam Bắc triều, trong sách “Chân linh vị nghiệp đồ” của Đào

Hoảng Cảnh nước Lương, mới ghi danh hiệu Nguyên Thủy Thiên Tôn. Sách này nói rằng vị thần tối cao làm chủ tất cả là “Thượng thai hư hoàng đạo quân”, hiệu là Nguyên Thủy Thiên Tôn, cũng xưng là Ngọc Thanh Cảnh Nguyên Thủy Thiên Tôn. Nhưng trong sách này lại cũng có ghi vị “Nguyên Thủy Thiên Vương” được xếp vào vị trí thứ tư, gọi là “Tả vị đệ tứ thần”.

*Sách “Kinh Tịch Chí Tứ” đời Tùy giải nghĩa đặc tính của Nguyên Thủy Thiên Tôn và chư thần, nói rằng Nguyên Thủy Thiên Tôn sanh trước khi có trời, cho Ngài là “Thế của trời, còn mãi không mất. Mỗi khi mở ra trời đất, nhận cái đạo thể bí mật thần diệu đó mà sinh trưởng. Trời đất chẳng phải cùng có một lần, mà phải qua các trình tự:- diên khang, xích minh, long hán, khai hoàng, trải suốt bốn mươi triệu năm. Hàng thượng phẩm của chư Tiên có Thái Thượng Lão Quân, Thái Thượng Trượng Nhân, Thiên Hoàng Chân Nhân, Ngũ Phương Ngũ Đế và các Quan Tiên”.

Các đạo sĩ đời Tùy lại xưng Ngài là “Lạc Tĩnh Tín”. Như vậy, bắt đầu từ đời Tùy, Đường mới có xuất hiện các chuyện thần thoại nói về các vị thần tối sơ và nêu lên tín ngưỡng của tín đồ Đạo giáo đối với Nguyên Thủy Thiên Tôn.

*Liên quan đến danh xưng Nguyên Thủy Thiên Tôn, trong “Sơ Học Ký” quyển thứ hai mươi ba có dẫn theo “Thái Huyền Chân Nhất bản tế kinh” giải thích:-“Không gì tôn kính hơn, không gì cao cả hơn, là bậc duy nhất khởi đầu cho muôn vật, nên có tên là “Nguyên Thủy”, chuyển vận cái “Đạo” hết sức tôn quý, lại thường cai quản nhị thanh (thượng thanh và thái thanh), ở trên các trời, nên xưng là “Thiên Tôn”.

*Sách “Lịch đại thần tiên thông giám” nói:- “Nguyên chính là gốc, thủy chính là khởi đầu, tức là khí tiên thiên vậy”. Điều đó nói lên Nguyên Thủy là nguồn gốc tối sơ của muôn vật, ở trên tất cả thần tiên, gọi là “Thiên Tôn” (tôn quý hơn cả trong hàng chư thiên).

* Căn cứ vào Đạo Kinh thì:- “Nguyên Thủy Thiên Tôn vốn là “Khí tự nhiên”, có trước vũ trụ vạn vật. Thể của nó còn mãi chẳng mất, cho dù trời đất có hủy diệt thì cũng chẳng ảnh hưởng gì đến sự tồn tại của nó. Cứ mỗi lần hình thành “trời đất mới” thì Thiên Tôn lại giáng lâm nhân thế, khai mở đạo pháp áo bí để độ chúng sanh. Chỗ độ người này là những phẩm cao nhất của thiên tiên, kể cả “Thái Thượng Lão Quân”, “Thiên Chân Hoàng Nhân”, các thần tiên năm phương cõi trời. Những lần hình thành “trời đất mới” đều có niên hiệu như là:- “Diên Khang”, “Xích Minh”, “Long Hán”, “Khai Hoàng” v.v... Mỗi niên hiệu kéo dài 41 triệu năm. Do đó, đức Nguyên Thủy Thiên Tôn ở nơi tầng cao nhất là cõi “Đại La Thiên” trong 36 cõi trời. Theo Ngọc Kinh diễn tả là, đất bằng vàng ròng, thêm bậc là ngọc thạch. Trong cung có bảy báu, ngọc quý, các vị Tiên Vương, Tiên Công, Tiên Khanh, Tiên Bá, Đại phu Tiên cùng ở điện trung ương và điện hai bên. Hình thái này là do người thế gian mô phỏng theo sinh hoạt của vua chúa trần gian mà tả ra.

*Như vậy, ta thấy quá trình biến hóa gốc từ “nguyên thủy” vốn đầu tiên là thuật ngữ triết học của Đạo gia, về sau mới được “thần hóa” dần dần trở thành Vị Tối Cao của các thần trong Đạo giáo, đứng đầu Tam Thanh. Nếu nhìn ở giác độ lịch sử thì việc chuyển từ quan điểm cá nhân của đạo gia trở thành quan điểm chung của đạo giáo cũng là điều dễ hiểu, cho việc tạo thành “Đấng tối sơ duy nhất” này.

*Cũng theo “Lịch đại thần tiên thông giám” mô tả về Nguyên Thủy Thiên Tôn “hào quang bao quanh đầu, toàn thân có 72 sắc”, cho nên trong điện thờ “Tam Thanh”, hình tượng Nguyên Thủy đầu có vòng hào quang, tay cầm viên linh đan màu đỏ; hoặc tay phải như đang bưng một vật gì còn tay trái thì ném cái gì đó ra ngoài. Hình tượng này mang ý nghĩa “trời đất chưa thành hình, còn hỗn độn chưa mở ra, muôn vật chưa sanh ra” để diễn ý “trạng thái vô cực” và “thời hỗn độn chưa phân rõ âm dương” ở vào đại thế kỷ thứ nhất.

Cho nên về sau, Đạo gia lấy ngày “ Đông Chí” mang nghĩa “dương sanh

âm giáng, ngày ngắn đêm dài” làm ngày thánh đản của đức Nguyên Thủy Thiên Tôn.

Thời gian trải qua khá lâu, sự sùng bái Ngài được sâu rộng, trên là từ vua chúa, dưới đến thứ dân, không ai là chẳng thành tâm lễ lạy.

Nguyên Thủy Thiên Tôn

Nguyên Thủy Thiên Tôn còn được tôn xưng là 「Nguyên Thủy Thiên Vương 』, 「Ngọc Thanh Tử Hư Cao Thượng Nguyên Hoàng Thái Thượng Đại Đạo Quân 』, là Ông Tổ của Đạo Giáo. Ngài đã hiện hữu từ lúc “Thái nguyên” (lúc chưa mở ra vũ trụ vạn vật) cho nên được xưng là “Nguyên Thủy” (bắt đầu).

Theo truyền thuyết, lúc “Thái cực” chưa phân thành “Lưỡng nghi”, trời đất mặt trời mặt trăng chưa có, đã hiện hữu một vị “Bàn Cổ Chân Nhân”, là tinh hoa đầu tiên của vũ trụ, tự xưng là 「Nguyên Thủy Thiên Vương 』.

Trải qua thời gian tám kiếp số, mới phân thành hai nghi âm dương. Khi ấy, Nguyên Thủy Thiên Vương trụ tại Ngọc Kính Sơn, phía trên của trung tâm. Ngài đã hấp thu tinh hoa của khí trời và suối đất (thiên khí địa tuyền) mà sống.

Thông thường, dân gian hay lầm lẫn cho rằng Nguyên Thủy Thiên Tôn cùng với Ngọc Hoàng Thượng Đế là một vị, kỳ thực không phải thế.

*Căn cứ vào sách “Đào Hoàn Cảnh Đích Chân Linh Vị Nghiệp Đồ”, chia các thần thành bảy cấp, để Nguyên Thủy Thiên Tôn ở chính vị của “Thượng Thanh”, Thái Thượng Lão Quân ở chính vị của “Thái Thanh”, còn Ngọc Hoàng Thượng Đế ở trung vị thứ nhất của cung thứ ba “Ngọc Thanh”.

Nói cách khác, trên Ngọc Hoàng Thượng Đế còn có Nguyên Thủy Thiên Tôn và Thái Thượng Lão Quân, mà hai vị này khác nhau, nên chủ tế chân

chính của trời đất muôn vật phải là Nguyên Thủy Thiên Tôn.

Thế gian đem Nguyên Thủy Thiên Tôn cho đồng với Ngọc Hoàng Thượng Đế chẳng qua là tại tinh thần kính trời sợ thần, e rằng thiếu sự tôn kính mà thôi.

Phong tục dân gian cứ vào đêm trừ tịch, cử hành nghi thức cúng lễ Nguyên Thủy Thiên Tôn tại các điện thờ, bắt đầu từ 11 giờ 30 phút đêm ấy, số người tham dự quá đông, kẻ đến sau không thể chen chân vào lễ lạy được.

*Ngày vía của Nguyên Thủy Thiên Tôn là ngày mùng một tháng giêng.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Nữ Oa Nương Nương

Nữ Oa Nương Nương

Nữ Oa Nương Nương tương truyền là một vị nữ thần của thời thượng cổ, là vị Nữ Đế cổ nhất, là Mẹ của tất cả nhân loại.

Nữ Oa Nương Nương còn gọi là “Nữ Oa Thị”, “Nữ Hy Thị”, “Oa Hoàng”, “Địa Mẫu”.

Cũng theo truyền thuyết, bà Nữ Oa họ Phong, là vợ của Thần Thái Dương Phục Hi.

*Sách “Hoài Nam Tử--Lâm Minh Huấn” nói rằng:

-“OA, là vị thần thánh nữ, sinh ra vạn vật. Tên có âm đầu là Nữ, kể là thanh Oa” và “Nữ Oa, vị vua phần âm, trợ giúp đắc lực cho vua Hi”. Lại có truyền thuyết:

“Thời mới khai thiên lập địa, bốn cực bị hồng, chín châu bị đè, nước từ sông trời chảy xuống làm ngập lụt thế gian...Lúc bấy giờ, bà Nữ Oa luyện “đá ngũ sắc” để vá khoảng trời xanh bị sụp, chặt bốn chân con ngao (loại rùa lớn) làm bốn cột chống trời, giết rồng đen để cứu giúp Ký Châu, tích chứa tro đốt cây lau làm ngăn nước sông trời... Ngồi xe sấm, hàng phục rồng, chỉ dạy cho quỷ thần, thăng lên trời nơi Linh môn ở ngôi đế”.

*Sách “Phong tục thông nghĩa” nói rằng:

- “Lúc mới mở ra trời đất, bà Nữ Oa nặn đất sét để tạo thành người. Nhưng số lượng người nặn ra quá ít ỏi dù bà đã tận lực làm việc. Sau cùng, nảy ra một sáng kiến:- Bà lấy một sợi dây leo dài nhún vào trong đất bùn. Khi Bà dỡ nó lên, bùn ướt nhều xuống từ sợi dây leo và trở thành những con người”.

*Trong “Đế Vương thế kỷ tập tồn” thì chép:

- “Bà Nữ Oa họ Phong, trợ giúp vua Phục Hi trị nước, có hình dáng “đầu người mình rắn”, mỗi ngày biến hóa bảy mươi lần”.

*Những sách thần thoại cổ xưa nhất Trung Quốc cũng đều nói rằng bà Nữ Oa tạo ra con người, là người mẹ sớm nhất của cộng đồng người Trung Quốc. Hình tượng bà Nữ Oa căn cứ theo hình khắc trên đá ở Miếu Vũ Lương đời nhà Hán thì là “đầu người mình rắn”.

* Theo truyện Thần thoại Trung hoa, một ngày kia, Nữ Oa đi đến một khu đất rộng. Bà rất vui vì thế giới nơi này tràn đầy tiếng chim hót và hương hoa thơm khiến Bà không muốn trở về trời. Nhưng Bà có một cảm giác ray rứt như có một cái gì còn thiếu. Cảm giác đó không ngưng khi Bà bước đi trên suốt con đường dẫn đến bờ nước. Bà quì xuống uống nước. Nhìn thấy hình ảnh đẹp đẽ của mình trên mặt nước khiến Bà nảy sinh ý tưởng tạo ra sự sống. Lúc đầu, bà dùng đất sét trộn với nước để nặn thành hình người và thổi hơi vào để truyền sự sống. Nhưng số lượng “người” do bà dù làm việc hết sức vất vả mà cũng chẳng được bao nhiêu. Bà liền nảy ra sáng kiến thay đất sét bằng bùn để đỡ tốn công trộn đất sét với nước. Bà chụp lấy một nắm đất bùn, và đắp thành một hình tượng nhỏ, dựa theo hình ảnh của chính mình bà. Lạ lùng thay, khi Bà để tượng hình xuống đất, nó liền sống động ngay tức thì! Thật là thần diệu! Nó còn cả gọi kêu Bà bằng hai tiếng ‘Mẹ Mẹ’ và nhảy nhót không ngừng. Bà vui vẻ đắp thêm một tượng hình nhỏ khác, rồi thêm một tượng nữa, và một tượng nữa. Bà làm việc nhiều đến nỗi các ngón tay bà phát sưng lên. Nhưng các tượng nhỏ mà Bà đắp vẫn còn quá ít ỏi; làm sao chúng có thể

làm đầy tràn cả khu đất rộng này? Bà liền nảy sinh ra một ý kiến: Bà lấy một sợi dây leo dài nhún vào trong đất bùn. Khi Bà dỡ nó lên, bùn ướt nhều xuống từ sợi giây leo và trở thành những con người. Bà Nữ Oa rất thương quý sự tạo dựng này của Bà, Bà quá sung sướng và chạy khắp núi sông, và không bao lâu mặt đất tràn đầy loài người. Do đó, Bà Nữ Oa chính là “thần sáng thế và thần tạo ra con người”.

*Chú thích:

- Đoạn này, dịch theo lối phóng tác cho nên thơ một chút, các bạn đừng căn cứ vào nguyên tác mà cho rằng tôi phóng đại nhé!-NT.

*Cũng theo truyền thuyết, trước khi tạo ra con người, Bà Nữ Oa đã sáng tạo các con vật trước, như là:

- “Vào mùng một tháng giêng tạo ra gà, mùng hai tạo ra chó, mùng ba tạo ra dê, mùng bốn tạo ra heo, mùng năm tạo ra trâu, mùng sáu tạo ra ngựa, đến hết ngày thứ bảy thì mới tạo ra con người. Vì thế, ngày mùng bảy tháng giêng được gọi là “Nhân Nhật” (ngày của người). Sau khi tạo ra con người, phát sinh ra vấn đề là sau này làm sao để loài người có thể tồn tại và phát triển lâu dài được? Nếu cứ sau khi người chết lại phải tốn công tạo ra con người lần nữa thì chẳng phải là quá nhiều khê vất vả sao? Do đó, Bà mới chọn ra và thổi tiên khí vào để phân thành hai giới tính nam nữ, rồi dạy cho họ việc kết hợp, gả cưới vợ chồng, cách thức truyền giống để tự sinh sôi nảy nở mà tồn tại mãi mãi.

Theo tín ngưỡng dân gian Trung Quốc thì cho rằng, chính Bà Nữ Oa đã dạy dỗ về nguyên tắc “cùng huyết thống thì không được cưới gả”, một vấn đề quan trọng mà các nhà sinh học hiện nay rất quan tâm. Cho nên, dân gian tôn sùng Bà là “đệ nhất mô nhân” (bà làm mai mối đầu tiên), nhờ sự kết hợp này mà nhân loại mới có thể tồn tại phát triển lâu dài được. Người sau cảm niệm công đức cống hiến đối với việc hôn nhân của Bà, nên tôn xưng Bà là “Môi

thần chi Tổ” (Tổ của việc mai mối) hoặc “Cao Mối” (bà mối cao nhất).

*Khi đã có con người rồi thì phát sinh việc tranh chấp nhau, kể đó là gây chiến tranh. Thần thoại nói rằng: “Thuở xưa có thần nước Cộng Công làm phản, bị thần lửa Chúc Dung đánh bại, thần Cộng Công đung đầu vào vách núi Bất Chu ở hướng Tây. Núi Bất Chu vốn là một trong những cây trụ chống Trời, cây trụ Bất Chu ấy bị Thần Công Công húc làm gãy. Thế là một nửa bầu Trời phía Tây bị nghiêng sụp, có nhiều lỗ thủng, gây ra thảm họa cho trần gian. Thần Nữ Oa lo tu bổ lại, bà chọn đá ngũ sắc bỏ vào nồi, dùng lửa đốt nóng tạo thành một thứ keo đặc biệt. Bà đem thứ keo ấy dán, vá lại những lỗ thủng trên bầu Trời. Để chống vững bầu Trời, bà chọn một con ngao (loại rùa lớn), chặt lấy 4 chân rồi làm phép biến thành 4 cây trụ chống đỡ bầu Trời. Sau đó, bà còn dạy dân đốt những cây lau sậy rồi lấy tro mà đổ vào những vùng đất thấp ngập nước sinh lấy biến thành ruộng cao ráo, dạy cho dân cày cấy để có phương tiện sinh tồn. Nhờ vậy, thế gian được phục hồi đời sống yên ổn và ấm no hạnh phúc, Rồi bà còn dạy về lễ nghi văn hóa cho con người nữa. Nhờ đó, ngày nay nhân loại mới tồn tại và phát triển, nền văn minh ngày càng cao thêm. Ngày mà Bà Nữ Oa vá trời đó là ngày hai mươi tháng giêng, do đó người đời sau gọi ngày này là “Bổ thiên nhật” (ngày vá trời), có người còn chế tạo ra hình tượng Bà đặt trên nóc nhà, gọi là “Hiệu pháp Nữ Oa Bổ Thiên” để hóa giải những ngôi nhà bị phạm phong thủy bớt ảnh hưởng xấu, ngày nay thì tập tục này ít thấy.

* Nữ Oa Nương Nương còn được tôn xưng là “Địa Mẫu” hoặc “Vô Thượng Hư Không Địa Mẫu” hay “Đại Đạo Huyền Huyền Hư Không Địa Mẫu”, “Vô Thổ Hư Không Địa Mẫu Vô Lượng Từ Tôn”. Sách “Địa Mẫu Chân Kinh” chép:- “Thuở sơ sanh Bàn Cổ, ta lấy hai khí âm dương mà lập thành hôn nhân cho con người”. Lại còn nói:- “Thiên quân bốn thị huyền đồng tử--Tha lung ngã á phối thành song” (Vua trời vốn thiết là huyền tử, Ông điếc bà câm hóa thành đôi). Thuyết này cho rằng Ông Bàn Cổ và Bà Nữ Oa sinh cùng thời, nhưng đa số thuyết lại nói khác là Ông Bàn Cổ sinh ra

trước rồi mới có trời, đất, người. Kể đó mới đến thời kỳ của Tam Hoàng Thần Nông Phục Hi Nữ Oa v.v...

*Nếu xem xét từ thời đại nguyên thủy của con người thì cây cối và sinh vật chính là thịt, gân của đất đai; đá và núi là xương cốt của đất đai. Trong hầu hết các truyện thần thoại đều gọi trời là “thiên phụ” (cha trời) còn đất gọi là “địa mẫu” (mẹ đất) ý nói rằng trời đất là cha mẹ sanh ra muôn vật.

*Quan điểm tôn sùng “mẹ đất” này phát sinh từ khi loài người qua thời kỳ săn bắt thú vật để ăn, tiến lên bước trồng trọt gieo cấy, nên rất coi trọng về đất. Việc tôn sùng này có hai ý nghĩa:-

-một là, cầu cho ngũ cốc được trổ mùa, thu hoạch được dồi dào sung túc.

-hai là, khi nông dân cày cuốc cấy gặt... thế nào cũng phải va chạm tổn thương đất đai, sợ bị thần đất nổi giận, nên phải cúng lạy “Địa Mẫu” để cầu xin tha tội.

*Cũng có thuyết nói rằng, sau khi Bà Nữ Oa đã làm cho trời đất yên bình rồi thì mới có Đông Vương Công và Tây Vương Mẫu xuất hiện, được con người tôn hai vị này là “Thiên Hựu và Địa Mẫu”.

* Nữ Oa Nương Nương được ai nấy xem là thủy tổ loài người, nhưng trong dân gian đặt nặng việc “vá trời” hơn, nên gọi bà là “Đại Nữ Thần chấp vá”. Riêng trong nghề chế tạo dù, lộng thì tôn bà làm Tổ Sư. Ngoài ra, hai ngành thêu may và gốm sứ cũng thờ bà làm “Thần Thủ Hộ” cho nghề nghiệp của họ.

*Ngày thánh đàn của Nữ Oa Nương Nương là ngày hai mươi tháng giêng âm lịch. Thói quen trong dân gian gọi là ngày “thiên xuyên nhật” (ngày trời lủng) và tất cả hàng xưởng xí nghiệp đều nghỉ việc để dự lễ cúng tế Nữ Oa

Nường Nường.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Quan Thánh Đế Quân

QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

Quan Thánh Đế Quân tức là Đại tướng quân Quan Vũ của nước Thục Hán thời đại Tam Quốc. Tên tự là Vân Trường, có bộ râu dài rất đẹp, vũ dũng tuyệt luân. Ngài cùng với Lưu Bị, Trương Phi kết nghĩa làm anh em ở Đào Viên, nay gọi là “đào viên kết nghĩa”, Ngài có công bình định Tây Thục, vỗ an bá tánh Kinh Châu, từng đại phá quân Tào. Sự trung nghĩa của Ngài quá cao cả, còn sáng mãi với sử xanh.

*Tín ngưỡng dân gian từ triều đại nhà Hán đến nay, đã dần dần dung hợp cả ba tôn giáo lớn Nho, Lão, Thích lại làm một. Nhưng về niềm tin thần minh, thì đa số tùy theo một hệ thống của tôn giáo đó mà thôi. Ví dụ như, đức tin về “Má Tổ” (Thiên Hậu Nương Nương) là thuộc về Đạo giáo (Lão), tin về Khổng Tử thuộc về Nho giáo, tin đức Quan Âm Bồ tát thuộc về Phật giáo v.v...Giới hạn niềm tin thần minh có ranh giới hẫ hoi, tức tùy thuộc vào tôn giáo của người đó. Riêng về Ngài Quan Thánh Đế Quân thì không có ranh giới nào, mà cả ba tôn giáo đều có. Như đạo Khổng thì tôn xưng Ngài là “Quan Thánh Đế Quân” còn gọi là “Văn Hành Đế Quân”. Phật giáo nêu cao gương trung nghĩa của Ngài mà gọi là Hộ Pháp. Theo truyền thuyết thì Ngài đã từng hiển thánh ở Ngọc Tuyền Sơn và qui y nhà Phật. Nhân đó mà thành Hộ Pháp Già Lam của nhà Phật. Có nơi còn nói Ngài là một vị “Cái Thiên Cổ Phật” nữa. Còn trong Đạo giáo thì qua nhiều đời tôn xưng, danh hiệu chẳng đồng. Như các danh hiệu sau:

“Hiệp Thiên Đại Đế”, “Trường Hán Thiên Thần”, “Vũ Thánh Đế Quân”,

“Quan Đế Gia”, “Vũ An Tôn Vương”, “Ân Chủ Công”, “Tam giới Phục Ma Đại Đế”, “Sơn Tây Phu Tử”, “Đế Quân Gia”, “Quan Tráng Mậu”, “Văn Hành Thánh Đế”, “Sùng Phú Binh Quân” v.v... Phổ biến nhất trong dân gian tôn xưng Ngài là “ÂN CHỦ CÔNG”.

*Ngài Quan Vũ giáng sanh vào ngày hai mươi bốn tháng sáu năm Diên Hi thứ ba đời Đông Hán, ở thôn Hạ Phùng, huyện Giải (sau thành châu Giải), quận Hà Đông, bộ Hiệu Úy của Trục Lệ.(nay là thôn Thường Bình làng Thường Bình của Vận Thành). Trước nay hay nói Ngài Quan Vũ là người của châu Giải.

* Theo các sách sử ghi lại, Ngài kết hôn vào năm 17 tuổi, năm sau sanh ra Quan Bình. Đến năm 19 tuổi, tên quan coi về muối của địa phương (Diêm quan) đàn áp bóc lột bá tánh nên bị Quan Vũ giết chết, đây coi như một hành động nghĩa khí “trừ ác giúp đời”. sau đó, Ngài phải chạy trốn đến vùng châu Trác của Hà Bắc, làm quen được với Trương Phi rồi sau đó là Lưu Bị. Ba người đã cùng nhau kết nghĩa bằng hữu kim lan, rồi từ đó theo phò Lưu Bị, trải qua nhiều cuộc nam chinh bắc chiến để khôi phục nhà Hán. Năm 40 tuổi được phong chức “Thọ Đình Hầu”. năm 49 tuổi được phong làm Thái Thú ở Tương Dương, chức là “Đãng Khẩu Tướng Quân”. Năm 50 tuổi phong làm “Tổng Đốc Kinh Châu Sự”. Năm 59 tuổi (năm 219) thì anh dũng xả thân từ biệt nhân thế ở Đương Dương, Hồ Bắc.

*Cũng theo truyền thuyết thì Ngài Quan Vũ thân cao chín thước sáu tấc (thước ta), râu dài một thước sáu tấc, mặt đỏ như táo bầm, mày ngài mắt phượng, thần khí uy nghiêm. Đó là do cái khí tiết trung can nghĩa khí bên trong của Ngài biểu hiện ra bên ngoài vậy. Người xưa có bài thơ ca tụng Ngài:

精忠冲日月，義氣貫乾坤，面赤心尤赤，鬚長義更長

“Tinh trung xung nhật nguyệt—Nghĩa khí quán càn khôn—Diện xích tâm

vưu xích—Tu trường nghĩa cánh trường”.

*Dịch:

Lòng trung chói lọi trời trăng,

Đất trời nghĩa khí sánh bằng, không ngoa.

Đỏ tâm đỏ mặt sáng lòe,

Râu dài, đại nghĩa ai qua được Ngài?”

*Theo “Tam quốc diễn nghĩa” thuật lại, Quan Vũ bị tướng Ngô là Lữ (Lã) Mông mưu hại ở Mạch Thành, con trai Quan Bình và bộ hạ Châu Thương (Xương) cũng chết theo. Hồn phách anh linh của ba người bay về núi Ngọc Tuyền ở Đương Dương, Kinh Châu, được Phổ Tĩnh Pháp Sư điểm ngộ cho, nên Chân Linh Ngài thường trụ ở Ngọc Tuyền mà phù hộ dân chúng, do đó mà dân cư quanh vùng lập Miếu Thờ Ngài.

*Sinh thời, Quan Thánh Đế Quân có nghĩa khí vô cùng lớn lao, phủ trùm trời đất. Xét về đức ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thì Ngài gồm đủ. Ngàn dặm tìm anh (Lưu Bị) là “nhân”, ở Hoa Dương tha Tào Tháo là “nghĩa”, thắp đèn đọc sách suốt đêm là “lễ” (lúc hộ tống hai bà vợ Lưu Bị), chỉ khói nước làm an lòng quân sĩ là “trí”, đơn đao đi phò hội là “tín” (xem truyện Tam Quốc),

Do đó, trong “Quan Thánh Đế Quân Minh thánh Chân Kinh” có nói rằng:- “Ngài là nguồn gốc đức trung tín hiếu để của con người, là căn cội hạnh lễ nghĩa liêm sỉ của con người vậy!”. Tóm lại Ngài có đủ đức hạnh của loài người.

Do đó, sách “Nam thiên Văn hành Thánh Đế truyện lược” đã dựa vào nội dung tám đức này mà kể lại câu chuyện đời Ngài. Dân chúng ở Tam Giáp

xây Miếu Thờ nhưng nay đã bị nước lũ làm trôi đi rồi.

*Câu tán dương công đức Ngài như sau:- “Đầu thì gối lên đất Lạc Dương, thân thì nằm trên đất Tương Dương, tinh hồn bay về quê cũ”. Các địa điểm Dương Dương ở Hà Bắc, Tương Dương ở Hà Nam, Vận Thành ở Sơn Tây đều có xây dựng Miếu Quan Đế rất to lớn.

*Truyền thuyết nói rằng, khi Quan Công chết, ngã vào thân của Lã Mông thì Lã Mông bị bảy lỗ ra máu mà chết. Nước Ngô đem thủ cấp Quan Công sang cho nước Ngụy, lúc Tào Tháo mở nắp hộp đựng thủ cấp của Ngài ra, Quan Công đã trừng mắt mở miệng nhìn, khiến mọi người run sợ. Vì vậy mà Tào Tháo phải cúng tế Ngài rất trọng hậu.

*Chẳng những Quan Công được ba tôn giáo Nho. Lão, Thích tôn xưng là thần, mà ngay cả các vua nhiều đời cũng đã gia phong cho Ngài suốt 23 lần, từ chức “Hầu” lên đến chức “Thánh” như sau:

- Hán Hậu Chủ (năm 260) truy phong tên thụy của Quan Công là “Tráng Mậu Hầu”.

-Năm Sùng Ninh thứ nhất (năm 1102) đời vua Huy Tông Bắc Tống phong làm “Trung Huệ Công”.

-Năm Sùng Ninh thứ ba (năm 1104) đời vua Huy Tông Bắc Tống tấn phong làm “Sùng Ninh Chân Quân”.

-Năm Đại Quan thứ hai (năm 1108) chức phong làm “Vũ An Vương”.

-Năm Tuyên Hòa thứ năm (năm 1112) tái phong làm “Nghĩa Dũng Vũ An Dương”.

-Năm Kiến Viêm thứ hai (năm 1128) đời vua Cao Tông Nam Tống phong làm “Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Vương”.

-Năm Thuận Hi thứ mười bốn (năm 1187) vua Hiếu Tông phong làm “Tráng Mậu Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương”.

-Năm Thiên Lịch thứ nhất (năm 1328) đời vua Văn Tông nhà Nguyên phong làm “Hiển Linh Nghĩa Dũng Vũ An Anh Tế Vương”.

-Năm Hồng Vũ thứ hai mươi bảy đời vua Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương sắc lệnh cho xây dựng “Quan Công Miếu” ở Nam Kinh, và ra lệnh mọi người phải bái kính Ngài.

- Minh Hiến Tông sắc lệnh trùng tu Miếu Quan Công.

-Năm Vạn Lịch thứ mười (năm 1528) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm “Hiệp Thiên Hộ Quốc Trung Nghĩa Đế”.

- Sau ban sắc chỉ sửa đổi tên Miếu Thờ Quan Công ở châu Giải là “Anh Liệt Miếu”.

-Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai (năm 1614) đời vua Thần Tông nhà Minh phong làm “Tam giới Phục ma Đại Đế Uy viễn chấn Thiên tôn Quan Thánh Đế Quân ”. Lại ban sắc lệnh cho “đát vàng” y phục của tượng Ngài Quan Công ở miếu thờ kinh đô, phong Lục Tú Phù và Trương Thế Kiệt làm tả hữu Thừa Tướng cho Quan Thánh Đế Quân; Nguyên soái Nhạc Phi (đời Tống) và Uất Trì Cung (đời Đường) là Già Lam Hộ Pháp cho Ngài; lại phong cho phu nhân của Quan Công là “Cửu Linh Ý Đức Vũ Túc Anh Hoàng Hậu”; phong cho trưởng tử Quan Bình làm “Kiệt Trung Vương”, thứ tử Quan Hưng làm “Hiển Trung Vương”, Châu Thương (Xương) làm “Uy Linh Huệ Dũng Công”.

-Năm Thuận Trị thứ nhất (năm 1644) đời vua Thế Tổ nhà Thanh phong làm “Trung Nghĩa Thần Vũ Quan Thánh Đại Đế ”.

-Năm Ung Chính thứ nhất đời Thanh gia phong làm “Linh Hựu”.

-Vua Khang Hi nhà Thanh phong làm “Phục Ma Đại Đế”.

- Năm 1703, đích thân vua Khang Hi nhà Thanh đến quê của Quan Công ở châu Giải để bái yết và đề biễn cho Miếu thờ Ngài.

- Năm Càn Long thứ 53 đời Thanh gia phong “Trung Nghĩa Thần Vũ Linh Hựu Quan Thánh Đại Đế.

-Năm Ung Chính thứ ba (năm 1725) vua Thế Tông nhà Thanh truy phong tăng tổ của Quan Công, ông cố là “Quang Thiệu Công”, ông nội là “Dụ Xương Công”, còn cha là “Thành Trung Công”.

*Trải qua các đời vua Nhân Tông, Cao Tông, Tuyên Tông, Văn Tông nhà Thanh cũng đều có gia phong và đề biễn ở Miếu thờ Ngài.

- Năm Đạo Quang thứ tám, gia phong hai chữ “UY HIỂN”, - Năm Hàm Phong thứ nhất,tái gia phong hai chữ “Tinh Thành”, Tuyên Hựu phong hai chữ “Tuy Tĩnh” và ban cho tấm biễn đề “Vạn Thế Nhân Cực”, Đồng Trị gia phong hai chữ “Dực Tán”, Quang Tự gia phong hai chữ “Tuyên Đức”. Đến năm Quang Tự thứ năm (năm 1879) thì Quan Công đã được sắc phong danh hiệu dài tới 26 chữ là:-

“TRUNG NGHĨA THẦN VŨ LINH HỰU NHÂN DŨNG UY HIỂN HỘ QUỐC BẢO DÂN TINH THÀNH TUY TĨNH DỤC TÁN TUYÊN ĐỨC QUAN THÁNH ĐẠI ĐẾ”.

Nhà vua lại sắc lệnh cho cả nước đều xây Miếu Thờ Quan Thánh Đế Quân, hai kỳ Xuân, Thu phải chí thành cúng tế.

Tín ngưỡng dung hợp được cả ba tôn giáo Nho, Lão, Thích hòa với tín ngưỡng dân gian như trường hợp của Ngài Quan Thánh Đế Quân thì không có nhiều ở Trung Quốc.

* Nho giáo thì tôn xưng Quan Công là một trong “Ngũ Văn Xương”, lại tôn là “Văn Vệ Thánh Đế”, hoặc “Sơn Tây Phu Tử”, Có khi tôn là á thánh, á hiền rằng:

“Ở Sơn Đông có một người làm Xuân Thu (chỉ Khổng Tử)—Sơn Tây có một người xem Xuân Thu (chỉ Quan Công)”.

* Đạo giáo thì thờ Quan Công như là một vị gần gũi với Ngọc Hoàng Thượng Đế, tôn xưng Quan Công là “Dực Hán Thiên Tôn”, “Hiệp Thiên Đại Đế” hoặc “Vũ An Tôn Vương”.

* Phật giáo thì lấy sự trung nghĩa của Quan Công làm Hộ Pháp, lại có truyền thuyết Ngài đã từng hiển thánh ở núi Ngọc Tuyền, qui y với nhà Phật. Do đó, tôn Ngài làm “Cái Thiên Cổ Phật” hoặc “Hộ Pháp Già Lam”.

*Trong dân gian, việc cúng tế Quan Công đã trải qua một ngàn bảy trăm năm. Quan Công đã sớm lìa bỏ thân phận của Quan Vũ trong Tam Quốc Chí, để trở thành vị thần minh “đa nguyên hóa” (nhiều nguồn gốc sanh ra).

*VỊ THỦ HỘ THẦN CỦA THƯƠNG GIỚI:

Theo truyền thuyết thì Quan Công lúc còn trẻ, nơi quê hương có lúc làm nghề bán vải vóc để sinh nhai. Lúc sinh tiền, Ngài cũng giỏi về việc quản lý, từng làm công việc kế toán sổ sách, đã phát minh ra pháp “Nhật thanh bộ” (kế toán mỗi ngày rõ ràng) giống như ngày nay chúng ta gọi là “Nhật ký chi thu” vậy.

Ngài Quan Công sở trường về sử dụng cây đao Thanh long yểm nguyệt, thập phần “có lợi”, từ này đồng âm với chữ “Lợi” trong nghề buôn hay giao dịch (có lời). Hơn nữa, trong việc làm ăn mua bán với nhau, điều tối quan trọng là chữ “tín” và tinh thần “trọng nghĩa khí” v.v... mà những đức tính đó, Ngài Quan Vũ đều có thừa. Cho nên giới thương gia mới tôn thờ Ngài làm

“thần thủ hộ” cho nghề nghiệp mình, hơn nữa Ngài cũng có chức năng là “Thần Tài” để phù hộ cho mọi người phát tài. (xem bài nói về Thần Tài).

*THẦN Y DƯỢC:

Dân gian tin rằng, con người sở dĩ bị bệnh hoặc gặp xui xẻo, là do thần ma quỷ quái phá phách. Quan Công đã được tôn xưng là “Phục Ma Đại Đế” thì dĩ nhiên là có năng lực trừ tà trị quỷ rồi. Do đó, tại các Miếu Quan Đế thường có đặt thùng thuốc để dân chúng đến cầu trị bệnh thì sử dụng cho lành bệnh. Như vậy, Quan Công đã trở thành “Thần Y Dược” rồi vậy.

*THẦN CHIẾN ĐẤU:

Quan Công xưa đã từng là một vị đại tướng nổi danh, vũ dũng của Ngài hi hữu trong đời. Cho nên, những người học tập võ nghệ thờ Ngài là bậc “Võ Thánh” (vị thánh về võ nghệ) trong nhiều đời, mọi người khác thì tin vào tinh thần thượng võ (cứu khổn phò nguy) của Ngài, nên xưng là thần hộ mệnh. Còn giới chiến đấu thì cũng thờ Ngài làm thần bảo hộ, cho nên, giới thanh niên trước khi đi vào quân ngũ cũng thường hay đến Miếu thờ để cầu xin sự bảo hộ bình an của Ngài.

Bậc anh hùng sau khi chết thành thần, được nhân gian sùng kính, là một nét văn hóa đặc sắc của người Trung Quốc. Thế nhưng, xưa nay số lượng anh hùng được dân gian sùng bái như Ngài Quan Công thì cũng không có nhiều. Việc thờ cúng Ngài đời đời chẳng những tồn tại mà còn có xu thế ngày càng phát triển cao hơn, rộng hơn, tôn kính nhiều thêm lên chứ không bị suy giảm, thì chỉ có tín ngưỡng về Quan Thánh Đế Quân mà thôi! Điều đó khẳng định rằng, Quan Công là một vị “Thần Anh Hùng” tối thắng trong tim mắt của mọi người dân Trung Quốc.

*KẾT LUẬN:

Giới học tập và văn nhân thì nương vào Quan Công là một trong “ngũ văn xương” (Văn Xương, Châu Y, sao Khôi, Lã Tiên, Quan Công).

Phật giáo thì xưng Ngài có chính khí, xứng đáng làm thần hộ pháp nên phong làm “Già Lam Hộ Pháp”.

Rồi trong Nho giáo, Đạo giáo, giới thương gia, y dược v.v... cũng đều tôn xưng Quan Công như đã nói trên.

Như vậy, chúng ta có thể nói, Quan Công là vị thánh thần của muôn nhà muôn đời.

*Về hình tượng thì giới thương nhân thờ Quan Công với hình tượng ngồi xem kinh Xuân Thu, giới quân sự hay nhà võ thì thờ Ngài bằng hình tượng cỡi ngựa múa đao

Các cơ quan cảnh vệ ở Hồng Kông đều có phòng thờ Quan Thánh Đế Quân.

Nơi thờ phượng Ngài gọi là Miếu Quan Đế hoặc Hiệp Thiên Cung, Vũ Miếu, Văn Vũ Miếu.

*Thánh đàn của Ngài Quan Thánh Đế Quân là ngày hai mươi bốn tháng sáu âm lịch.

*NHƯỢC THỦY dịch

(từ <http://www.fushantang.com>)

*PHỤ LỤC:

I.- NGUYỄN VĂN ĐẾ TỤNG:

Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh

Đế Quân viết :

Nhân sinh tại thế, quý tận trung hiếu tiết nghĩa đấng sự, phương ư nhân đạo vô quý, khả lập thân ư thiên địa chi gian.

Nhược bất tận trung hiếu tiết nghĩa đấng sự, thân tuy tại thế, kỳ tâm dĩ tử, thị vi thân sinh.

Phàm nhân tâm tức thần, thần tức tâm, vô quý tâm, vô quý thần, nhược thị khi tâm, tiện thị khi thần.

Cố quân tử tam úy tứ tri, dĩ thận kỳ độc.

Vật vị ám thất khả khi, ốc lậu khả quý, nhất tĩnh nhất động, thần minh giám sát.

Thập mục thập thủ, lý sở tất chí, huống báo ứng thiệu chương, bất sáng hào phát.

Dâm vi vạn ác thủ, hiếu vi bách thiện tiên.

Đản hữu nghịch lý, ư tâm hữu quý giả, vật vị hữu lợi nhi hành chi ;

Phàm hữu hợp lý, ư tâm vô quý giả, vật vị vô lợi nhi bất hành.

Nhược phụ ngô giáo, thỉnh thí ngô đao.

Kính thiên địa , lễ thần minh, phụng tổ tiên , hiếu song thân, thủ vương pháp , trọng sư tôn ;

Ái huynh đệ , tín bằng hữu, mục tông tộc , hoà hương thân, kính phu phụ , giáo tử tôn ;

Thời hành phương tiện, quảng tích âm đức, cứu nạn tế cấp, tuất cô liên
bần ;

Sáng tu miếu vũ, ấn tạo kinh văn, xả dược thi trà, giới sát phóng sanh ;

Tạo kiều tu lộ, căng quả bạt khốn, trọng túc tích phước, bài nạn giải phân
;

Quyên tư thành mỹ, thủy huấn giáo nhân, oan thù giải thích, đấu xứng
công bình ;

Thân cận hữu đức, viễn ty hung nhân, ấn ác dương thiện, lợi vật cứu dân ;

Hồi tâm hướng đạo, cải quá tự tân, mãn khang nhân từ, ác niệm bất tồn ;

Nhất thiết thiện sự, tín thụ phụng hành, nhân tuy bất kiến, thần dĩ tạo văn
;

Gia phước tăng thọ, thêm tử ích tôn, tai tiêu bệnh giảm, hoạ hoạn bất xâm
;

Nhân vật hàm ninh, cát tinh chiếu lâm, nhược tồn ác tâm, bất hành thiện
sự ;

dâm nhân thê nữ, phá nhân hôn nhân.

Hoại nhân danh tiết, tổn nhân kĩ năng, mưu nhân tài sản, toa nhân tranh
tụng ;

Tổn nhân lợi kỷ, phì gia nhuận thân, chú thiên oán địa, mạ vũ ha phong ;

Báng thánh huỷ hiền, diệt tượng khi thần, tế sát ngư khuyển, uế nịch tự
chỉ ;

Thị thế khi thiện, ý phú áp bần, ly nhân cốt nhục, gian nhân huynh đệ ;

Bất tín chánh đạo, gian đạo tà dâm, hiếu thượng xa trá, bất trọng cần kiệm ;

Khinh khí ngũ cốc, bất báo hữu ân, mạn tâm muội kỷ, đại đấu tiểu xứng ;

Giả lập tà giáo, dẫn dụ ngu nhân, quỷ thuyết thăng thiên, liễm vật hành dâm ;

Minh mạn ám biến, hoạnh ngôn khúc ngữ, bạch nhật chú trớ, bối địa mưu hại ;

Bất tồn thiên lý, bất thuận nhân tâm, bất tín báo ứng, dẫn nhân tố ác ;

Bất tu phiến thiện, hành chư ác sự, quan từ khẩu thiệt, thủy hoả đạo tặc ;

Ác độc ôn dịch, sanh bại sản xuẩn, sát thân vong gia, nam đạo nữ dâm ;

Cận báo tại thân, viễn báo tử tôn, thần minh giám sát, hào phát bất vắn ;

Thiện ác lưỡng đồ, hoạ phước du phân, hành thiện phước báo, tác ác hoạ lâm ;

Ngã tác tư ngữ, nguyện nhân phụng hành, ngôn tuy thiện cận, đại ích thân tâm.

Hí vũ ngô ngôn, trăm thủ phân hình. hữu năng trì tụng, tiêu hung tụ khánh.

Cầu tử đắc tử, cầu thọ đắc thọ. phú quý công danh, giai năng hữu thành.

Phàm hữu sở kì, như ý nhi hoạch. vạn hoạ tuyệt tiêu, thiên tường vân tập.

Chư như thử phước, duy thiện sở trí. ngô bốn vô tư, duy hữu thiện nhân.

Chúng thiện phụng hành, vô đãi quyết chí.

II.- PHẦN DỊCH (để hiểu)

Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh

(Chân kinh giúp thế gian giác ngộ-- của Ngài Quan Thánh Đế Quân)

*Đế Quân nói rằng:

Con người ở đời, quý ở chỗ trung hiếu tiết nghĩa, sao cho làm người không thẹn, mới xứng đáng gọi là “lập thân” ở trong trời đất.

Người mà không thực hành các việc trung hiếu tiết nghĩa, thì tuy thân còn ở đời mà tâm coi như đã chết, thật uổng phí một đời!

Phàm lòng người tức là thần, thần tức là “TÂM”. Không sợ tâm nghĩa là không sợ thần. Nếu người khinh khi tâm, tức là khinh khi thần vậy.

Thế nên, người quân tử cần phải có “ba điều sợ và bốn điều biết”, cẩn thận cứu xét tâm khi ở một mình.

Đừng cho rằng ở trong nhà tối mà buông lung tâm, phải biết sợ nhà đột (chỗ thiếu sót của mình), mỗi mỗi hành động của mình, đều có thần minh chứng tri.

Lúc nào cũng sống như là có mười ngón tay đang chỉ trỏ mình, mười cặp mắt đang nhìn mình, gắng thấu rõ điều này. Huống nữa, sự báo ứng rành rành, chẳng thoát một mảy lông.

Sự dâm dục là đứng đầu các điều ác, sự hiếu hạnh là đứng đầu các điều lành.

Nếu thấy việc không tốt, phải sanh tâm sợ hãi tránh né, đừng vì cái lợi mà làm liều.

Còn thấy việc tốt, trong tâm thấy phải, dầu không có lợi (cho mình) cũng gắng làm.

Nếu không chịu nghe lời ta dạy bảo, hãy ném thử lưỡi dao (Thanh Long) của ta xem!

Làm người phải biết kính trời đất, tế lễ thần minh, thờ phụng tổ tiên, hiếu thảo với cha mẹ, giữ gìn luật pháp (của vua ban), nhớ sâu ơn thầy.

Lại còn phải biết thương yêu anh chị em, giữ chữ tín với bạn bè, thuận thảo cùng bà con, hòa ái với làng xóm, vợ chồng biết kính nhường nhau, con cái phải dạy răn (cho nên người tốt).

Việc gì đáng làm thì làm ngay, rộng chứa âm đức, cứu giúp nạn gấp, giúp đỡ người bần khổ.

Hùn phước xây chùa miếu, in chép kinh văn (để tặng người), giúp thuốc (trị bệnh) cho thức ăn (để người no), giảm bớt sự sát sanh chém giết.

Làm cầu sửa đường (cho người dễ đi), giúp người neo đơn cứu người gặp nạn, quý trọng lúa gạo là tích chứa âm đức, tránh nạn cho người, giải bớt phiền não trói buộc.

Giúp vốn cho người (làm ăn), đem lời hay ý đẹp dạy người, cởi bỏ oán thù, việc cân đong đo đếm phải công bằng chính xác.

Gần gũi với người đạo đức, xa lìa những kẻ hung tàn, tránh điều ác làm điều lành, làm lợi cho người và vật.

Hồi tâm hướng về đường tu đạo, ăn năn sửa chữa lỗi lầm, trong tâm chứa

đầy điều lành, một suy nghĩ ác cũng đừng nghĩ tới.

Tất cả những việc lành phải tin ghi làm theo, có những việc tuy người không biết nhưng thần minh đã sớm nghe thấy.

*Nếu làm được những điều đã nói thì đạt được những kết quả tốt như sau:

-Thêm phước đức, tăng tuổi thọ, con cháu nên người, tai nạn tiêu trừ bệnh hoạn giảm bớt, việc xấu chẳng đến với mình, người và vật đều an ổn, vận may sẽ đến luôn (cho mình).

*Còn nếu giữ tâm ác, chẳng chịu làm việc lành, mà làm các việc xấu như:

-Gian dâm vợ người, phá hoại gia cang kẻ khác, làm tổn thương danh tiết người khác, làm tổn hại công việc của người, chiếm đoạt tài sản người, xúi người thừa kiện nhau, tổn hại người để lợi cho mình, bản thân và gia đình mình được giàu có. -Trù ẻo trời oán trách đất, mắng gió chửi mưa, khi dễ thần thánh, làm hại người hiền, phá hủy tượng hình thần Phật, lạm sát chó trâu, vứt bỏ giấy tờ chữ nghĩa (tức sách vở) vào nơi dơ dáy.

-Coi thường người khác, chê bai việc thiện, ý giàu bức ép người nghèo, chia rẽ tình cốt nhục của người, gây sự hiểu lầm cho anh em (thân tộc) của người.

-Chẳng tín đạo chánh nghe theo kẻ gian, phạm tội gian dâm, ưa chuộng những việc xa xỉ giả dối, không tôn trọng sự cần kiệm siêng năng (mà lười nhác).

-Khinh khi ngũ cốc, chẳng đền đáp ơn người, có tâm khinh mạn (người khác) làm cho mình sa vào chỗ tối tăm (sa đọa), sử dụng cân già cân non và lít đong không đúng.

-Giả lập ra tà giáo, để dụ người khờ, tạo niềm tin sai trái cho người, lén lút

hành dâm với súc vật, khinh người ra mặt, che đậy điều mờ ám (của mình), nói những lời quanh co dối trá, công khai hại người hoặc lén lút hại người.

-Chẳng giữ đạo trời, chẳng làm cho người được an vui. Không tin vào việc báo ứng, rủ ren người làm ác.

-Chẳng làm chút điều lành mà toàn làm việc ác, kiếm cố kiện thưa người, vu oan giá họa cho người, rình rập trộm cướp tài sản người.

-Bỏ thuốc độc gây bệnh ôn dịch hại người, làm cho người sanh ra ngu đần suy bại, hại người mất mạng tiêu tan nhà cửa, người nam thì trộm cắp, người nữ thì dâm đảng.....

*Phải biết rằng:

Việc báo ứng nếu gần thì bản thân gánh chịu, còn nếu xa thì con cháu phải mang.

Lúc nào cũng có thần minh kề bên giám sát, chẳng hở máy lông.

Hai con đường thiện ác, điều họa phước phải biết cân nhắc kỹ, tin chắc rằng:

“Làm lành thì nhất định được quả báo lành; Làm ác thì nhất định phải chịu quả báo ác”.

Nay ta vì thương chúng sanh nên đem những lời hay đẹp giảng dạy cho, ai nấy nên cố gắng làm theo. Lời ta nói tuy ngắn ít, mà mang lại lợi ích cho các người rất nhiều.

Nếu ai coi thường chê bai lời ta dạy dỗ, sẽ bị chặt đầu phân thân. Ai siêng năng trì tụng kinh này, được tiêu trừ những điều xấu, đón nhận những điều lành như là:

“Cầu con được con,cầu thọ được thọ, được công danh phú quý, tất cả đều thành,

Những điều mong muốn đều được như ý. Những tai họa đều tiêu tan như tuyết chảy, những việc lành tốt gom về như mây tụ,

Ai muốn hưởng phước, gắng nghe lời ta. Lời nói của ta vốn vô tư không bịa đặt, chỉ để giúp cho ai có tâm lành.

Nhất định mau mau làm lành, đừng hứa hẹn chờ đợi làm gì!

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Tài Thần

Tài Thần

(ÔNG THẦN TÀI)

Danh hiệu 「 Thần Tài 」, xuất phát từ sách 《Tam Giáo Sưu Thần Đại Toàn》.

Ngài mặc áo bào của quan, màu hoàng lim và màu đỏ, phủ hết thân mình. Mặt có nhiều phước khí, hòa ái, nở nụ cười hiền từ. Tay nắm vàng khối và ngọc như ý, hàm ý là mang về tài vận như ý. Đây là vị thần mà tất cả mọi người đều hoan nghênh, sùng bái.

Tục ngữ có câu:- “Hữu tiền năng quý thô ma” (có tiền thì có thể bắt quý đây cối xay). Tiền tài tuy là vật ngoài thân, nhưng không có tiền thì chẳng làm được gì, trên đời chẳng ai lại mong muốn mình trở thành một tên “nghèo kiết xác” cả!

Lẽ dĩ nhiên, trên đời không ai sợ có tiền nhiều, mà chỉ sợ có ít mà thôi. Sự mong mỏi tìm cầu tiền bạc là nguyện vọng chung của tất cả loài người, từ người giàu đến người nghèo. Thần Tài mới đầu là một “Vật Thần” (thần đồ vật), nhưng sau vì nếu cho ai tiền bạc, là cho họ sự sinh hoạt tốt đẹp, nên trở thành “Thần nguyện vọng”, ngang hàng với các vị:- Hỉ, Quý, Thọ, Tử Thần. Tài Thần trở thành “Phước Thần” là vì vậy.

Sùng kính Thần Tài, có nghĩa là mong rằng thông qua việc cúng bái Thần Tài, Ngài sẽ phù hộ cho mình được phát tài lớn. Cũng dễ nhận ra rằng, những

nơi có thờ Thần Tài thì càng ngày càng giàu thêm (do làm ăn phát đạt), nên người khác dễ đặt trọn niềm tin vào Ngài. Từ thành thị đến thôn quê, nơi nào cũng có sự hiện hữu của Ngài là điều tất yếu thôi!

*Thần Tài được chia ra làm hai hạng là “Văn Tài Thần” và “Vũ Tài Thần”.

Trong sự thờ cúng của dân gian chia ra như sau:-

-Văn Tài Thần: ba ông Phước, Lộc, Thọ--Hỉ Thần—Tài Thần—Tỉ Can—Phạm Lãi.

-Vũ Tài Thần: Quan Vũ—Triệu Công Minh

-Chính Tài Thần: Triệu Công Minh

-Thiên Tài Thần: Ngũ Lộ Tài Thần—Thổ Địa Công (thiên 偏 = lệch một bên)

I.- VĂN TÀI THẦN:

1./ Văn Xương Đế Quân:

Còn gọi là “Tử Đồng Đế Quân”, là thần Bắc Đẩu Tinh, một trong những tín ngưỡng về sao của người xưa.

* Sách “Lại ký—Thiên quan thư” chép:- “Sao Khôi phò cho sáu sao Văn Xương, một gọi là Thượng tướng, hai gọi là Thứ tướng, ba gọi là Quý tướng, bốn gọi là Tư mệnh, năm gọi là Tư trung, sáu gọi là Tư lộc”.

*Sách 《Lại Ký Sách / Tác ản 》 chú giải Bắc Đẩu Thất Tinh là 「Văn Xương Cung 」hay 「Quý Tướng Tinh 」coi về văn tự, 「Tư Mệnh Tinh 」chương quản về tuổi thọ con người, 「Tư Trung Tinh 」chương quản tai hoạ của con người, 「Tư Lộc Tinh 」chương quản về tài bạch của con người. Do

đó, “Văn Xương Đế Quân” không những chưởng quản về văn học mà còn đảm nhiệm chức năng “Tài Thần” nữa. Đến đời Đường thì chức năng về văn học đã chuyển hoàn toàn cho “Khôi Tinh Gia” (sao Khuê). Văn Xương Đế Quân thành ra đảm trách chức vụ “Văn Tài Thần”.

2./ Tài Bạch Tinh Quân:

Có thuyết cho rằng Tài Bạch là một trong 28 vì sao, chức trách của sao đó là “Tư Tài” (quản lý tiền), được cổ nhân sùng bái.

“Tài bạch Tinh Quân” còn gọi là “Tăng Phước Tài Thần” có hình tượng là một vị đại quan, mặt trắng, đầu đội mũ Tể Tướng, có năm chòm râu dài. Mình mặc hồng bào, thắt dây lưng Ngọc Đái. Tay thường cầm bảng “Thiên Quan Tứ Phước”. Về lai lịch của Ngài là Tứ Phước thiên quan, thuộc về Tam Quan của Đạo Giáo, là chỗ mà sách Hồng Phạm gọi là Ngũ Phước “Nhất nhật thọ, nhị nhật phú” (ngày một thọ, ngày hai giàu). Còn trong các hình tượng về Tài Thần ở miền Bắc thường vẽ ông Thần Tài có thêm câu “Tăng Phước Tài Thần”.

-Có thuyết cho rằng Tài Bạch chính là Thái Bạch Kim Tinh, chuyên môn coi về tài lộc của nhân gian. Tướng mạo hiền hòa, mặc áo gấm thắt ngọc đái, tay cầm bảng “Chiêu tài tấn bửu”, tay cầm vàng khối. Có cầu tất có ứng, đây là sở vọng của tất cả thiện nam tín nữ. Khi cúng, phải đặt Văn Tài Thần quay mặt vô trong nhà, ý nói là “đưa tiền bạc vào cho người trong nhà”, nếu đặt sai (quay ra) thì tiền bạc sẽ theo ra ngoài hết!

3./ Phúc Lộc Thọ Tam Tinh:

Phúc tinh tượng trưng cho con trai con gái đều được thịnh vượng, có hòa khí tốt, hưởng phước lâu dài. Thọ tinh tượng trưng cho sức khỏe tốt và trường thọ, không đau không nạn. Lộc tinh thì mong cho chủ gia được thêm tài lộc, gia quan tấn tước, có cầu có ứng. Lẽ ra thì cầu tài chỉ cần thờ ông

Lộc, nhưng vì xưa nay ba ông Phúc, Lộc, Thọ là một chỉnh thể, không tách ra được. vả lại, nếu được cả ba thứ phúc, lộc, thọ thì chẳng phải là quá tốt hay sao?

Cách cúng thì giống như cúng Tài Bạch Tinh Quân, tức là quay mặt vào nhà...

4./ Tỳ Can:

Trong 《Phong Thần Diễn Nghĩa 》: Tỳ Can là một trong ba vị trung thần hạng nhất của vua Trụ, bị Đát Kỷ mưu hại chết bằng cách bảo rằng phải cần “trái tim” người để làm thuốc cho vua. Khi Khương Tử Nha phong thần, nhận ra là ông Tỳ can không có trái tim tức là “vô tâm”. Mà đã vô tâm thì không có chuyện “tư tâm” (tâm riêng tư) cho mình, nên phong thêm chức vụ “Tài Thần”.

Trong dân gian lại có thêm truyền thuyết là vì xưa kia con cọp đen của Triệu Công Minh cỡi, đã dùng móng của nó moi bụng Tỳ Can để tìm trái tim, nên bụng của ông biến thành màu đen, cho nên Tỳ can không tâm chẳng thể làm việc bình thường, lúc có lúc không, khiến cho việc ban phát tiền bạc của ông cho con người không đều đặn, sanh ra có người giàu, có người nghèo là vậy!

4./ Phạm Lãi:

Trong 《Đông Chu Liệt Quốc Chí 》: Phạm Lãi đã giúp cho Việt Vương Câu Tiễn trung hưng phục quốc, nhưng ông cũng biết rằng, Câu Tiễn là người chỉ có thể “cùng chung hoạn nạn” chứ không thể “cùng chung phú quý”, nên gấp rút xin lui về dân. Sau đó, sang nước Tề để ẩn cư.

Phạm Lãi khi sang nước tề, đã cải tên lại là “Chi Di Tử Bì”, cùng với con siêng năng làm việc nhiều năm trở thành người có tài sản thiên vạn. Vua tề

vốn ngưỡng mộ ông, cho mời ông về triều làm Tế Tướng, nhưng ông quyết từ chối. Vì thế, ông lại phải bỏ hết tài sản tiền bạc mà chạy trốn nơi khác. Ông nhận thấy nơi mới đến có đường giao thông thuận lợi cho việc mua bán, nên kinh doanh thương nghiệp. Chẳng bao lâu trở thành một “đại phú gia” xưng là Đào Chu Công.

Phạm Lãi có khả năng làm ra tiền dễ dàng, nhưng lại không quá coi trọng đồng tiền, dám từ bỏ tài sản một cách không tiếc nuối. Như vậy, đối với ông thì vinh hoa phú quý chẳng phải là cứu cánh cho cuộc sống. Quan niệm này rất phù hợp với truyền thống “trọng nghĩa khinh tài” của người Trung Quốc. Do đó, Phạm Lãi được dân gian tôn xưng là “Văn Tài Thần”.

II.- Vũ Tài Thần :

1.- TRIỆU CÔNG MINH :

Còn gọi là “Trung Lộ Tài Thần”, ngày vía là rằm tháng ba âm lịch (ngày sinh)

Trong “Phong Thần Diễn Nghĩa” thuật lại, thì Khương Tử Nha không có phong cho Triệu Công Minh là Tài Thần mà phong làm 「Kim Long Như Ý Chính Nhất Long Hồ Huyền Đàn Chân Quân 」, là Nguyên Soái, thống lãnh bốn vị tiên「Chiêu Bảo Thiên Tôn Tiêu Thặng 」,「Nạp Trân Thiên Tôn Tấn Bảo 」,「Chiêu Tài Sứ Giả Đặng Cửu Công 」,「Lợi Thị Tiên Quan Diêu Thiểu Tư 」

Những vị này có chức năng ban phước lộc và điều lành tốt cho những người trong giới buôn bán, vì có những tên “đẹp” như:- Chiêu Bảo, Nạp Trân, Chiêu Tài, Lợi Thị, là những thuật ngữ rất tốt đẹp cho công việc mua bán kinh doanh. Mà những vị này lại là thuộc hạ của Triệu Công Minh, tất nhiên ông phải được tôn xưng là đúng thôi!

Đến đời nhà Minh, ông Hứa Trọng Lâm có viết quyển sách, trong đó chính thức nêu lên Triệu Công Minh là Tài Thần của dân Trung Quốc. Điều này được mọi người chấp nhận, vì những tên của bốn vị thuộc hạ của ông rất phù hợp với lòng mong mỏi của mọi người:- “chiêu bảo (gọi vật quý), nạp trân (thu vật báu), chiêu tài (gọi tiền về), lợi thị (buôn bán có lời). Từ đó, dân gian tôn bốn vị tiên này cộng với thủ lĩnh Triệu Công Minh thành năm người, gọi là “Ngũ Lộ tài Thần”.

Thêm nữa, dân gian cho rằng Triệu Công Minh bị bắn trúng con mắt và thủng tim mà chết, nên gọi là “Tài Thần Gia Vô Nhãn Vô Tâm” (Ông thần tài không có tim không có mắt, tức là người mù), vì thế mới có chuyện thực tế là, có người tốt mà không giàu, người giàu chưa hẳn đều tốt v.v..Lý luận này xem ra cũng có chút ít cơ sở vậy!

*Trong sách “Sưu Thần Ký”, Triệu Công Minh thuộc về Ôn Thần (thần gây bệnh ôn dịch), là một trong ba vị thiên thần xuống trần gian để coi sóc về tính mạng con người, nên tôn xưng là “Triệu Huyền Đàn”, “Triệu Nguyên Soái” hay “Triệu Tướng Quân”, chưởng quản “khí” ngũ phương của các vị thần.

Danh hiệu của Ngài có rất nhiều, như là:

「Cao Thượng Thần Tí Ngọc Phủ Đại Đô Đốc , Ngũ Phương Tuần Sát Sứ , Cửu Châu Xã Lệnh , Đô Hạ Đề Điểm , Trực Điện Đại Tướng Quân , Chủ Linh Lôì Đình Phó Nguyên Soái , Bắc Cực Thị Ngự Sử , Tam Giới Đại Đô Đốc , ứng Nguyên Chiêu Liệt Hầu , Học Sĩ Định Mệnh Thiết Trưởng Sứ , Nhị Thập Bát Tú Tổng Quản , Thượng Thanh Chính Nhất Chi Đàn Phi Hồ Kim Luân Chấp Pháp Triệu Nguyên Soái 』.

*Ngoài ra, Triệu Công Minh còn được gọi là “Hàn Đan Gia” là một “Thần Lưu Manh” vì lúc còn trẻ, ông đã gây tạo không biết bao nhiêu là tội lỗi, làm những việc sai quấy không chừa gì cả. Về sau, ông hối cải ăn năn, muốn

chuộc lại tội lỗi đã gây ra lâu nay. Ông cởi hết quần áo, tình nguyện vào đêm Nguyên Tiêu, để cho nhân dân đốt pháo trên thân ông tan nát, với tâm nguyện cầu mong cho làng xóm tránh khỏi những tai họa trong tương lai. Ông chịu chết như thế nên dân chúng cảm phục, tôn thờ ông làm thần.

2.- QUAN CÔNG:

Tên là Quan Vũ, hoặc tôn xưng là Quan Thánh Đế Quân hay Quan Thánh Đại Đế.

Sở dĩ, Ngài được nhân dân tôn thờ là nhờ trong “Tam Quốc Diễn Nghĩa” đã đề cao tinh thần trung hiếu tiết nghĩa của một võ tướng lừng danh. Thật ra thì giữa bản thân ông và tiền bạc chẳng có quan hệ gì đặc biệt lắm. Việc ông được ca tụng và thần thánh hóa là do sự trung trinh là chính, nói lên tinh thần cốt lõi của văn hóa Trung Quốc. Còn việc ông được gán ghép vào Tài Thần là do vào thời kỳ Minh Thanh, xã hội có nhiều thay đổi trong sinh hoạt, chủ nghĩa tư bản đã phát triển, một số Công Hội hoặc Thương Hội, Hành Hội đa số chọn Quan Công để thờ, vừa là Thần Bảo Hộ vừa là Thần Tài. Để hợp thức hóa, họ thành lập các hội quán mang tên “Hội Quán Quan Đế” hay “Hội Quán Thần Tài” để dễ quan hệ bàn bạc công việc làm ăn. Sở dĩ các hội quán này tồn tại và phát triển nhiều là do lúc trước chưa có những quy chế, quy ước nên mạnh ai nấy kinh doanh theo ý nghĩ sáng kiến của cá nhân, từ khi có Hội Quán, mới đề ra những nội quy thống nhất, tránh được sự cạnh tranh thiếu lành mạnh ngày trước. Đó là nguyên do chủ yếu của việc thờ Quan Công làm Tài Thần.

Ngoài ra, cũng có thuyết nói rằng, thưở sinh tiền, Quan Công rất giỏi việc điều hành quản lý tiền bạc, đã từng phát minh ra “Nhật Ký Thu Chi” cho việc sổ sách kế toán được rõ ràng chính xác. Nội dung nó gồm các khoản “Nguyên” (gốc), “Thu”, “Xuất”, “Tồn” ghi chép rõ ràng, cập nhật kịp thời. Vì thế, giới thương gia đời sau tôn Ngài làm Tài Thần là vậy.

*Thời cận đại, cộng đồng người Hoa ở hải ngoại rất tôn trọng và thờ kính Quan Công. Miếu thờ Ngài hiện diện khắp nơi có người Hoa trên thế giới. Tâm ý của họ là vì Ngài là đại biểu cho nguồn gốc văn hóa Trung Quốc, là vị Thần bảo Hộ của dân tộc, tượng trưng cho sự bảo tồn trật tự đạo đức xã hội. Sau hết, Ngài còn là Thần Tài bảo hộ cho việc làm ăn sinh sống của cộng đồng người Hoa ở ngoài nước.

III.- Thiên Tài Thần :

Còn gọi là “Tư Nghĩa”, vì là cách kiếm tiền ngoài con đường chính thống mà có, nên gọi là: “Thiên Tài” (tiền bạc lệch một bên). Gồm có:-

1.- Thổ Địa Công :

Việc thờ phụng “Thổ Địa Công” làm Thần Tài chủ yếu là do Ngài chưởng quản đất đai, phương tiện để sinh dưỡng muôn vật. Bởi vì, ngày xưa trong xã hội nông nghiệp thuần túy, con người ngày ngày ăn cơm xong là ra ruộng đất làm việc, lòng luôn mong mỗi được mùa vụ. Việc trúng hay thất vụ là quyền ban thưởng hay trừng phạt của Thổ Địa Công, nên phải thờ phụng Ngài để được phù hộ là lẽ tất nhiên. Sự báo đáp của nông dân đối với Ngài rất đậm đà tình cảm vừa kính trọng vừa thân thiết, thể hiện bằng hành động đem treo những “Thổ Địa Công Kim” (vàng khối bằng giấy tiền) la liệt ở ruộng vườn để cúng Thổ Địa. Mỗi năm hai lần vào Xuân Kỳ và Thu Báo (xem bài Thổ Địa Công).

*Ngày mừng hai tháng hai âm lịch là ngày đản sanh của Phước Đức Chính Thần, dân gian nơi nào cũng hết sức cầu bái cúng tế Ngài, nói lên ý nghĩa dân gian xem Ngài là vị Thần Tài hạng nhất rồi!

*Một ý khác nữa là, sở dĩ Thổ Địa được tôn là Thần tài là bởi vì niềm tin vào Ngài là vị “Phước Đức Chính Thần”, có thể mang lại sự bình an và “sinh ý hưng long” (mua may bán đắt). Thương gia theo lệ, hàng tháng vào ngày

mùng hai và mười sáu, sắm sửa bông trái để tự cúng tạ Ngài. Ý nghĩa việc cúng này là hai điều:- “Tổ Nha” (làm mai mối rước khách) và “Nhạ Phước” (tiếp đón điều phước) do Thổ Địa Công ban cho. Từ nông chuyên qua thương, cũng vẫn giữ nguyên sự tôn kính Ngài là việc bình thường.

2.- Ngũ Lộ Tài Thần:

Trong dân gian có nhiều thuyết nói về Ngũ Lộ Tài Thần. Một thuyết nói Ngài tên là Hà Ngũ Lộ, một thuyết nói rằng Ngài là con thứ năm của Dã Vương triều đại nhà Lương hay Trần. Khi chết được phong làm “Ngũ Hiển Thần”, bị người đời đọc trại ra thành Ngũ Lộ Thần. Một thuyết khác thì nói, Ngũ Lộ Thần không phải là tên của một người, mà là tên hiệu chung cho cả năm người. Nói về năm người thì cũng có hai giả thuyết:

-một cho rằng tên của năm người là “Đỗ, Thượng, Hoa, Trần, Tôn”, là năm người sinh cùng ngày cùng tháng cùng năm. Ngày nọ năm người tình cờ gặp nhau ở Hàng Châu, rồi đốt hương kết làm anh em bạn bè nhau. Năm người này hợp tác làm ăn với nhau, đến Miếu Quan Âm cúng bái khẩn nguyện phù hộ, được đức Quan Âm giúp cho công việc làm ăn thuận lợi, nên về sau năm người xây dựng một ngôi Chùa Quan Âm đồ sộ để tạ ơn. Sau khi chết, năm người này được tôn làm “Ngũ Lộ Tài Thần”

-một thuyết khác nói rằng, tên của năm người là “Đường, Lưu, Trương, Cát, Lý”, lúc sinh tiền là năm tên “giang dương đại đạo” (cướp ở sông biển), nhưng lại đem số tiền cướp được phân phát hết cho dân nghèo các nơi. Sau khi chết, được nhân dân xây miếu thờ, xưng tụng năm người là “Ngũ Lộ Tài Thần” hay “Ngũ Hiển Tài Thần”.

*Có thuyết thì lấy Triệu Công Minh và bốn vị thủ hạ tôn làm “Ngũ Lộ Tài Thần” như trên đã nói.

*Trong dân gian lại tôn Ngũ Lộ Tài Thần là các vị:- Thổ Địa Công, Mã

Vương Gia (hay Ngưu Vương Gia), Tiên Cô, Tài Thần và Định Phước Tao Quân.

3.- Lợi Thị Tiên Quan:

Trong tín ngưỡng về Thần tài của dân gian, thì “Lợi Thị Tài Thần” ít được lưu ý và không có nguồn gốc hay truyền thuyết nào đáng ghi. Nói về phương diện này, chúng ta cần lưu ý nhiều đến các vị “Chính Tài Thần” hơn vì có nguồn gốc và lịch sử hay truyền thuyết, còn “Lợi Thị Tiên Quan” thì xếp vào “Thiên Tài Thần” thì không nhất định phải có lịch sử. Xét cho cùng, thuật ngữ “lợi thị” (Q Đ: lì-xì) là câu cửa miệng của mọi người, nhất là giới thương buôn đời Tống, Nguyên. Từ đó, biến thể dần thành ra “Lợi Thị Tài Thần” vậy thôi!

Từ “Tiên Quan” là thuật ngữ của Đạo Giáo, còn từ “Lợi Thị” có lẽ xuất phát từ câu ngạn ngữ “Lợi thị tam bội” (chợ lời gấp ba), rút lại là lợi thị mà thôi. Trải qua nhiều thời đại, dần dần dân gian đã nhân cách hóa và thần thánh hóa một “câu nói” thành ra nhân vật “lão bà” thành ra “Lợi Thế Bà Quan” (quan bà làm lợi cho đời). Đến đời Minh, tôn xưng “Lợi Thị Tiên Quan” thành “Diêu Nhiễm Ích” (tên người, họ Diêu là con cháu vua Thuấn) hay “Diêu Thiểu Tử”. Gần đây, thì được dân gian tưởng tượng vẽ ra hình để thờ. Đó là sự chuyển hóa tự nhiên của tính sùng bái “ngẫu tượng” lâu đời của người Trung Hoa vậy.

4.- Chiêu Tài Đồng Tử:

Theo tập tục cho rằng tiền thân của “Thiện Tài Đồng Tử” (phò đức Quan Âm) trong Phật Giáo, chính là “Chiêu Tài Đồng Tử”. Hai chữ “thiện tài” thực ra có nghĩa là “thiện ư lý tài” (khéo léo việc quản lý tiền bạc). Nhưng dân gian đã thể tục hóa dần, thành ra có liên hệ đến “Chiêu tài tiến bảo”.

Trong Kinh Phật chép:- “Khi Thiện Tài Đồng Tử sinh ra, trong phòng

bồng nhiên xuất hiện nhiều đồ vật quý giá, vì hiện tượng đó nên đặt tên Thiện Tài. Nhân vật Thiện Tài này tuy có vô số đồ vật quý báu, nhưng ông ta sớm nhận ra muôn vật đều không, chỉ phát lời thệ nguyện tu thành Phật đạo. Trải qua ngàn cay muôn đắng của các cuộc thử nghiệm, ông đã thành Phật theo đúng nguyện vọng, là nhờ Phật Quan Âm giáo hóa thành Bồ Tát, hiện ra thân đồng tử, đứng ở bên trái của đức Quan Âm.

5.- Hắc Bạch Vô Thường:

Thế gian thường hay nói câu:- “Sanh không biết kỳ nhưng chết thì có thời hạn”. Quan niệm về Hắc Bạch Vô Thường là Hắc Vô Thường mặc áo đen, Bạch Vô Thường mặc áo trắng. Một khi nhìn thấy hai ông quý này thì chắc chắn dương số đã hết, chuẩn bị lo việc hậu sự là vừa!

Nhưng trong dân gian cũng có truyền tụng một giai thoại lý thú khác là, Hắc Bạch Vô Thường không hẳn hoàn toàn mang ý nghĩa chết chóc cho con người đâu, trái lại còn mang đến những lợi lộc “phi thường” là đằng khác. Họ bảo:- “Khi nhìn thấy hai vị Vô Thường này, cố gắng đừng sợ hãi, mà theo khẩn khoản năn nỉ xin cho kỳ được “bất cứ một vật gì”. Nếu được, thì chắc chắn về sau sẽ trở thành “đại phú quý”!

Không biết thực hư thế nào nhưng người ta lại thấy trên bàn thờ của những đoàn hát kịch nghệ, có thờ hai vị vô thường này chung với Thần Tài. Đặc biệt là trên mào của hai vị vô thường có viết câu “Nhất Kiến Sinh Tài” (một lần gặp là có tiền).

IV.- NHỮNG HÌNH TƯỢNG THẦN TÀI ĐANG ĐƯỢC THỜ PHỤNG:

1./HOÀNG TÀI THẦN:

Da có màu hoàng kim, tay phải cầm bảo châu, tay trái cầm “con chuột nhả ra ngọc báu” (thỏ bảo mông thử), chân phải đạp nhẹ lên đồng bảo vật ốc biển.

Hiệu nghiệm là “Cầu tài liền được tài”.

2./BẠCH TÀI THẦN:

Mình mặc thiên y (áo trời), tay phải cầm châu báu, tay trái cầm “con chuột nhả ra ngọc báu” (thổ bảo mộng thử). Cỡi con rồng xanh biếc. Người cúng lạy sẽ được thuận lợi trong việc cầu tài.

3./HẮC TÀI THẦN:

Tay phải cầm khí cụ tên “Ca ba lạt lô” (?), tay trái cầm “con chuột nhả ra ngọc báu” (thổ bảo mộng thử). Chân phải co lại, chân trái duỗi thẳng, ngồi trên “mặt trăng có hình hoa sen”. Hiệu nghiệm về “cầu hoạnh tài”.

4./TÀI PHÚ THIÊN VƯƠNG:

Thân sắc vàng, mặc áo hoàng kim, đầu đội mào quý. Vai phải có mặt trời, vai trái có mặt trăng, có tài bảo vô tận. Tay phải cầm cây dù báu, tay trái cầm “con chuột nhả ra ngọc báu” (thổ bảo mộng thử). Ngồi trên đầu con sư tử. Hiệu nghiệm là chuyển biến tài vận và sự nghiệp từ khó khăn trở thành thuận lợi.

V.- SỰ THỂ TỤC HÓA THẦN TÀI:

Tài Thần là một vị thần xuất hiện sau nhất của tín ngưỡng dân gian, bởi vì trong xã hội nông nghiệp xưa của Trung Quốc, nhu cầu về tiền bạc ít được cho là quan trọng. Cho nên trải qua thời gian dài, quan niệm về Thần Tài không nổi bật so với những vị Thần khác (như Thần Đất chẳng hạn). Đến cuối đời nhà Đường, mới thấy xuất hiện hai hình tượng là “lộc mã” (ngựa lộc) và “tài mã” (ngựa tiền). Đời xưa người ta trọng về “lộc” nhiều hơn, bởi vì khi có được công danh hay quan tước, là có những bổng lộc nhất định rồi. Như thế là tiền bạc đã nằm trong “lộc”.

Ngày nay, hai quan niệm về “tài” và “lộc” mới tách biệt ra. Và “tài” được xem trọng dần lên. Hình tượng “tài mã” đã nói lên sự thăng tiến về “tài” trong quan niệm quần chúng. Sau đời Minh thì Thần tài mới chính thức hiện diện trong danh sách các vị thần minh.

*Từ xưa đến nay, quan niệm dân gian đa số cho rằng “Quân tử ái tài, thủ chi hữu đạo” (cách kiếm tiền của người quân tử là phải phù hợp với đạo đức). Hoặc mạnh hơn “Trọng nghĩa khinh lợi (tài)” (xem cái nghĩa nặng hơn cái lợi (tiền)) của những sĩ đại phu thường nói. Sở dĩ có sự thay đổi về quan điểm nhận thức đối với tiền, là vì xã hội đã biến chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp thương nghiệp. Phương thức sinh hoạt thay đổi dẫn đến quan niệm thay đổi là điều tất yếu. Từ coi trọng “Nông Thần” chuyển sang coi trọng “Tài Thần”. Sự kiện này chứng minh “hạ tầng kinh tế” chuyển đổi “thượng tầng tinh thần” là thế!

*Ngoài yếu tố thay đổi về phương thức kinh tế, tín ngưỡng về Tài Thần còn do thay đổi về sinh hoạt đời sống. Nhu cầu trao đổi về tiền trở nên cụ thể và phổ biến khắp mọi nơi, nảy sinh ra tín ngưỡng Tài Thần của tâm lý dân gian, không phải xuất phát từ tín ngưỡng tôn giáo như các vị thần khác.

*Quan niệm phong kiến truyền thống nêu lên giai tầng xã hội là “Sĩ, Nông, Công, Thương”, trong đó “Thương” được xếp sau chót. Điều đó cho thấy sự xếp loại giá trị về người làm nghề mua bán bị đánh giá thấp. Thuật ngữ “gian thương” không phải bây giờ mới có, mà đã hình thành từ thưở xa xưa rồi, thể hiện tính châm biếm mỉa mai nghề “thương” rất rõ.

*Giá trị cống hiến của tín ngưỡng về Thần Tài chỉ thực có giá trị khi mọi người hiểu thấu đáo về những nhân vật tiêu biểu của Tài Thần, đều là những người có đạo đức, có thiện tâm. Từ đó, xóa bỏ quan niệm “Vô gian bất thành thương” (không gian lận thì không thành mua bán).

Được vậy, chúng ta mới có được một xã hội mà sinh hoạt mật dịch

thương mại phát triển song song với đạo đức chân chính, với sự tiến bộ theo hướng tốt lành của con người.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Tam Quan Đại Đế

Tam Quan Đại Đế

Tam Quan Đại Đế là danh từ gọi chung của ba vị là:- Thượng nguyên tứ phước Thiên quan Tử Vi Đại Đế, Trung nguyên Xá tội Địa quan Thanh Hư Đại Đế, Hạ nguyên Giải ách Thủy quan Động Âm Đại Đế. Nếu gọi đầy đủ thì là “Tam Nguyên Tam Phẩm Tam Quan Đại Đế”. Trong Đạo giáo, địa vị của ba vị này gần với Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đạo giáo cho rằng ba vị này có trách nhiệm về ba yếu tố: ban phúc, xá tội và giải trừ tai ách cho con người.

Trong dân gian, Tam Quan Đại Đế được gọi là “Tam Giới Công”, tức ba vị Tôn Thần chưởng quản ba cõi thiên, địa và thủy giới. Đó là do nguồn gốc sùng bái các vị thần trong tự nhiên mà có, sau được “thần thánh hóa” thành ra ba vị tôn thần.

Mặc dù trong Đạo giáo cho rằng, địa vị của ba Đại Đế này gần với Ngọc Hoàng Thượng Đế, nhưng trong dân gian lại ít thấy thờ cúng. Chỉ có tại các đạo quán của Đạo giáo, có đặt ba cái lò bằng thiếc để cúng tế, nên dân gian gọi là “Tam Giới Công Lô” (ba ông thần lò tam giới).

Sự sùng kính của dân gian đối với Tam Quan Đại Đế bắt nguồn từ thời cổ đại, con người có sự sợ hãi kính trọng ba giới tự nhiên là: trời, đất và nước. Còn danh xưng “Tam Quan” thì tới đời Đông Hán mới xuất hiện, khi nhân vật Trương Giác (Giốc) sáng lập ra một đạo thường gọi là “Ngũ đầu mễ giáo” (đạo năm lít gạo). Tương truyền, để giúp cho những người cần giải trừ tai nạn hay tiêu trừ tật bệnh, thì chỉ cần viết tên họ, tuổi tác, tội lỗi cần sám hối hoặc

chứng bệnh đang bị.. vào ba tờ giấy. Rồi đem ba tờ giấy ấy thực hành như sau:- một tờ đem chôn trên núi hoặc đốt cho tro than bay lên trời, một chôn dưới đất, còn một cột vào vật nặng thả chìm dưới nước, là có thể giải trừ tất cả xui rủi xấu xa bệnh hoạn ...Đó là quan niệm có liên quan đến ba cõi:- trời, đất và nước, xuất hiện sớm nhất ở TQ.

*Như đã nói ở trên, “Tam Quan” bao gồm “Thiên quan”, “Địa quan” và “Thủy quan”, bởi vì người Trung Quốc từ xưa đã có những nghi lễ về tế trời, cúng đất và cúng nước. Thiên “Cẩn lễ” trong sách “Nghi lễ” có viết: “Tế trời thì đốt củi, tế núi thì lên gò cao, tế nước thì chìm xuống, tế đất thì đem chôn”. Nhưng ngày xưa, việc cúng tế này là quyền hạn của nhà vua, còn dân chúng chỉ được cúng bái tổ tiên mà thôi. Đến thời Đông Hán, Trương Đạo Lăng lập ra “Thiên Sư Đạo” mới có cúng tế “tam quan” là trời, đất và nước. Sách “Thượng Tam Quan thủ thư” là sách kinh điển của Đạo giáo chuyên về trị bệnh cho tín đồ có dạy: “một đem đặt trên núi cao, một chôn dưới đất, một cho chìm xuống nước, gọi là phép “tam quan thủ thư”. Đến đời Nam Bắc triều thì có chức vụ Tam quan thần coi về việc cúng tế của ba lĩnh vực trời, đất và nước, như vậy đến đây đã hợp nhất ba vị thành một vậy.

1. THIÊN QUAN TỨ PHƯỚC:

Thiên quan tên là “Thượng nguyên nhất phẩm tứ phước thiên quan Tử Vi Đại Đế”, thuộc về Cung Ngọc Thanh. Thiên quan do ba khí xanh, vàng, trắng hợp thành, tổng quản các vua trời. Mỗi năm, vào ngày rằm tháng giêng thì Ngài hạ giáng xuống trần gian, để luận xét về tội phước của con người, vì vậy nên xưng Ngài là “Thiên quan tứ phước”.

2. ĐỊA QUAN XÁ TỘI:

Địa quan tên là “Trung nguyên nhị phẩm Xá tội Địa quan Thanh Hư Đại Đế”, thuộc về Cung Thượng Thanh. Địa quan do tinh hoa của hai khí “hỗ độn” và “cực huỳnh” kết hợp thành, tổng quản Ngũ Đế, Ngũ Nhạc và các Địa

Thần. Mỗi năm vào ngày rằm tháng bảy, Ngài hạ giáng xuống trần để xét tra tội phước của nhân gian, xá tội cho những ai thành tâm sám hối.

3. THỦY QUAN GIẢI ÁCH:

Thủy quan tên là “Hạ nguyên tam phẩm Giải ách Thủy quan Động Âm Đại Đế”, thuộc về Cung Ngọc Thanh. Thủy quan do khí “phong trạch” (gió và ao đầm) và tinh khí “thần hạo” (biển mênh mông) hợp thành. Mỗi năm vào ngày rằm tháng mười thì Ngài hạ giáng xuống trần để xem xét tội phước của nhân gian, tiêu trừ tai nạn cho loài người.

* Loài người luôn có lòng sùng bái tự nhiên nên dễ dàng thần thánh hóa tự nhiên trở thành những truyền thuyết. Có một thuyết là Tam Quan Đại Đế chính là ba vị vua cổ đại là:- Nghiêu, Thuấn và Vũ. Ba vị này đã có công lớn với thiên hạ nên khi mất được phong làm Thiên, Địa, Thủy, ba vị Đại Đế, chia ra chưởng quản ba cõi để cai trị và bảo hộ cho nhân gian.

* Có một thuyết cho rằng, khởi thủy của Tam quan nguyên là ba khí:- Kim, Thủy và Thổ hóa sanh ra.Đem ba yếu tố kim, thổ, thủy phối với thiên, địa, thủy mà thành ra Tam Quan.

*Lại có một thuyết nói rằng, Tam quan chính là ba người con của Nguyên Thủy Thiên Tôn thần thông quảng đại. Trưởng tử phong làm “Tử Vi Đại Đế”, con kế phong làm “Thanh Hư Đại Đế” và con út phong làm “Động Âm Đại Đế”, giao cho việc chưởng quản ba ty sở về thiên, địa và thủy của nhân gian.

*Có thuyết thì nói rằng, ba người con trai này là do Ông Trần Tử Đảo kết duyên với ba người con gái của Long Vương sanh ra, có pháp lực vô biên, nên được Nguyên Thủy Thiên Tôn phong chức cho.

*Dân gian tin rằng địa vị của Tam Giới Công là gần với Ngọc Hoàng Thượng Đế là phản ánh lòng sùng kính trời, đất và nước mà thành. Cho nên

cứ đến ba ngày “rằm lớn” thì nhà nhà đều sắm sửa lễ phẩm thịnh soạn để cúng tế, cầu nguyện Tam Quan Đại Đế ban phước, tiêu tội và giải ách và cảm tạ ơn trên đã phù hộ được bình an thuận lợi. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ là, rằm tháng giêng cầu Thiên Quan Đại Đế, rằm tháng bảy cầu Địa Quan Đại Đế, rằm tháng mười cầu Thủy Quan Đại Đế, phân chia nhiệm vụ tiếp nhận lời cầu xin của dân gian về ba lãnh vực:- ban phước, xá tội và tiêu tai giải ách.

*Khi đến “tam nguyên tiết” là ngày cúng tế Tam Quan Đại Đế. Tam nguyên tức là thượng nguyên (rằm tháng giêng), trung nguyên (rằm tháng bảy) và hạ nguyên (rằm tháng mười). Mặc dù đã có sự phân biệt ngày thánh đàn của mỗi vị, nhưng dân gian thì bất kể nguyên nào cũng đều đến các đạo quán để cúng tế, đốt giấy tiền vàng bạc cầu xin được phước, xá tội và giải ách...

*Việc bày trí tượng của ba vị tôn thần tại các đạo quán như sau:

- Thiên quan nhất phẩm Tử Vi Đại Đế đặt tại trung ương.
- Địa quan nhị phẩm Thanh Hư Đại Đế đặt ở bên phải.
- Thủy quan tam phẩm Động Hư Đại Đế đặt ở bên trái.

*Trong dân gian thì thường chỉ tập trung cúng tế lớn vào thượng nguyên, còn trung và hạ nguyên thì ít cúng trở lại.

Ngọc Hoàng Thượng Đế và Tam Quan Đại Đế thì ít được tạo cốt tượng để thờ, chỉ biểu trưng bằng “lò đốt hương” gọi là “Tam Giới Công Lô” để cúng tế. Việc cúng này thì người ta chỉ cúng chung Tam Quan, chứ ít ai chia ra ba vị như đã dẫn giải ở trên.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Tây Vương Mẫu

VƯƠNG MẪU NƯƠNG NƯƠNG

Vương Mẫu Nương Nương hoặc là Dao (Diêu) Trì Kim Mẫu, Tây Vương Mẫu, Kim Mẫu, Kim Mẫu Nguyên Quân, Cửu Linh Đại Diêu Quy Sơn Kim Mẫu, nói gọn là Vương Mẫu hay Kim Mẫu. Thế danh tính là họ HẦU (có nơi nói là DƯƠNG) tên HỒI, tự UYÊN LINH, tên chữ là THÁI HU.

Tín ngưỡng về Tây Vương Mẫu đã có từ lâu đời ở Trung Quốc.

Trong phần “Quyển 3 nói về Khu vực phía Tây của Sơn Hải Kinh” đã nói:

“Tây Vương Mẫu cư trú tại núi Ngọc Sơn, hình tướng như người, có tướng lạ là đuôi beo răng cộp tiếng kêu rất to, tóc như cỏ bông bay phủ. Là người coi về các chứng bệnh dịch và ngũ tà (5 thứ tai nạn làm tàn phế con người)”. Ý nghĩa đoạn này nói rằng Tây Vương Mẫu là một con người đặc biệt nhìn giống như “quái vật”, có hình tướng uy mãnh, chưởng quản về các chứng bệnh ôn dịch và các tai nạn của con người.

*Riêng “Liệt Tiên Toàn Truyện” có ghi:

“Tây Vương Mẫu chính là những khí tinh hoa diệu mầu của phương Tây tạo thành, cùng với Đông Vương Công chia nhau giữ sổ sách tên tuổi các vị Tiên trong mười phương ba cõi, vị này ở hướng Tây, là vị thần ở gần Tam Thanh, có địa vị rất cao”.

Tây Vương Mẫu là sự tập hợp những tinh khí kỳ diệu của khu vực hướng

Tây tạo thành, là vị nữ thần được Đạo Giáo ở vùng Y Xuyên Thần Châu rất sùng bái. Hiện hữu trước tiên ở khu vực phương Tây, có cái đức là nguyên khí của Đất, chủ cai quản về chân khí âm linh, là vị chí tôn của “Thuần âm khí” vậy. Đạo Trì Kim Mẫu cư trú trong những dãy núi cao đẹp đẽ ở phương Tây Trung Quốc. Ngôi Miếu Thờ Ngài đầu tiên hiện nay ở Hội Sơn thuộc huyện Xuyên của tỉnh Cam Túc. Từ đó cho thấy, thánh địa trước tiên của Đạo Trì Kim Mẫu không ngoài dãy núi Cam Túc. Khu vực này người phàm không thể đến được, cho nên từ xưa đến nay chưa ai trông thấy được tôn nhan của Ngài, chỉ theo lời diễn tả của Trang Thúc là dung mạo của Kim Mẫu tươi đẹp như hoa, đoan trang tôn quý.

Chỗ ở của Tây Vương Mẫu là Vườn Treo của núi Côn Lôn, đây là một hoa viên gọi là “Lang Phong”, có chín tầng lầu ngọc, tả hữu có ao tiên nước xanh biếc vây quanh. Ngài có năm người thị nữ tên là “Hoa Lâm”, “My Lan”, “Thanh Nga”, “Đạo Cơ” và “Ngọc Chi”. Tây Vương Mẫu có một bảo vật quý hiếm ăn nó thì được trường sanh bất lão tên là “quả đào tiên” (còn gọi là bàn đào). Loại đào này, cứ ba ngàn năm mới trở hoa, ba ngàn năm nữa mới kết trái, ăn vào thì tuổi thọ kéo dài. Khi đào đã chín, Vương Mẫu Nương Nương thường triệu tập các vị thần tiên mở ra bữa tiệc chúc thọ gọi là “Đạo Trì Tập Khách” để chiêu đãi. Do đó, nhân gian hiểu rằng Tây Vương Mẫu là tượng trưng cho sự trường sinh bất tử. Trong câu chuyện thần thoại nói về Thường Nga (Hằng Nga) có nhắc đến việc nàng ăn cắp thuốc bất tử của chồng là Hậu Nghệ để uống sau đó bay lên cung trăng là do vào niềm tin bất tử vào Tây Vương Mẫu vậy.

Tây Vương Mẫu chưởng quản phương Tây, là người quản lý sổ sách các vị tu hành ở cõi trên hoặc cõi dưới, có được chứng quả Tiên hay không. Ngài cùng với Đông Vương Công là hai vị hiện thành do nguyên khí từ ngàn xưa của Đông Tây tạo nên, để nuôi dưỡng trời đất, cai quản muôn vật. Tây Vương Mẫu tự xưng là con gái của Thiên Đế, mà danh từ Thiên Đế lại do Huyền Thiên Thượng Đế tiếm xưng, thực ra thì trong “Lễ khúc lễ tập” nói

rằng cả bốn vị Thanh Đế, Xích Đế, Huỳnh Đế và Bạch Đế mới là Thiên Đế.

*Còn trong “ Tây Vương Mẫu truyện” thì nói rằng Kim Mẫu cùng với Mộc Công hợp hai khí âm dương để nuôi lớn trời đất, sinh sôi nảy nở muôn vật, những tiên nữ đắc đạo trong mười phương ba cõi đều do Ngài quản hạt”.

*Trong “Liệt tiên toàn truyện” có ghi:

Tây Vương Mẫu tức là Quy Đài Kim Mẫu, là bậc chí tôn của khí tinh diệu thuần âm phương Tây tạo thành. Hóa sanh ở Y Xuyên của Thần Châu, họ Hầu (hoặc Dương), tên Hồi, tự là Uyển, tên chữ là Thái Hư”.

* Sách “Sử ký đại uyển truyện lược” ghi:

“ Tây Vương Mẫu là bậc Cổ Tiên, họ Hầu hay Dương, tên Hồi, tự Uyển Linh, ở núi Côn Lôn”.

* Sách “Đạo Tạng Đạo Tích Kinh” chép:

“Điện của Ngài Tây Vương Mẫu tọa Tây hướng Đông, vàng ròng làm đất, cảnh sắc sáng rỡ, dung mạo đoan trang uy kính, thắt dây lưng Linh Phi, đeo gươm Phân cảnh. Trên đầu như hoa lớn, đội mũ Thái Chân Thần Anh, trước ngực thêu chim phượng. Nhìn sơ qua tuổi ước chừng ba mươi, nhưng đó là do Ngài có phép “thâu ngắn tuổi” lại nên có nhan sắc linh diệu tuyệt thế, quả thật là Chân Linh Nhân vậy”.

* Sách “Đạo Tạng Tam Động Kinh” chép:

“Tây Vương Mẫu là nguyên khí thuần âm tạo thành. Họ là Tự Nhiên, tên là Quân Tư, dưới cai quản Côn Lôn, trên trị vì Bắc Đẩu”. Sách này xếp Tây Vương Mẫu vào hàng thần tiên thứ tư, bên cạnh có Đông Vương trợ giúp.

*Còn sách “Vân Thất Cấp” thì nói:

“Có một vị thánh gọi là Bạch Ngọc Quy Đài Thái Chân Tây Vương Mẫu”.

*Trong những đạo thư xưa của Trung Quốc, có rất nhiều đoạn nói về sự hiển thánh của Tây Vương Mẫu. Như là:

- Ngài đã từng phái đồ đệ là Cửu Thiên Huyền Nữ xuống giúp cho Huỳnh Đế đánh bại giặc Xi Vưu, giao địa đồ thiên hạ cho vua Thuấn để trị an đất nước, cùng với hai mươi ba vị Vân Hoa Phu Nhân xuống phàm giúp vua Đại Vũ trị thủy (cứu nạn lụt lội). Thánh nhan của Ngài là do những người đã từng nhìn thấy Ngài như vua Thuấn, người nổi tiếng về hiểu thảo hay Hán Vũ Đế, vị vua cực kỳ ham thích đạo thần tiên kể lại.

*Theo “Mục Thiên Tử Truyện” có kể lại chuyện trước đây, Chu Mục Vương đã có lần nằm mộng thấy Tây Vương Mẫu, nhưng ở đây Kim Mẫu chưa là thần, chỉ là một vị nữ vương thôi”.

* Còn theo “Hán Vũ Đế nội truyện” ghi:

“Đêm mừng bảy tháng bảy, Vương Mẫu giáng trần, tự tổ chức bữa ăn của trời, có bàn bằng ngọc đựng bảy trái đào tiên, to bằng quả trứng ngỗng, hình tròn sắc xanh. Vương Mẫu tặng cho vua bốn trái đào, còn Ngài ăn ba trái. Nhà vua ăn xong, có ý để dành cho quần thần nếm thử, nhưng Vương Mẫu bảo rằng, đào này ba ngàn năm mới có trái, đất Trung Quốc phước mỏng, người thường không được ăn”. Khi ấy, hình tượng Vương Mẫu đã thành một vị vợ vua, nhan sắc tuyệt vời. Ngài ngồi trên điện mà tiếp kiến các thần tiên khác, đương nhiên trở thành lãnh tụ của nữ tiên.

*Cuối thời Đông Hán, Đạo Giáo thịnh hưng, suy tôn Ngài thành Vương Mẫu Nương Nương, cho rằng Vương Mẫu Nương Nương là vị thánh hạng nhất trong bảy vị thánh, là vị Nguyên Thủy Thiên Tôn Nữ Nhi của Đạo Giáo. Tất cả người tu hành trong mười phương ba cõi đặc quả tiên đều là thuộc hạ

của Ngài. Đó là nguyên nhân dẫn đến lòng tin Ngài là mẫu thân của Nguyên Thủy Thiên Tôn, nhân gian tôn xưng là Huỳnh Thái Hậu vậy, Ngài có quyền lực vô hạn, cai quản khắp vũ trụ. Rất nhiều nơi thờ phụng đức Tây Vương Mẫu với tả hữu có sáu vị phu nhân: hai vị gọi là Tống Tử Phu Nhân, hai vị là Thôi Sinh Phu Nhân, hai vị Trị Ôn Chấn (bệnh dịch và bệnh ban trái), tất cả đều có lòng nhân từ cứu giúp chúng sinh. Ngài chính là vị thần minh tối cao vậy.

*Trong truyền thuyết dân gian thì Vương Mẫu Nương Nương cùng Ngọc Hoàng Thượng Đế kết làm vợ chồng như dưới trần gian có vua và hoàng hậu vậy. Trong truyện “Thiên tiên phối” (truyện có tính cách giáo dục con cái trong gia đình) thì hai vị ấy sanh được bảy người con gái, trong đó người con gái út lên trốn xuống phàm trần, kết duyên cùng một đầu bếp nghèo tên Đồng Vĩnh. Ngoài ra, còn có chuyện hai vị có người cháu ngoại tên Chức Nữ, làm vợ của Ngưu Lang, dệt thành chuyện tình ướm át “Bắt cầu ô thước đêm mừng bảy tháng bảy” mà mọi người đều biết.

Hàng năm, đến ngày mười tám tháng bảy là ngày thánh đàn của Dao Trì Kim Mẫu, các thần ở Tiên giới đều đến Dao Trì Cung để chúc thọ Vương Mẫu. Từ đó, ai cũng biết được phẩm vị của Kim Mẫu là cực cao.

Hiện nay, Miếu Thờ Kim Mẫu ở khắp nơi ngày đêm hương khói chẳng dứt.

Tây Vương Mẫu

1.-Lai lịch Tây Vương Mẫu:

Tây Vương Mẫu, tục xưng là Vương Mẫu Nương Nương, còn gọi là Tây Lão Mẫu, Vương Mẫu, Kim Mẫu và Kim Mẫu Nguyên Quân. Tên gọi đầy đủ của Ngài là “Bạch Ngọc Quy Đài Cửu Phượng Thái Chân Tây Vương Mẫu” hoặc là “Thái Linh Cửu Quang Quy Đài Kim Mẫu Nguyên Quân”.

*Danh hiệu Tây Vương Mẫu xuất hiện xưa nhất trong “Sơn Hải Kinh”. “Tây” chỉ phương vị, “Vương Mẫu” là thần danh. Tây Vương Mẫu do tinh hoa chí diệu của khí thuần âm trong thời kỳ hỗn độn ngưng kết lại mà thành. Nói họ Hầu là vì có liên quan đến phương vị hướng Tây vậy.

*Trong “Hán Vũ Đế nội truyện” mô tả diện của Ngài là “xây dựng bằng vàng ròng, màu sắc rực rỡ, ánh kim quang chói mắt. Ngài thắt dây lưng Linh Phi, lưng mang gươm “Phân Cảnh”, đầu tươi như đóa hoa, đội mũ “Thái Chân Thần Anh”, ngực thêu chim phượng. Mới nhìn, tưởng như tuổi chừng ba mươi bởi vì Ngài có pháp rút tuổi. Ngài có phong thái thân thiết dễ mến, dung nhan tuyệt thế”. Hán Vũ Đế lạy nhận giáo mệnh của Ngài.

*Trong “Sơn Hải Kinh” thì diễn tả “Tây Vương Mẫu là người có tướng lạ là đuôi beo răng cộp tiếng kêu rất to, tóc như cỏ bông bay phủ v.v... Lại nói Tây Vương Mẫu là “Thần Bạch Hổ”, sứ giả của Tây Phương. Hình ảnh đó không giống như hiện nay.

2.- Đứng đầu Nữ Tiên:

Tây Vương Mẫu là vị đứng đầu nữ tiên, cư trú ở núi Côn Lôn, có thành trì dài ngàn dặm, mười hai lầu ngọc, có cung Quỳnh Hoa và nhà Quang Bích. Ngài ở trong tòa nhà chín tầng trong căn phòng Tử Thúc Đan. Bên trái có ao tiên Dao Trì, bên phải có núi cao Hoàn Thúc.

*Trong “Bác vật Chí” thì nói:- Cung Dao Trì có loại đào tiên “ba ngàn năm mới có trái”. Ba cõi mười phương trên trời dưới trời tất cả người tu hành nam nữ khi đắc đạo thành tiên, đều thuộc dưới quyền của Ngài cả.

3.- Nuôi lớn muôn vật:

Nguyên Thủy Thiên Tôn giao trách nhiệm cho Tây Vương Mẫu ở núi Quy Sơn Cửu Quang để cai quản sổ sách công hạnh thành tiên của người tu, răn

bảo dạy dỗ cho vạn linh, chứng nhận lòng thành của nhân gian, phân biệt tu hành chân giả và kỷ luật của các Thánh, kiểm soát các kỳ thăng cấp chư Thánh.

Tây Vương Mẫu cùng với Đông Vương Công là hợp hai khí âm dương lại thành cha mẹ để nuôi lớn vạn vật, sanh sôi nảy nở muôn loài.

Khi Huỳnh Đế thảo phạt giặc loạn Xi Vưu thì bị Xi Vưu có nhiều tài năng biến ảo, biết hô phong hoán vũ, nhả khói phun sương nên không thu phục nổi. Tây Vương Mẫu đã sai Cửu Thiên Huyền Nữ đem dạy cho Huỳnh Đế những phép “tam cung ngũ ý, Pháp âm dương, Pháp Thái Ất Độn Giáp, Pháp Lục Nhâm Bộ Đầu, cùng với những pháp Âm phù, cho những bảo bối “ngũ phù ngũ thăng” để trợ chiến”. Nhờ đó mới thắng được giặc Xi Vưu. Khi vua Thuấn lên ngôi, Tây Vương Mẫu dạy cho pháp sử dụng Bạch ngọc hoàn và Bạch ngọc quản, cùng với bản đồ đất đai lãnh thổ, mở rộng được đất nước có chín châu ở thời Huỳnh Đế trở thành mười hai châu.

4.- Cúng tế:

Trong “Hán Vũ Đế nội truyện” có nói đến chuyện Tây Vương Mẫu mở hội bàn đào để ban cho các Tiên loại đào “ba ngàn năm mới có trái”. Từ đó, câu chuyện “Hội Bàn Đào” của Tây Vương Mẫu đi sâu vào lòng nhân dân Trung Quốc. Trong Đạo Giáo cũng như ngoài dân gian đều công nhận hình tượng Tây Vương Mẫu là “Vị Thần cao cả chủ về sự kéo dài tuổi thọ con người”.

Riêng về ngày thánh誕 của Tây Vương Mẫu thì có hai thuyết:-

-một nói là ngày mừng ba tháng ba âm lịch.

-một nói là ngày mười tám tháng bảy âm lịch.

Trong Đạo Giáo, đặc biệt là “nữ tín đồ” thường tụ tập nơi đạo quán để

thành tâm khẩn lạy Tây Vương Mẫu, cầu xin cho được khỏe mạnh sống lâu.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Thái Thượng Lão Quân

Thái Thượng Lão Quân

Lão Tử tức Thái Thượng Lão Quân, họ Lý tên Nhĩ, tự là Bá Dương, hiệu Lão Đam, là một vị tư tưởng gia nổi tiếng vào những năm cuối thời đại Xuân Thu. Trong Đạo Giáo, được tôn là vị Tổ sáng lập nên tín đồ xưng Ngài là “Đạo Đức Thiên Tôn”, “Thái Thượng Lão Lý Quân”, “Thái Thượng Đạo Tổ”, “Vô Cực Lão Tổ”, “Tam Thanh Đạo Tổ”, “Lão Quân Gia”, “Vô Cực Chí Tôn”, “Vô Cực Thánh Tổ. Ngài sinh ngày mười lăm tháng hai năm Canh Thìn, tức năm thứ mười đời vua U Vương nhà Châu (Chu), người ở lý (xóm ấp) Khúc Nhân, làng Lại, huyện Khổ, thuộc nước Sở. (hiện nay là Lộc Ấp (鹿邑) thuộc tỉnh Hà Nam-NT)

*Chú thích:

Đây là dịch theo nguyên tác này, còn tiểu sử của Ngài vẫn còn nhiều tranh cãi, mong quý vị lưu ý cho—NT)

*Truyền thuyết xuất sanh của Lão Tử hết sức thần kỳ. Theo các sách của Đạo giáo, Ngài đã có mặt từ thời viễn cổ rất xa trải qua nhiều lần của “chu kỳ tám mươi một vạn năm” (?) rồi (810.000 năm), đời này thác thai vào Huyền Diệu Ngọc Nữ, bà mang thai suốt 81 năm, vào giờ Mão ngày rằm tháng hai Ngài đã từ hông của bà sanh ra ở nước Sở. Vì mang thai quá lâu, nên lúc sanh Ngài ra thì đầu tóc đã bạc phơ, nên có tên là “Lão Tử” (đứa trẻ đầu bạc”. Ngài ra đời dưới gốc một cây lý, vừa sanh ra đã biết nói, chỉ cây lý mà bảo rằng:- “Lý, chính là họ của ta đó”.

*Theo một truyền thuyết khác thì Lão Tử sanh ra đầu đã bạc mà có hiệu là Lão Tử, chính là hóa thân của Nguyên Thủy Thiên Vương thành Thần Bảo Quân để tế độ các thiên thần, chư Tiên phải nghe lệnh Ngài. Đời Châu Văn Vương thì Ngài làm “quan giữ kho” của nhà vua. Đến đời Vũ Vương được thăng chức Trụ Hạ. Về sau, thấy nước Châu ngày càng suy vi, nên đến đời Chiêu Vương, Ngài từ quan về ở ẩn. Ngài là nhà tư tưởng lớn thời kỳ cuối đời Xuân Thu, được Đạo giáo tôn làm Tổ Sư khai sáng của đạo Lão.

*Ở Bắc Lộc núi Chung Nam tỉnh Thiểm Tây Trung Quốc có một cái đài Lô Quan nổi tiếng mà truyền thuyết là nơi giảng kinh của Thái Thượng Lão Quân ngày xưa. Đài Lô Quan này ở nơi có phong cảnh rất đẹp, dựa lưng vào núi nhìn ra dòng nước, được người xưng tụng là “ Động thiên phước địa”. Đây là thánh địa của Đạo giáo, lịch sử nói rằng đài Lô Quan này đã có từ lâu hơn 2.500 năm trước.Đời nhà Châu, vị “Quan Giữ Ải” tên là Doãn Hỉ ở cửa ải Hàm Cốc đã cho dựng ở đây một cái đài bằng tranh cỏ, gọi là “Thảo Lô Quán”, để quan sát theo dõi tinh tú trên trời. Truyền thuyết này nói rằng, lúc Lão Tử tuổi già từ quan cỡi thanh ngưu đi ngang qua cửa Hàm Cốc, vị quan giữ thành Doãn Hỉ, là người ham tu đạo, sở học rất giỏi về tinh tú thiên văn, biết Lão Tử là vị thoái quan ẩn sĩ, nên khẩn khoản xin Ngài viết sách để lưu lại cho đời sau. Do đó, Lão Tử viết bộ sách năm ngàn chữ, gọi là sách “Lão Tử” hay còn gọi là “Đạo Đức Kinh”.

* Thái Thượng Lão Quân đã viết mười hai bộ kinh điển, nổi tiếng hơn cả là “Tây Thặng Kinh”, “Hóa Hồ Kinh”, “Đạo Đức Kinh” v.v...mà trong đó, quyển “Đạo Đức Kinh” được xem là quý giá nhất, đã xuất bản in ấn hàng triệu quyển trên thế giới hiện nay. “Đạo Đức Kinh” có 81 chương, chia thành hai quyển thượng, hạ. Trong sách này, Lão Tử cho rằng, vũ trụ vạn vật có một cái gốc chung mà Ngài gọi là “ĐẠO” hoặc “VÔ”, nói rộng là những triết lý “Đạo pháp tự nhiên” và “Thanh tĩnh vô vi” hay “Trường Sinh Cứu Thế”, là những giáo lý giáo nghĩa căn bản của đạo Lão. Vấn đề mà Ngài quan tâm bàn đến là:- làm sao để xóa bỏ những tranh chấp trong xã hội, làm thế nào để

cuộc sống con người được an ổn hạnh phúc. Từ đó, Ngài đề ra pháp thực hành là, con người nên sống theo cái tính tự nhiên và tính tự phát của “Đạo”, nhờ vậy mà ngăn ngừa được những tai hại của chiến tranh, trở lại được với tâm cảnh và hình thái sinh hoạt “chân thành vốn sẵn” của loài người, đạt kết quả là thiên hạ sẽ “vô vi nhi trị” (vô vi mà an thiên hạ).

Trong bá gia chư tử thời Tiên Tần, Lão Tử là vị được xem là đứng đầu trong hệ thống các luận thuật về “nguồn gốc vũ trụ”. Ngài lấy “ĐẠO” làm căn bản khởi nguyên của vũ trụ. Lý thuyết ấy được xem là nền tảng cơ bản cho các học giả đời sau ứng dụng và phát triển, nó trở thành một nền triết học mang tính “mẫu mực” cho đất nước chúng ta (Trung Quốc) đến tận ngày nay.

*Lão Tử được đương thời xem là tinh hoa ưu tú. Sử sách có ghi lại mẫu chuyện hết sức tiêu biểu là, đức Khổng Phu Tử đã đến tham vấn Lão Tử về “LỄ”.

(Xem phần phụ lục ở sau)

Học thuyết về “Đạo” của Lão Tử được các triết gia sau thời Xuân Thu Chiến Quốc vận dụng và truyền bá mạnh mẽ. Trong số những người kế thừa, có Ngài Trang Tử là nổi bật nhất. Sau thời Đông Hán, có một số vị truyền nhân của Phật giáo và một số phương sĩ của tôn giáo ngoại lai có uy tín lớn, đã đem tư tưởng học thuyết của Lão Tử pha trộn với những tín điều, nghi thức của Vu Thần Giáo (đạo đồng bóng trạng cốt) làm thành một tôn giáo mới gọi là “Đạo giáo”.

*Cuối thời Đông Hán, có nhân vật Trương Đạo Lăng sáng lập ra phái “Ngũ đầu mẽ” (nghĩa là năm lít gạo, gọi tên theo việc người muốn gia nhập vào phái này phải đóng góp năm lít gạo). Ông Lăng nói rằng đã được chính Thái Thượng Lão Quân chỉ dạy. Do đó, Lão Tử từ chỗ là Thủy Tổ của “Lão (Đạo) giáo” một cách danh chính ngôn thuận bị Trương Đạo Lăng biến thành “Đạo Tôn” (giáo chủ) của một tôn giáo thế gian và tôn xưng Ngài thành Lão

Quân hay Thái Thượng Lão Quân. Danh xưng này xuất hiện lần đầu trong quyển “Lão Tử tưởng nhĩ chú” của Trương Đạo Lăng và sau thời Bắc Ngụy, đã phổ biến mạnh mẽ trong quần chúng dân gian.

*Đầu tiên thì Lão Tử là vị thần tối cao trong Đạo giáo, nhưng từ sau thời Lục Triều, đã bị giáng cấp xuống hàng thứ ba (ở Thái Thanh Cung), đứng sau Thượng Thanh Cung Nguyên Thủy Thiên Tôn và Ngọc Thanh Cung NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ. Ba vị này được tôn xưng là “TAM THANH” của Đạo giáo.

*Năm Càn Phong thứ nhất đời Đường Cao Tông phong Lão Quân là “Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế” và bắt mọi người từ thứ dân đến quan lại chừ hầu đều phải học “Đạo Đức Kinh”, thậm chí lấy Đạo Đức Kinh làm nội dung chính trong các kỳ thi lớn trong triều đình.

*Đời Tống Chân Tông gia phong Lão Quân làm “Thái Thượng Lão Quân Hồn Nguyên Thượng Đức Hoàng Đế Lão Tử”.

*Đời Đường Minh Hoàng (tức Lý Long Cơ) năm Thiên Bảo thứ 13 gia phong LQ làm “Đại Đạo Kim Khuyết Huyền Nguyên Thiên Hoàng Đại Đế” và xuống lệnh cho các Châu, Huyện phải lập Miếu Thờ Huyền Nguyên Hoàng Đế. Ngoài ra vua Minh Hoàng còn cho xây dựng Thái Thanh Cung rộng 800 mẫu (mẫu ta) để thờ LQ, ngày nay vẫn còn điện chính do đời nhà Thanh trùng tu. Trong điện có tượng LQ thếp vàng cao hơn một trượng, hai bên là hai hàng đại đệ tử như là:- Nam Hoa Chân Nhân (Trang Tử), Vô Thượng Chân Nhân (Doãn Hi) v.v...

*Như vậy, gốc từ chỗ Lão Tử là một vị ẩn sĩ vô danh, được người biết đến qua học thuyết “vô vi”. Học thuyết này nhanh chóng được phổ biến rộng rãi, kèm theo những truyền thuyết có tính chất “thần thánh hóa” mà thành ảnh hưởng mạnh mẽ như ngày nay. Thêm nữa, Miếu Thờ Ngài hầu hết đều tọa lạc ở những nơi biệt lập, có phong cảnh sơn thủy hữu tình theo quan niệm thanh

tĩnh vô vi của Ngài, đã tạo sự thu hút số lượng rất lớn du khách và người hâm mộ đến tham quan ngày càng đông.

Thành tố “Đạo” đầu tiên là lý thuyết mấu chốt của tín ngưỡng Đạo giáo, đã được phát triển thành “Ông Tiên đắc đạo—Trường sanh bất lão”. Đây là cảnh giới cao nhất của sự chứng đắc trong Đạo giáo mà tất cả tín đồ mong mỏi đạt được.

Lại có một cung điện khác là “Đâu Suất Cung” mô phỏng theo “Đâu Suất Thiên Cung” (tưởng tượng) mà xây dựng. Truyền thuyết nói, Đâu Suất Thiên Cung là nơi ở của Thái Thượng Lão Quân. Trong Đâu Suất Cung, thờ tòa “Tam Thánh” là:- Thái Thượng Lão Quân, Tổ sư Lữ Thuần Dương và Tổ sư Khử Trường Xuân.

*hầu hết những Miếu thờ nơi khác thì thờ tượng Lão Tử nơi Tam Thanh Điện. Gọi là Tam Thanh tức có ba tòa Ngọc, Thượng và Thái Thanh để thờ ba vị NGỌC HOÀNG ĐẠI ĐẾ, Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thái Thượng Lão Quân.

*Do vì Đạo giáo có dạy về cách “luyện tiên đan” Và “diên hống (cống)” (nước miếng tiên) để trường dưỡng “hỏa hầu” (thuật ngữ của Tiên gia), nên trong dân gian đã chọn Thái Thượng Lão Quân, ông chủ của “lò bát quái”, làm “LÔ THẦN” (thần lò bếp) hoặc “DIÊU (Dao) THẦN” (thần lò nung ngói gạch gốm sứ). Từ đó, những ngành nghề hiện nay có liên quan đến “lò, bếp, nấu nung, luyện cán...) đều thờ Thái Thượng Lão Quân làm Tổ Sư, với ý là nhờ vào oai lực của LQ để trấn yểm hạn chế bớt sự tác động của Thái Tuế.

*Theo “Sử Ký” của Tư Mã Thiên, thì niên đại về Lão Tử là ở vào thời kỳ thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên, tồn tại trên dưới 100 năm.

Từ khi Lão Tử được tôn xưng là Thái Thượng Lão Quân, Ngài đã trở

thành một vị vua chí cao vô thượng của cõi trời, thống lãnh cả hai ban thần thánh là “Đạo” và “Đức” với danh hiệu tôn quý “Thái Thượng Hồn Nguyên Đạo Đức Thiên Tôn” hoặc “Hoàng Lão Quân.

*Ngày vía của đức Thái Thượng Lão Quân là ngày rằm tháng hai âm lịch.

(Ở Thanh Nguyên Sơn, Tuyên Châu, có một thạch tượng đức LQ, chạm khắc đời Tống, cao 5,63 m, ngang 8,01 m, sâu 6,85 m, chiếm diện tích 55 mét vuông.)

*PHỤ LỤC:

Khổng Tử đến Chu, muốn hỏi Lão Tử về lễ, Lão Tử nói:

- Những người ông nói đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ thôi (Khổng Tử chủ trương theo lễ nghi của các vua đời trước. Lão Tử bác lại ý kiến đó). Vả lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang; không gặp thời thì như cỏ bông xoay chuyển. Tôi nghe nói: “Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng, người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si” (Hai câu này đều trong Đạo Đức Kinh). Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm hờ cùng cái chí tham lam đi. Những cái ấy đều không có ích gì cho ông. Tôi chỉ bảo ông có thể thôi.

Khổng Tử ra đi, bảo học trò:

- Con chim, ta biết nó biết bay; con cá ta biết nó biết lội; con thú, ta biết nó biết chạy. Đối với loài chạy, thì ta có thể dùng lưới để săn; đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt; đối với loài bay thì ta có thể dùng tên bắn; đến như con rồng cưỡi mây cưỡi gió lên trời, ta không sao biết được! Hôm nay gặp Lão Tử, ông ta có lẽ là con rồng chăng?

Lão Tử trau dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình, kín tiếng. Ông ở nhà Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi. Đến cửa quan, quan coi cửa là Doãn Hỷ nói:

- Ông sắp đi ẩn rồi, hãy gắng vì ta mà làm sách.

Rồi Lão Tử bèn làm sách, gồm hai thiên: thượng, hạ, nói về ý nghĩa của “đạo” và “đức” hơn năm nghìn chữ. Đoạn ra đi, không ai biết chết như thế nào.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Thái Tuế

Thái Tuế

*Theo phong tục truyền thông của nước ta (TQ), tin rằng mỗi năm đều có một vị thần minh coi sóc về mọi sự việc của trần gian. Vị thần cai trị một năm đó gọi là Thái Tuế. Có tất cả là 60 vị Thái Tuế tương ứng với 60 năm của một “hoa giáp” (chu kỳ 60 năm của âm lịch).

Thần Thái Tuế đại đa số là võ tướng xuất thân, nên trong Đạo giáo gọi tất cả là “Đại Tướng Quân”. Nhưng mỗi vị Thái Tuế có một phong cách khác nhau, nên việc chấp pháp cũng khác nhau. Từ đó nảy sinh vận trình của mỗi năm sẽ khác nhau. Ví dụ như, Thái Tuế cầm bút thì năm đó có những biến động về chính trị; nếu là Thái Tuế cầm kiếm thì năm đó có nhiều loạn lạc, diễn biến về vũ lực.

Thái Tuế là tên gọi của thần theo Đạo Giáo, tương truyền là những hung thần của thiên giới. Tín ngưỡng này có xuất xứ từ sự sùng bái các sao của người đời xưa. Năm âm lịch thành hình do sự phối hợp giữa 10 can và 12 chi, bắt đầu từ “Giáp Tý” đến cuối 60 năm là “Quý Hợi”(một chu kỳ). Như vậy sẽ có 60 vị Thái Tuế, còn gọi là “Lục thập nguyên thần” hay “Lục thập đại tướng quân”.

*Năm 1190 là năm Canh Tuất, bà Hoàng Thái Hậu Thụy Thánh, mẹ của Kim Chương Tông bị bệnh lâu ngày không khỏi, nên tổ chức “cầu đảo” trị bệnh cho mẹ. Vua cho xây dựng “Đình Mão Thụy Thánh Điện” (bà mẹ tuổi Đinh Mão) ở Bắc Kinh. Mục đích là cúng bái vị Thái Tuế năm Đinh Mão gọi

là “Lễ Thuận Tinh”, nên Hoàng Thái Hậu được lành bệnh. Vì thế, sau đó cúng bái luôn 60 vị Thái Tuế, cầu cho những năm kế tiếp cũng được tốt lành. Mỗi năm vào ngày mùng tám tháng giêng, đều có tổ chức “ Thuận Tinh Tiết ” (lễ Tết cúng sao). Từ đó, trong dân gian lưu hành rộng rãi việc “cúng sao” mỗi năm.

*Về sau, đời Vĩnh Lạc nhà Minh cho xây dựng Điện Thụy Thánh Bạch Vân Quán ở Bắc Kinh. Đến đầu đời Thanh, vị Đại Tôn Sư thứ bảy của phái Toàn Chân Long Môn cải danh hiệu lại là “Nguyên Thần Điện”.

*Thái Tuế còn gọi là Thái Tuế Tinh Quân. Về khoa thiên văn, sao Thái Tuế chính là Mộc Tinh trên bầu trời. Chu kỳ của sao Mộc quay quanh Mặt Trời là mười hai năm. Cho nên người xưa gọi sao Mộc là Tuế Tinh hay Thái Tuế, sau phát triển thành Thái Tuế Tinh Quân hay Tuế Quân. Như vậy, tín ngưỡng thờ phụng Thái Tuế có nguồn gốc liên hệ đến các sao trên bầu trời.

*Từ đời Tần, Hán, Thái Tuế được xem là một “hung thần” mà mọi người kính sợ. Có câu:- “Để Thái Tuế hung, phụng Thái Tuế diệc hung” (mạo phạm đến Thái thì bị điều hung, mà nường tựa vào Thái Tuế cũng không hay). Do đó, dân gian tin rằng phương hướng của Thái Tuế là hung phương, cho nên không hướng về phương Thái Tuế, chỉ có thể quay lưng lại là tốt. Không nên động thổ vào phương hướng Thái Tuế của năm đó, nếu phạm sẽ gặp rất nhiều điều không hay. Từ sau đời Nguyên, Minh thì Thái Tuế được cho ghi vào danh sách thờ cúng của triều đình và dân gian để mong cầu “nước yên dân ổn”.

*Câu nói phổ biến: “Thái Tuế đương đầu tọa, vô hỉ khủng hữu họa” (Gặp Thái Tuế chặn đầu, nếu không có hỉ sự, tất phải gặp họa). Người mà vận niên phạm Thái Tuế, thì trăm việc không thuận, sự nghiệp bị khó khăn, thân thể đau ốm hoặc bị tai nạn. Muốn cho “tâm an thuận lý” thì người ta đến các Miếu Thờ Thái Tuế để cúng bái, mong nhờ phước lực của Ngài hóa giải điều xấu. Nếu thờ cúng Thái Tuế tại nhà, thì cầu mong được bình an thuận sự,

công thương hưng thịnh, tài vận hanh thông, vạn sự như ý.

* Sự kiện gọi là “Nhiếp Thái Tuế” (năm giữ Thái Tuế) có một lịch sử khá lâu đời. Thuật ngữ Thái Tuế đã xuất hiện từ đời nhà Thương. Tương truyền, vua Trụ có một vị vương phi là Khương Thị, khi có mang thì bị vua Trụ biếm truất, Sau đứa con lớn lên, vì mẹ mà báo thù. Y đã theo Chu Văn Vương mà phạt Trụ thành công, được Khương Thái Công (Tử Nha) phong làm “Trị Đức Thái Tuế” (trong truyện Phong Thần thì nói hoàng hậu Khương Thị bị móc mắt, còn hoàng tử Ân Giao được phong thần làm Thần Thái Tuế--ND).

*Đến đời Đông Hán, Lưu Tú khởi nghĩa thành công, phong cho các chiến tướng công thần làm “Nhị thập bát tú Thái Tuế”.

*Về sau, có ngài Lục Tục của Đạo Gia xưng tặng những người có đức độ là “Thái Tuế”, được cả thầy là 60 vị.

*Việc ngẫu tượng hóa (thần tượng hóa) Thái Tuế có hình dạng người, thấy lần đầu vào triều đại nhà Tống.

*Động tác “Bái Thái Tuế” (an vị Thái Tuế) phải làm trước ngày rằm tháng giêng, chọn ngày lành giờ tốt mà thờ.

Ngoài việc “Bái Thái Tuế”, còn phải đeo một miếng cổ ngọc hoặc dán phù Thái Tuế để hóa giải xấu ác.

Thái Tuế ngoài việc thể hiện vận trình chung của lưu niên năm đó, còn ảnh hưởng đến mệnh vận của cá nhân. Nếu sinh tiêu (tuổi) của người nào không hợp với lưu niên Thái Tuế, gọi là “phạm Thái Tuế”, thì vận trình năm của người đó không tốt, phải dùng phương pháp “Nhiếp Thái Tuế” để hóa giải.

*Trong nội điện của Điện Nguyên Thần ở Bạch Vân Quán Bắc Kinh, không những thờ 60 vị Thái Tuế mà còn thờ Đẩu Mẫu Nguyên Quân và Tả

Phù, Hữu Bật. Căn cứ vào sách Đạo Tạng trong chương Nguyên Thần liệt kê 60 vị Thái Tuế, cùng với tả hữu tổng cộng thành một trăm tám mươi vị, do số 60 nhân 3 mà thành.

*Phong thủy học cho rằng, phương Thái Tuế của mỗi lưu niên là hung phương, tối kỵ hưng công động thổ. Có câu:

“Thái Tuế đầu thượng động thổ, tự nặc họa ương” (trên đầu Thái Tuế mà động thổ là tự chuốc lấy tai họa).

*Phương Thái Tuế kê ra như sau:

- Năm Tí — — tại Bắc phương.
- Năm Sửu — — tại đông bắc.
- Năm Dần — — tại đông bắc.
- Năm Mão — — tại đông phương.
- Năm Thìn — — tại đông nam.
- Năm Tỵ — — tại đông nam.
- Năm Ngọ — — tại nam phương.
- Năm Mùi — — tại tây nam.
- Năm Thân — — tại tây nam.
- Năm Dậu — — tại tây phương.
- Năm Tuất — — tại tây bắc.
- Năm Hợi — — tại tây bắc.

*Nhược Thủy dịch

(từ <http://www.fushantang.com>)

*Tham khảo:

TÊN THÁI TUẾ 60 NĂM

1. THEO PHÁI NGŨ LÔI HIỂN ỨNG ĐÀN

(Tiên Lý Ngũ Lôi Hiển Ứng Đàn — Ân Lôi Trấn Trạch Trung Cung Bí Phù)

GIÁP TÝ KIM BIỆN

ẤT SỬU TRẦN TÀI

BÍNH DẦN THẨM HƯNG

ĐINH MÃO CẢNH CHƯƠNG

MẬU THÌN TRIỆU ĐẠT

KỶ TỶ QUÁCH XÁN

CANH NGỌ VƯƠNG THANH

TÂN VỊ LÝ TỐ

NHÂM THÂN LƯU VƯỢNG

QUÝ DẬU KHANG CHÍ

GIÁP TUẤT TƯ QUẢNG

ẤT HỢI NGÔ BẢO
BÍNH TÝ QUÁCH GIA
ĐINH SỬU UÔNG VĂN
MẬU DẦN TĂNG QUANG
KỶ MÃO CÙNG TRỌNG
CANH THÌN CHƯƠNG ĐỨC
TÂN TỶ TRỊNH TỐ
NHÂM NGỌ LỤC MINH
QUÝ VỊ NGUYỄN NHÂN
GIÁP THÂN PHƯƠNG KIẾT
ẤT DẬU TƯỜNG TUNG
BÍNH TUẤT BẠCH MẪN
ĐINH HỢI PHONG TẾ
MẬU TỶ TRỊNH ĐƯỜNG
KỶ SỬU PHAN HỮU
CANH DẦN Ỗ HOÀN
TÂN MÃO PHẠM NINH
NHÂM THÌN BÀNH THÁI

QUÝ TỶ TỪ GIẢ
GIÁP NGỌ CHƯƠNG THÀNH
ẤT VỊ DƯƠNG HIỀN
BÍNH THÂN QUẢN TRỌNG
ĐINH DẬU KHANG KIỆT
MẬU TUẤT KHƯƠNG VŨ
Kỷ HỢI TẠ ĐÀO
CANH TÝ LƯ SIÊU
TÂN SỬU THANG TÍN
NHÂM DẦN HẠ NGẠC
QUÝ MÃO BÌ THỜI
GIÁP THÌN LÝ THÀNH
ẤT TỶ NGÔ TOẠI
BÍNH NGỌ VĂN TRIẾT
ĐINH VỊ MÂU BÌNH
MẬU THÂN DỤ CHÍ
Kỷ DẬU TRÌNH THỰC
CANH TUẤT NGHÊ BÍ

TÂN HỢI DIỆP KIÊN
NHÂM TÝ KHÂU ĐỨC
QUÝ SỬU LÂM PHIÊU
GIÁP DẦN TRƯƠNG TRIỀU
ẤT MÃO VẠN THANH
BÍNH THÌN TÂN Á
ĐINH TỶ DỊCH NGẠN
MẬU NGỌ LÊ KHANH
KỶ VỊ PHÓ THẮNG
CANH THÂN MAO TỬ
TÂN DẬU THẠCH CHÍNH
NHÂM TUẤT HỒNG KHẮC
QUÝ HỢI LƯ TRÌNH

2. THEO PHÁI TUẾ QUÂN GIẢI ÁCH DIÊN SINH PHÁP SÁM --
ĐẠO TẠNG TẬP YẾU

Giáp Tí Kim Biện

Ất Sửu Trần Lâm

Bính Dần Thẩm Hưng

Đinh Mão Cảnh Chương

Mậu Thìn Triệu Đạt

Kỷ Tỵ Quách Xán

Canh Ngọ Vương Thanh

Tân Vị Lý Hy

Nhâm Thân Lưu Ngọc

Quý Dậu Khang Trung

Giáp Tuất Chiêm Quảng

Ất Hợi Ngũ Bảo

Bính Tí Quách Gia

Đinh Sửu Ưông Văn

Mậu Dần Tăng Quang

Kỷ Mão Phương Trọng

Canh Thìn Đông Đức

Tân Tỵ Trịnh Tổ

Nhâm Ngọ Lục Minh

Quý Vị Nguy Nhân

Giáp Thân Phương Kiệt

Ất Dậu Tương Sùng

Bính Tuất Bạch Mẫn

Đinh Hợi Phong Tế

Mậu Tí Trịnh Thang

Kỷ Sửu Phan Hữu

Canh Dần Ổ Bá

Tân Mão Phạm Ninh

Nhâm Thìn Bành Thái

Quý Ty Thời Giả

Giáp Ngọ Chương Tự

Ất Vị Dương Hiền

Bính Thân Quán Trọng

Đinh Dậu Đường Kiệt

Mậu Tuất Khương Vũ

Kỷ Hợi Tạ Đào

Canh Tí Lư Siêu

Tân Sửu Dương Tín

Nhâm Dần Hạ Ngạc

Quý Mão Bì Thời
Giáp Thìn Lý Thành
Ất Ty Ngô Toại
Bính Ngọ Văn Kỳ
Đinh Vị Mâu Bính
Mậu Thân Du Xương
Kỷ Dậu Trình Bảo
Canh Tuất Nghệ Bí
Tân Hợi Diệp Kiên
Nhâm Tí Bì Đức
Quý Sửu Châu Ung
Giáp Dần Trương Triều
Ất Mão Vạn Thanh
Bính Thìn Tân Á
Đinh Tỵ Dịch Ngạn
Mậu Ngọ Lê Khanh
Kỷ Vị Phó Thảng
Canh Thân Mao Túy

Tân Dậu Thạch Chính

Nhâm Tuất Hồng Khắc

Quý Hợi Lư Kinh

3. THEO PHÁI ĐẠO GIÁO -- THẦN TIÊN HOẠ TẬP

Giáp Tý Kim Biện

Ất Sửu Trần Tài

Bính Dần Cảnh Chương

Đinh Mão Thấm Hưng

Mậu Thìn Triệu Đạt

Kỷ Tỵ Quách Xán

Canh Ngọ Vương Tế

Tân Vị Lý Tố

Nhâm Thân Lưu Vượng

Quý Dậu Khang Chí

Giáp Tuất Thi Quảng

Ất Hợi Nhậm Bảo

Bính Tí Quách Gia

Đinh Sửu Ưông Văn

Mậu Dần Tăng Tiên

Kỷ Mão Long Trọng

Canh Thìn Đông Đức

Tân Tỵ Trịnh Đản

Nhâm Ngọ Lục Minh

Quý Vị Nguy Nhân

Giáp Thân Phương Kiệt

Ất Dậu Tưởng Sùng

Bính Tuất Bạch Mẫn

Đinh Hợi Phong Tế

Mậu Tí Trâu Đang

Kỷ Sửu Phó Hữu

Canh Dần Ổ Hoàn

Tân Mão Phạm Ninh

Nhâm Thìn Bành Thái

Quý Tỵ Từ Thiện

Giáp Ngọ Chương Từ

Ất Vị Dương Tiên

Bính Thân Quán Trọng

Đinh Dậu Đường Kiệt

Mậu Tuất Khương Vũ

Kỷ Hợi Tạ Thái

Canh Tí Lư Bí

Tân Sửu Dương Tín

Nhâm Dần Hạ Ngạc

Quý Mão Bì Thời

Giáp Thìn Lý Thành

Ất Ty Ngô Toại

Bính Ngọ Văn Triết

Đinh Vị Mâu Bính

Mậu Thân Từ Hạo

Kỷ Dậu Trình Bảo

Canh Tuất Nghệ Bí

Tân Hợi Diệp Kiên

Nhâm Tí Khâu Đức

Quý Sửu Châu Đắc

Giáp Dần Trương Triều

Ất Mão Vạn Thanh

Bính Thìn Tân Á

Đinh Tỵ Dương Ngạn

Mậu Ngọ Lê Khanh

Kỷ Vị Phó Đăng

Canh Thân Mao Tử

Tân Dậu Thạch Chính

Nhâm Tuất Hồng Sung

Quý Hợi Ngu Trình

4. THEO PHÁI BẮC KINH BẠCH VÂN QUÁN

Giáp Tí Kim Xích

Ất Sửu Trần Tần

Bính Dần Thâm Hưng

Đinh Mão Cảnh Chương

Mậu Thìn Triệu Đạt

Kỷ Tỵ Quách Xán

Canh Ngọ Vương Thanh

Tân Vị Lý Tổ

Nhâm Thân Lưu Vượng

Quý Dậu Khang Chí

Giáp Tuất Thệ Quảng

Ất Hợi Ngũ Bảo

Bính Tí Quách Gia

Đinh Sửu Ưông Văn

Mậu Dần Tăng Quang

Kỷ Mão Ngũ Trọng

Canh Thìn Trọng Đức

Tân Tỵ Trịnh Tổ

Nhâm Ngọ Lộ Minh

Quý Vị Nguy Minh

Giáp Thân Phương Công

Ất Dậu Tường Xuyên

Bính Tuất Hương Ban

Đinh Hợi Phong Tề

Mậu Tí Dĩnh Ban

Kỷ Sửu Phan Hữu

Canh Dần ỗ Hoàn

Tân Mão Phạm Ninh

Nhâm Thìn Bành Thái

Quý Ty Từ Thuấn

Giáp Ngọ Trương Từ

Ất Vị Dương Hiền

Bính Thân Quán Trọng

Đinh Dậu Đường Kiệt

Mậu Tuất Khương Vũ

Kỷ Hợi Tạ Thọ

Canh Tí Lư Khởi

Tân Sửu Thang Tín

Nhâm Dần Hạ Ngạc

Quý Mão Bì Thời

Giáp Thìn Lý Thành

Ất Ty Ngô Toại

Bính Ngọ Văn Triết

Đinh Vị Mâu Bính

Mậu Thân Du Chí

Kỷ Dậu Trình Dần

Canh Tuất Hoá Thu

Tân Hợi Diệp Kiên

Nhâm Tí Tá Đức

Quý Sửu Lâm Bộ

Giáp Dần Trương Triều

Ất Mão Phương Thanh

Bính Thìn Tân Á

Đinh Tỵ Dịch Ngạn

Mậu Ngọ Diệu Lê

Kỷ Vị Phó Thuế

Canh Thân Mao Hãnh

Tân Dậu Văn Chính

Nhâm Tuất Hồng Phạm

Quý Hợi Lư Trình

5.THEO PHÁI HOÀNG LỊCH

Giáp Tí Kim Xích

Ất Sửu Trần Tổ

Bính Dần Thâm Hưng

Đinh Mão Cảnh Chương

Mậu Thìn Triệu Đạt

Kỷ Tỵ Quách Xán

Canh Ngọ Vương Thanh

Tân Vị Lý Tổ

Nhâm Thân Lưu Vượng

Quý Dậu Khang Chí

Giáp Tuất Thệ Quảng

Ất Hợi Ngô Bảo

Bính Tí Quách Gia

Đinh Sửu Ưông Văn

Mậu Dần Tăng Quang

Kỷ Mão Ngũ Trọng

Canh Thìn Trọng Tổ

Tân Tỵ Trịnh Đức

Nhâm Ngọ Lộ Minh

Quý Vị Nguy Nhân

Giáp Thân Phương Công

Ất Dậu Tường Xuyên

Bính Tuất Hương Mẫn

Đinh Hợi Phong Tề

Mậu Tí Dĩnh Ban

Kỷ Sửu Phan Tín

Canh Dần Ổ Hoàn

Tân Mão Phạm Ninh

Nhâm Thìn Bành Thái

Quý Ty Từ Thuấn

Giáp Ngọ Trương Từ

Ất Vị Dương Hiền

Bính Thân Quán Trọng

Đinh Dậu Khang Kiệt

Mậu Tuất Khương Vũ

Kỷ Hợi Tạ Thọ

Canh Tí Lữ Khởi

Tân Sửu Thang Tín

Nhâm Dần Hạ Ngạc

Quý Mão Bì Thời

Giáp Thìn Lý Thành

Ất Ty Ngô Toại

Bính Ngọ Văn Triết

Đinh Vị Lục Bính

Mậu Thân Du Chí

Kỷ Dậu Trình Dần

Canh Tuất Hoá Thu

Tân Hợi Diệp Kiên

Nhâm Tí Khử Đức

Quý Sửu Lâm Bộ

Giáp Dần Trương Triều

Ất Mão Phương Thanh

Bính Thìn Tân Á

Đinh Ty Dịch Ngạn

Mậu Ngọ Diêu Lê

Kỷ Vị Phó Duyệt

Canh Thân Mao Hãnh

Tân Dậu Văn Chính

Nhâm Tuất Hồng Phạm

Quý Hợi Ngu Trình

6. THEO PHÁI NGUYÊN THẦN CHƯƠNG TIÊU

LẬP THÀNH LỊCH (Đạo Tạng)

Giáp Tí Vương Văn Khanh

Ất Sửu Long Quý Khanh

Bính Dần Trương Trọng Khanh

Đinh Mão Tư Mã Khanh

Mậu Thìn Quý Sở Khanh

kỷ Ty Hà Văn Xương

Canh Ngọ Phùng Trọng Khanh

Tân Vị Vương Văn Chương

Nhâm Thân Hầu Bác Khanh

Quý Dậu Tôn Trọng Phòng

Giáp Tuất Triển Tí Giang

Ất Hợi Bàng Minh Công

Bính Tí Hình Tôn Khanh

Đinh Sửu Triệu Tử Ngọc

Mậu Dần Ngu Tử Khanh

Kỷ Mão Thạch Văn Dương

Canh Thìn Doãn Giai Khanh

Tân Tỵ Dương Trọng Công

Nhâm Ngọ Mã Tử Minh

Quý Vị Lữ Uy Minh

Giáp Thân Hồ Văn Trường

Ất Dậu Khổng Lợi Công

Bính Tuất Xa Nguyên Thăng

Đinh Hợi Trương Văn Thông

Mậu Tí Nhạc Thạch Dương

Kỷ Sửu Phạm Hoà Khanh

Canh Dần Chủ Tiến Khanh

Tân Mão Quách Tử Lương

Nhâm Thìn Vũ Trĩ Khanh
Quý Ty Sử Công Lai
Giáp Ngọ Vệ Thượng Khanh
Ất Vị Đỗ Trọng Dương
Bính Thân Châu Bá Chúng
Đinh Dậu Tàng Văn Công
Mậu Tuất Phạm Thiếu Khanh
Kỷ Hợi Đặng Đô Khanh
Canh Tí Dương Trọng Thúc
Tân Sửu Lâm Vệ Công
Nhâm Dần Khâu Mạnh Khanh
Quý Mão Tô Tha Gia
Giáp Thìn Mạnh Phi Khanh
Ất Ty Đường Văn Khanh
Bính Ngọ Nguy Văn Công
Đinh Vị Thạch Thúc Thông
Mậu Thân Phạm Bá Dương
Kỷ Dậu Thành Văn Trường

Canh Tuất Sửu Tử Nhân

Tân Hợi Tả Tử Hành

Nhâm Tí Tú Thượng Khanh

Quý Sửu Giang Hán Khanh

Giáp Dần Minh Văn Chương

Ất Mão Đái Công Dương

Bính Thìn Hoắc Thúc Anh

Đinh Tỵ Thôi Cự Khanh

Mậu Ngọ Tùng Nguyên Quang

Kỷ Vị Thời Thông Khanh

Canh Thân Hoa Văn Dương

Tân Dậu Bính Nguyên Ngọc

Nhâm Tuất Nhạc Tiến Khanh

Quý Hợi Tả Thạch Tùng

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Thành Hoàng

THÀNH HOÀNG

Hai chữ THÀNH HOÀNG, nghĩa đen là cái hào bao quanh để hộ vệ một cái thành. “Thành” là chỉ cho thành quách, “Hoàng” là cái hào không có nước để hộ vệ cho thành. Có nước thì gọi là “trì” (ao), không có nước thì gọi là “Hoàng”. Như vậy, xuất xứ hai chữ Thành Hoàng là có ý nói đến sông rạch bao quanh thành quách.

Do “thành hoàng” có ý nghĩa trọng đại đối với sự an toàn của một thành (tức là một địa phương), nên Thành Hoàng dần dần được thần cách hóa, trở thành “Thần bảo vệ thành trì” hay là “Thần hộ vệ thành”. Nhiệm vụ của Thành Hoàng là bảo hộ thành trì và cư dân khi bị thiên tai hay loạn lạc, là Thủ Hộ Thần của thành thị. Về sau, trải qua nhiều thời đại, Thành Hoàng được gán thêm những nhiệm vụ khác như:- cầu mưa, cầu tạnh ráo, ban phước, giải trừ tai nạn v.v... Vô hình trung trở thành ông quan vô hình cai quản địa phương, có thể thưởng thiện phạt ác, là ông quan do Minh Phủ phái đến dương gian để cai quản dân tình.

*Trong con mắt của dân chúng, Thành Hoàng Gia là vị Pháp Quan của cõi âm, có thể bổ sung cho những thiếu sót của Pháp Quan dương thế. Do đó mà được bá tánh sùng kính thờ phụng.

Điều sùng bái trước tiên là tất cả những gì liên quan đến sinh hoạt của dân chúng địa phương đều có thần chứng giám, tỏ biết hết. Thành Hoàng cũng có khả năng bảo hộ tính mệnh và tài sản của dân làng. Như thế chẳng phải là có

công lớn với nhân dân, đáng được mọi người tôn thờ cúng kính sao?

*Từ đó, ta có thể nhận ra rằng, Thành Hoàng Gia là đối tượng sùng bái của cư dân thành thị, Thổ Địa Công, Thần Nông là đối tượng sùng bái của nông dân. Điều này cho phép ta rút ra kết luận là Thành Hoàng thành hình do dân thành thị mà có. Nếu xét về mặt niên kỷ, thì Thành Hoàng có tuổi kém hơn Thổ Địa Công và Thần Nông rất xa. Nhưng phạm vi quản lý của Thổ Địa Công lại nhỏ hơn của Thành Hoàng, vậy thì ta có thể nói rằng quyền hạn và chức trách của Thành Hoàng lớn hơn của Thổ Địa.

*Lịch sử cho thấy, thuật ngữ Thành Hoàng Gia chính thức có từ thời Bắc Tề. Đó là giai đoạn đang chiến loạn dữ dội, “thành trì” rất khó bảo vệ, thành thử quyền lực, uy vọng và thần thông của Thần Bảo Hộ trở nên hết sức trọng yếu. Địa vị của Thành Hoàng lần lần trở nên được đề cao thêm. Đến thời kỳ vua Mẫn Đế đời Đường, thì cả nước đâu đâu cũng xây dựng Miếu Thành Hoàng, lại được nhà vua sắc phong tử tể.

*Đến thời Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương chấp chánh, thì cứ theo cách tổ chức hành chánh của đất nước mà sắc phong. Ví dụ:- coi sóc cả nước thì phong làm “Thiên Hạ Đô Thành Hoàng”, có chức “Vương”, coi sóc một tỉnh thì phong làm “Đô Thành Hoàng”, cũng ở chức “Vương” (Thành Hoàng của kinh sư là Minh Linh Vương), coi sóc một Phủ thì phong làm “Phủ Thành Hoàng”, có chức “Công”, coi sóc một châu thì phong làm “Châu Thành Hoàng”, có chức “Hầu”, xưng là “Linh Ứng Hầu” hoặc “Tuy Tĩnh Công”, coi sóc một huyện thì phong làm “Huyện Thành Hoàng”, có chức “Bá”, xưng là “Hiển Hữu Bá”.

*Từ đó, sự sùng bái Thành Hoàng trong dân gian được phổ biến rộng khắp nước. Bất cứ Huyện thành nào trong nước, cũng xây một Miếu Thành Hoàng, tọa Nam triều về Bắc. Trong miếu có vị Thành Hoàng đản tọa, chường quản mọi việc lớn nhỏ trong toàn huyện. Đến đời nhà Thanh thì phát triển xây miếu Thành Hoàng tại các thành phố lớn.

*Thành Hoàng Gia đã là một vị quan địa phương thuộc U Minh Giới, dĩ nhiên phải có nhiều cơ quan và thuộc hạ giúp việc, kể cả tư pháp và cảnh sát nữa. Theo truyền thống, các bộ ty của Thành Hoàng gồm có:

- Diên Thọ Ty (coi về tuổi thọ)
- Tốc Báo Ty (báo cáo nhanh)
- Củ Sát Ty (quan sát theo dõi)
- Tởng Thiện Ty (ban thưởng người, việc lành)
- Phạt Ác Ty (trừng phạt kẻ, việc ác)
- Tăng Lộc Ty (ban cho phước lộc)

Thông thường xưng là “Lục Quan” hoặc “Lục Thần Gia”. Chức năng và danh xưng của các Ty này tương đồng với thế gian.

Ngoài các Ty, còn có hai “Phán Quan Văn” và “Phán Quan Võ”, cùng với “Ông Ngưu”, “Ông Mã”, “Ông Gông Cùm”, “Ông Xiềng Xích” là bốn vị “Gia Gia”. Bên cạnh còn có hai vị Tướng Quân có vai trò quan trọng tên là “Phạm Vô Cứu” (có tội miễn xét xử) và “Tạ Tất An” (cúng tạ được bình an) mà dân gian tôn xưng là Tạ thất gia và Phạm bát gia, hai vị này làm trợ lý cho Thành Hoàng trong việc trừng gian trừ ác.

Thành Hoàng là một chức vị thuộc về “Cấp Thần”. Những vị Thành Hoàng này có khả năng khác nhau, không ai giống ai cả. Vì sao thế? Bởi vì truyền thuyết của dân gian nói rằng, ở vùng A có nhân vật B, khi sống là người chính trực cao thượng, lúc chết được phong làm Thành Hoàng thì đã đành. Cũng có những vị tham quan ô lại nhưng có công phục vụ, làm lợi cho vua chúa lúc bấy giờ, khi chết cũng được nhà vua phong cho làm Thành

Hoàng. Về hạng Thành Hoàng thứ hai này, đaso61 đều bị các văn nhân khinh bỉ, coi thường, thậm chí còn viết câu đối để mắng chửi là khác. Ví dụ ở một ngôi miếu Thành Hoàng kia, có tương truyền những câu đối sau:

「Biệt khán ngã miếu tiểu thần tiểu, bất lai thiêu hương, tiều tiều; Na nhậm tha quan đại thể đại, nhược yếu tác ác, thí thí. 」

(Đừng thấy miếu nhỏ thần nhỏ, chẳng đến đốt hương, rình rình...Ngày kia thành quan lớn thể lớn, kẻ nào làm ác, thử thử ...)

*Chú giải: hai câu này dùng lối “đồng âm dị nghĩa” để chơi chữ. Đọc sơ qua thì không thấy gì, nhưng những chữ “tiểu” “đại”, “tiều tiều”, “thí thí” này lại đồng âm với những chữ có nghĩa thô tục: đi tiểu, đi đại, đánh rắm v.v.—
(ND)

*Hai câu khác:

「Nhậm bằng nễ vô pháp vô thiên, đáo thử nghiệt kính cao huyền, hoàn hữu đảm phủ ? Đản tri ngã năng khoan năng thứ, thả bả đồ đao phóng hạ, hồi chuyển đầu lai. 」(Nếu quả ông là người không trời không phép nước, hãy đến trước đài cao Nghiệt Cảnh, ông dám hay không? Nhưng biết rằng (chúng) tôi hay khoan hồng hay tha thứ, mau buông đao đồ tể, quay đầu lại ngay đi!)

*Triều nhà Thanh, mỗi khi một vị quan lại đến nhậm chức tại địa phương nào, việc trước tiên là đến Miếu Thành Hoàng để khấu bái Ngài phù hộ.

Một số địa phương có lệ là nếu có một người nào bị nghi ngờ phạm tội, mà người đó không chịu nhận, thì phải đến Miếu Thành Hoàng lập thệ lớn là được tin tưởng vô tội.

Vài nơi khác thì khi ông quan cai trị vùng đó, gặp một vụ án mà không thể tìm ra thủ phạm, ông ta đích thân đến lễ bái Thành Hoàng để cầu xin Ngài

báo mộng cho biết thử phạm.

Xem thế, đủ thấy sức mạnh niềm tin của quần chúng đối với Thành Hoàng là hết sức mạnh mẽ và to lớn đến chừng nào!

*Thành Hoàng Gia là vị quan cõi âm của địa phương, theo truyền thuyết thì vào các ngày Thanh Minh, Trung Nguyên (15/7), Hạ Nguyên (15/10), Thành Hoàng Gia sẽ đi “tuần tra”, nên dân gian tổ chức các buổi lễ “Nghênh Thần” hay “Xuất Hội” để cúng bái Thành Hoàng, sẽ được Ngài ban phước lộc và bảo hộ bình an.

Thất Gia Bát Gia

Các Miếu thờ Thành Hoàng đều không thể thiếu hai vị Thất Gia và Bát Gia. Bởi vì, mỗi khi Thành Hoàng xuất hội, thì hai vị này phải đi trước để sắp đặt công việc. Thất Gia, Bát Gia còn gọi là Trường Gia, Đoàn Gia (Cao Gia, Nụ Gia), cũng gọi là hai quý Hắc Bạch Vô Thường. Tập quán dân gian thì tôn xưng là “Tạ Tướng Quân và Phạm Tướng Quân”, có nhiệm vụ bắt giải các phạm nhân đưa đến trước mặt Thành Hoàng để Ngài phán xét.

*Thất Gia họ Tạ tên Tất An, có thân cao, gò má đen, cho nên dân gian gọi là Hắc Vô Thường. Bát Gia họ Phạm tên Vô Cứu, vì thân hình lùn thấp, gò má trắng nên dân gian gọi là Bạch Vô Thường.

Cũng theo truyền thuyết nói rằng, hai vị này là người ở Huyện Mân tỉnh Phước Kiến, kết bạn thân từ lúc nhỏ, tình như thủ túc. Một hôm, hai người có việc đi đến cầu Nam Đài để sang sông, thì bỗng nhiên có mưa lớn đổ xuống. Thất Gia bảo Bát Gia đứng ở dưới chân cầu đợi ông chạy về nhà lấy dù. Bát Gia giữ lời hứa, dù mưa to nước lũ dâng lên nhưng không bỏ đi, thân hình lùn thấp nên bị nước cuốn trôi mất. Thất Gia mang dù đến, không thấy Thất Gia

biết là ngộ nạn, nên giữ lời thề nguyện “đồng sanh đồng tử” khi kết bạn ngày xưa, nhảy xuống sông chết theo. Diêm Vương thương sự trung tín và thủy chung của hai người, phong cho hai người làm bộ hạ Thành Hoàng.

*Một thuyết khác thì nói, hai vị tướng quân Phạm, Tạ là người ở triều đại nhà Đường. Khi có loạn An Lộc Sơn, vua Đường Minh Hoàng chạy trốn đến Tây Thục. Tướng Trương Tuần và Hứa Viễn tử thủ giữ thành Tuy Dương, sai họ Phạm và Tạ xuất thành đi cầu viện. Tạ Tất An bị bắt và bêu đầu trên thành địch, còn Phạm Vô Cứu bị chết trôi. Thành Tuy Dương bị thất thủ, Trương Tuần và Hứa Viễn được phong làm Thành Hoàng Gia, còn Phạm, Tạ thì phong làm Hộ Vệ cho Thành Hoàng.

*Có người lại giải thích, “tạ tất an” là bị bệnh cúng tạ Thành Hoàng thì được lành, còn “phạm vô cứu” là đã gây tội thì không người nào cứu được!

Âm Dương Ty Công

Âm Dương Ty Công, là bộ hạ của THÀNH HOÀNG gia, thân thể tự chia ra hai phần đen và trắng, hình dạng khiến trông thấy phải khiếp sợ, mà tạo ra tác dụng trừ điều ác giúp điều lành. Âm Dương Ty Công coi sóc về thưởng công hay trị tội của dân gian, cùng quản lý các hồn ma quỷ trong địa phương mình. Trong tín ngưỡng dân gian, Ngài rất gần gũi với con người, nhất cử nhất động của bất cứ ai cũng đều biết. Từ niềm tin đó, con người mới sợ không dám làm điều xấu sợ Ngài trừng phạt, mà cố gắng làm việc lành tốt để được Ngài ban thưởng.

*Tướng lạ của Ngài là gò má bên trắng bên đen, thần khí mạnh mẽ khiến người nhìn thấy không lạnh mà run, lòng sanh e dè sợ sệt. Sự hiện diện của Ngài góp phần duy trì đạo đức tốt đẹp và hạn chế bớt những hành động sai quấy của dân gian.

Đa số thì Âm Dương Ty Công được thờ chung trong Miếu Thành Hoàng.

Một số nơi có xây miếu riêng để thờ.

Văn Phán Quan -Vũ Phán Quan

「Văn Phán Quan」phụ trách đúc kết hành động, việc làm thiện ác của nhân dân và tuổi thọ của mỗi người, sau đó, ghi chép thành sổ sách, gọi là “Phán Quyết Thư”.「Vũ Phán Quan」thì căn cứ vào phán quyết của Văn Phán Quan để thực hiện việc trị tội kẻ ác.

Tướng dạng của Văn Phán Quan thì nho nhã, tay cầm bút và sổ sách định đoạt mệnh vận của hồn ma quỷ. Vũ Phán Quan tay cầm “lang nha bổng” (gậy răng sói), mặt mày dữ dằn thể hiện năng lực phạt ác trong dân gian.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Thập Điện Diêm La Vương

THẬP ĐIỆN DIÊM LA VƯƠNG (VUA DIÊM LA CỦA MƯỜI ĐIỆN)

Ở cõi Diêm La có mười vị vua cai quản, có nhiệm vụ và công việc khác nhau để xem xét hồn người chết lúc còn sống trên thế gian đã phạm vào những tội lỗi gì mà có hình phạt thích đáng.

1. Nhất Điện: Tần Quảng Vương cầm sổ sống chết.
2. Nhị Điện: Sở Giang Vương coi Đăng Hoạt Địa Ngục
3. Tam Điện: Tống Đế Vương coi Hắc Thằng Đại Địa Ngục
4. Tứ Điện: Ngũ Quan Vương coi Chúng Hiệp Đại Địa Ngục
5. Ngũ Điện: Diêm La Vương coi Khiếu Hoán Địa Ngục
6. Lục Điện: Biện Thành Vương coi Đại Khiếu Hoán Địa Ngục
7. Thất Điện: Thái Sơn Vương coi Nhiệt Nảo Địa Ngục
8. Bát Điện: Bình Đẳng Vương coi Đại Nhiệt Nảo Địa Ngục
9. Cửu Điện: Đô Thị Vương coi A-Tỳ Địa Ngục.
10. Thập Điện: Chuyển Luân Vương cho đi đầu thai.

1.- Nhất Điện Tần Quảng Vương:

(Tần Quang Vương ở Điện thứ nhất)

Quản lý sổ sách ghi chép về tuổi thọ của con người, quản lý hết tất cả việc lành dữ của cõi U Minh. Cung điện của Ngài ở bên dưới tầng đá ngầm đáy biển, nằm về hướng Tây của hắc lộ suối vàng.

Nếu người chết là người có làm việc thiện, thì được tiếp dẫn vãng sanh ngay. Còn nếu người chết là nam hay nữ mà công tội ngang nhau, thì được đưa đến Điện thứ mười cho đi đầu thai, có thể nam chuyển thành nữ hay ngược lại, tùy theo nghiệp của mỗi người mà định. Nếu làm ác có ít, thì đưa vào một điện có đài cao, gọi là “Nghiệt kính (cảnh) đài”. Đài này cao một trượng, xung quanh có kiếng, treo ở hướng Đông, trên biển có đề câu:- “Trước Đài Nghiệt Cảnh không người tốt”. Hồn người chết sẽ thấy lại tất cả những việc mình đã làm khi sống, bao nhiêu tội lỗi đã gây tạo, nay phải chịu sa xuống Địa Ngục chịu sự trừng phạt. Lúc này thì dù “vàng ròng cũng khó đổi” được. Sau khi xem hết các tội lỗi rồi thì chuyển qua Điện thứ hai để thọ hình phạt theo tội đã gây ra.

*Như người lúc còn sống, chẳng kính trời đất, không nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ mà báo đáp, hỗn hào cãi lệnh cha mẹ, coi thường mạng sống, tự ả tự vẫn (thắt cổ tự tử), uống thuốc độc hoặc nhảy sông mà chết. Những người chết như thế, ngoại trừ do bảo vệ trung hiếu tiết nghĩa mà có hành động như vậy, tất cả người do vì sân hận, hoặc vì lý do không đáng mà tự tử, hoặc do muốn hù dọa người mà lộng giả thành chân ... mà chết (thì đều phải chịu trừng phạt).

*Các vị thần Môn Táo (cửa và bếp) sẽ giải những hồn này vào điện để chịu sự đói khát, từ chập tối đến nửa đêm (giờ tuất và hợi) phải chịu sự đau đớn sống chết. Hình phạt kéo dài hoặc 70 ngày hoặc hai, ba năm, rồi đưa hồn trở về quê quán để gặp vợ (chồng) con, nhưng không được hưởng cơm canh tiền bạc (do thân nhân cúng). Nếu người đó biết ăn năn tội lỗi thì không còn hiện những hình ảnh ghê sợ cho người, dọa nhát người đời nữa. Trải qua thời

gian trừng phạt này rồi, thì thần Môn Táo lại giải xuống điện cũ để chuyển tiếp Điện thứ hai, tra xét công tội để áp dụng hình phạt thích đáng nơi ngục đó. Nếu khi sống có làm việc thiện thì có phần miễn giảm, còn toàn làm ác thì qui mặt xanh sè áp giải đến ngục khác chịu hình phạt, nếu quá nặng thì cho xuống đại Địa Ngục A-Tỳ, mãi mãi chịu hình phạt không cho tái sinh nữa.

Những kẻ khi sống làm nghề “thợ tụng”, tụng kinh cầu nguyện cho người mà gian lận, bớt lời bớt chữ trong kinh (tụng nhận lớp) thì đưa sang “Bổ Kinh Sở” (nơi tụng kinh thêm cho đủ số). Nơi đây, có để kinh điển, thả một cây đèn dầu leo lét, khi mờ khi tỏ không thể tụng đọc nhanh được. Mà khi tụng, bỏ sót một chữ sẽ bị quỷ sứ đánh đòn nên không dám sai trái. Những người này, dù ở thế gian thân nhân có rước bao nhiêu thầy đến hộ niệm đi nữa thì tội cũ vẫn không giảm được. Chỉ có trường hợp, chính người thân thiết đó, hết sức thành tâm tụng đọc, ra sức bố thí cúng dường, dù đọc kinh trì chú không hay miễn có đủ tâm thành thì có cảm ứng. Lúc ấy, vào sáu ngày lành mỗi tháng, sẽ có “Phật chỉ” đưa đến mà giảm tội cho.

Muốn tránh khỏi hình phạt ở địa ngục, chỉ có cách là phát lòng thành ăn chay niệm Phật để cầu vãng sanh, lập thế nguyện hoằng pháp lợi sinh, làm nhiều việc công đức ...thì khi vãng sanh được Phật tiếp dẫn về Tây phương Cực Lạc mà thôi!

*Vào ngày mùng 1 tháng hai (là ngày vía của Nhất Điện Tần Quảng Vương), ăn chay tụng kinh sám hối, phát nguyện và thực hành làm lành sẽ được Ngài phù hộ.

2.- Nhị Điện Sở Giang Vương

(Sở Giang Vương ở Điện thứ hai)

*Ngục này nằm ở đáy biển, dưới tầng đá ngầm phía chính Nam, gọi là địa

ngục Đẳng Hoạ. Gồm có 16 địa ngục nhỏ như sau:

- 1•Hắc Vân Sa Tiểu Địa Ngục. (cát mây đen)
- 2•Phân Niệ Nê Tiểu Địa Ngục. (phân, nước tiểu, bùn)
- 3•Ngũ Xoa Tiểu Địa Ngục. (cây chĩa năm răng)
- 4•Cơ Nga Tiểu Địa Ngục. (đói)
- 5•Tiêu Khát Tiểu Địa Ngục. (khát)
- 6•Nùng Huyết Tiểu Địa Ngục. (chảy máu tươi)
- 7•Đồng Phủ Tiểu Địa Ngục. (búa đồng)
- 8•Đa Đồng Phủ Tiểu Địa Ngục. (nhiều búa đồng)
- 9•Thiết Khải Tiểu Địa Ngục. (giáp bằng sắt)
- 10•U Lương Tiểu Địa Ngục. (tối tăm)
- 11•Kê Tiểu Địa Ngục. (gà cắn mổ)
- 12•Hôi Hà Tiểu Địa Ngục. (tro than, sông nước)
- 13•Chước Tiệt Tiểu Địa Ngục. (chặt cắt)
- 14•Kiếm Diệp Tiểu Địa Ngục. (kiếm bén)
- 15•Hồ Lang Tiểu Địa Ngục. (chồn sói)
- 16•Hàn Băng Tiểu Địa Ngục. (băng lạnh)

*Người thế gian phạm vào tội lừa gạt thiếu niên nam nữ, buôn bán trẻ em,

cưỡng đoạt thân thể đoạt tài sản của chúng, không rành nghề hốt thuốc cho người làm tổn hại đến mắt, lỗ tai, tay, chân của họ, không tha đày tớ gái già, tham cầu lợi lộc mà làm mai mối hôn nhân, dấu giếm (khai gian) tuổi tác, đến nhà người sanh sự, nam nữ làm điều dối gian, nói không thật lời. Phạm tội loạn luân. Làm quan ăn của hối lộ...

Những người này khi chết, sau khi ở Nguyệt Cảnh Đài đã tra ra tội phạm nhiều ít, thời gian phạm lâu mau, có cố ý hay vô tình ...thì cho quỷ tóc đỏ rãnh nanh dẫn đi đến địa ngục nhỏ tương ứng để thọ tội. Thí dụ như:- Phạm tội loạn luân, bị cắt (thiến) thận, làm quan tính kế đảo điên, ăn hối lộ, bị nhốt trong hỏa xa, đêm vắng toan mưu dối, bị cát mây đen đè mình, xúi trẻ thơ làm lỗi bị cầm trong ngục giá lạnh. Mãn kỳ thọ tội này thì chuyển sang ngục thứ ba để định tiếp.

Người nào trên thế gian thường biết nói điều hay trong kinh Ngọc Lịch để giáo hóa người khác hoặc ấn tống kinh điển giúp người giác ngộ; thương yêu chúng sinh, dạy dỗ điều lành tốt cho trẻ em, không tàn hại côn trùng, bố thí thuốc men cho người bệnh, bố thí cơm cháo cho người nghèo đói, bố thí tiền bạc để cứu giúp người nghèo khổ, biết ăn năn tội lỗi đã lỡ gây tạo thì được miễn trừng phạt nơi ngục này, mà đưa thẳng xuống Điện thứ mười để đầu thai kiếp khác.

*Vào ngày mùng một tháng ba, ăn chay, phát nguyện thực hành làm lành, hành hạnh phóng sanh, thì được Ngài Nhị Điện Sở Giang Vương phù hộ.

3.- Tam Điện Tống Đế Vương :

(Tống Đế Vương ở Điện thứ ba)

Ngục này nằm dưới tầng đá ngầm hướng Đông Nam đáy biển, tên gọi là “Hắc Thăng Địa Ngục” (dây đen). Có tất cả 16 địa ngục nhỏ như sau:

- 1•Hàm Lỗ Tiểu Địa Ngục. (muối mặn)
- 2•Ma Hoán Già Nữ Tiểu Địa Ngục. (gông xiềng)
- 3•Xuyên Lặc Tiểu Địa Ngục. (xỏ gân)
- 4•Đồng Thiết Quát Kiếm Tiểu Địa Ngục. (đồng sắt nạo gò má)
- 5•Quát Chi Tiểu Địa Ngục. (nạo cháy mỡ)
- 6•Kiềm Tễ Tâm Can Tiểu Địa Ngục. (đóng vào tim gan)
- 7•Oát Nhân Tiểu Địa Ngục. (móc mắt)
- 8•Sản Bì Tiểu Địa Ngục. (phanh da)
- 9•Nguyệt Túc Tiểu Địa Ngục. (cắt chân)
- 10•Bạt Thủ Cước Giáp Tiểu Địa Ngục. (rút móng tay chân)
- 11•Hấp Huyết Tiểu Địa Ngục. (hút máu)
- 12•Đảo Điều Tiểu Địa Ngục. (treo ngược rút lên)
- 13•Phân Tuỷ Tiểu Địa Ngục. (xẻ xương tủy)
- 14•Thư Chú Tiểu Địa Ngục. (ăn giò bọ)
- 15•Kích Tất Tiểu Địa Ngục. (đánh vào đầu gối)
- 16•Bà Tâm Tiểu Địa Ngục. (bóp trái tim)

*Người lúc còn sống khi làm quan, chẳng nghĩ ơn đức lớn lao của vua (đất nước), mạng sống người dân là quan trọng, chỉ biết hưởng thụ lợi lộc mà không làm tròn bổn phận, chẳng màng dân chúng khổ sở đói rét. Người dân

thường thì thấy lợi bỏ quên ân nghĩa, chồng bất nghĩa, vợ chẳng hòa thuận, làm con nuôi của người thọ lãnh ân huệ của họ mà vì muốn chiếm đoạt tài sản sanh ra vong ân bội nghĩa, đày tớ mà phụ ơn chủ nhà, binh lính phụ ơn của người chỉ huy, công nhân phụ ơn nghĩa của giám đốc, hoặc phạm tội vượt ngục hoặc quân nhân đào ngũ, không làm tròn chức trách của trên giao phó... Phạm những lỗi trên mà không chịu sám hối thì tuy có làm điều lành đi nữa cũng không bớt được tội cũ (phải có sự ăn năn sám hối mới được)

Thêm nữa, những vị thầy phong thủy coi xem nhà cửa mồ mã cho người, học không đến nơi đến chốn, làm sai lệch mà lấy tiền người. Hoặc đào mồ cuốc mã thiên hạ, chiếm đất nghĩa địa. Hoặc dụ dỗ người làm việc phi pháp.

Giết người lấy của, đi săn bắn, bị cộp xé thân, gian dâm vợ người, sửa chữa giả mạo giấy tờ, người có chuyện di chúc, gởi gắm mình mà mình không chịu thực hiện, đốt phá nhà cửa người, đòi nợ xiết của người khác, làm sách giả nguy hại đời sau...

Sau khi tra xét tường tận, sẽ cho Đại Lực Quỷ đưa vào tiểu ngục thích ứng chịu trừng phạt theo tội lỗi đã làm. Thọ hết hình phạt, lại chuyển sang ngục thứ tư để tra xét tiếp.

*Ngày mừng tám tháng hai, ăn chay phát nguyện và thực hiện việc làm lành, tụng kinh sám hối nếu lỡ gây ra những tội đã nêu trên, thì sẽ được Ngài Tam Điện Tổng Đế Vương hộ trì miễn giảm tội khiên.

4.- Tứ Điện Ngũ Quan Vương :

(Ngũ Quan Vương ở Điện thứ tư)

Ngục thứ tư nằm ở dưới tầng đá ngầm biển, ở về hướng Đông. Ngục này có tên là “Chúng Hiệp Địa Ngục” (đối xử với người). Có 16 tiểu ngục là:

1•Thạch Trì Tiểu Địa Ngục. (ao có bờ vách bằng đá)

- 2.- Miêu Luyện Trúc Tiêm Tiểu Địa Ngục. (rớt xuống bàn chông tre)
- 3•Phí Thang Nhiều Thủ Tiểu Địa Ngục. (nước sôi)
- 4•Chưởng Bàn Lưu Dịch Tiểu Địa Ngục. (trần nước)
- 5•Đoạn Cân Dị Cốt Tiểu Địa Ngục. (cắt gân)
- 6•Yên Kiên Loát Bì Tiểu Địa Ngục. (xẻ vai lột da)
- 7•Toả Phu Tiểu Địa Ngục. (căng da)
- 8•Tồn Phong Tiểu Địa Ngục. (ngồi trên mũi nhọn)
- 9•Thiết Y Tiểu Địa Ngục. (áo sắt)
- 10•Mộc Thạch Thổ Ngôã Áp Tiểu Địa Ngục. (gạch ngói đá đè)
- 11•Kiếm Nhân Tiểu Địa Ngục. (dùng kiếm khoét mắt)
- 12•Phi Hôi Tắc Khẩu Tiểu Địa Ngục. (nhét tro bịt miệng)
- 13•Quán Dược Tiểu Địa Ngục. (rót thuốc)
- 14•Du Đậu Hoạt Trật Tiểu Địa Ngục. (đi đường đổ dầu trơn trượt cho té)
- 15•Thích Chuỷ Tiểu Địa Ngục. (đâm vào miệng)
- 16•Toái Thạch Mai Thân Tiểu Địa Ngục. (đá đè chôn thân)

*Người sống ở thế gian mà trốn sưu lậu thuế, không nộp tô tức, dùng hai cái cân để gian lận, lường lường tráo đấu, bào chế thuốc giả, bán gạo ẩm mốc, xài tiền giả, tráo xén bớt tiền, bán dầu bột quá hạn, may vá ăn xén vải vóc, cho vay ăn lời quá vốn, đi đường gặp người già tàn tật không nhường bước, bắt người khác phục dịch quá đáng, nhận thư tín tin tức người nhờ

chuyển mà không sớm chuyển giao, lăn cây đá chặn đường đi, lấy trộm dầu thắp đèn đường, nghèo mà không chịu siêng năng làm ăn lại chê trách người, giàu mà không cứu giúp kẻ khó, giả bộ đi mượn tiền để người khác khỏi mượn mình, làm bộ đói rách để xin của người, thấy người khác bệnh nhà mình có thuốc (sách, bài thuốc hay) mà không cho, dấu diếm thuốc gia truyền để làm giàu, chăn nuôi súc vật đổ phân, nước tiểu ra đường làm hôi thúi người đi đường, đổ rác rến ra giữa đường đi, trù ếm làm hại người, bỏ cha mẹ trốn lánh tự tử, bỏ hoang ruộng đất, làm cây cối ngã sập nhà, tường người, phách lối mắng nhiếc người ...

Sau khi tra xét kỹ, tùy theo tội lỗi mà đưa vào địa ngục thích ứng để chịu sự trừng phạt khổ sở, mãn hạn chuyển sang Địa ngục thứ năm để tra xét tiếp.

*Những người còn sống ở thế gian, vào ngày mười tám tháng hai, ăn chay tụng kinh sám hối tự hứa không tái phạm những lỗi trên nữa. Tự mình hoặc góp phần vào việc ấn tống kinh sách như Ngọc Lịch, Kinh Nhân Quả ... để cảm hóa chúng sanh, cho họ biết làm lành lánh dữ, thì được Ngài Tứ Điện Ngũ Quan Vương phù hộ và miễn giảm tội cũ trót lỡ gây ra

5.- Ngũ Điện Diêm La Vương :

*Vua Diêm La nói rằng:

“Trước đây ta ở Điện thứ nhất, vì thương hại người chết, bị điều sang cai quản ở đây. Ngục này tên là ngục Khiếu (Kiếu) Hoán (kêu la rên xiết) nằm dưới tầng đá ngầm đáy biển ở hướng Đông bắc. Có tất cả 16 Tiểu Địa Ngục “chặt đứt trái tim”.

Những phạm nhân trước khi đưa đến đây đều trải qua thời gian thọ tội nhiều năm ở ngục khác. Nơi ngục thứ tư, việc tra xét không quá bảy ngày rồi chuyển sang đây, để khai thêm về những việc không làm ác lúc còn sống. Phần lớn, các hồn quỷ thường khai rằng:- trên thế gian chưa làm xong

nguyện vọng như xây cất chùa viện, đào giếng vét sông, làm chữa xong việc ấn tống kinh điển khuyến thiện, hoặc phóng sanh chữa xong, hoặc chữa lo xong việc chuẩn bị hậu sự cho song thân, hoặc mang ơn chưa kịp đền đáp, xin cho được trở về để hoàn thành tâm nguyện, hẹn chẳng sai lời, hứa sẽ làm người tốt. Ta nghe như thế, bèn nói:–“Các người, lúc trước có làm ác hay không, quý thần đã biết, hãy thành thật nhận tội đi. Nếu cõi âm ty không có quỷ oán hận thì lúc ở dương gian là không có người oán hờn. Người tu hành chân chính ở thế gian không có nhiều đau. Nay đã đến đây, ta sẽ cho xem ở Nguyệt Cảnh thì biết hết sự thật rồi, đừng nói nhiều lời nữa! Nói rồi, ta sai người đầu mã diện giải phạm nhân đến “Đài Vọng Hương” để nhìn về quê xưa của họ. Đài này cong như cây cung, có ba mặt đông, tây và nam. Chiều cong dài tám trăm mười dặm, còn phía bắc thì có một rừng kiếm làm thành trì. Đài này cao bốn mươi chín trượng, có núi đao tua tủa. Bậc thang có sáu mươi ba cấp. Những người lương thiện thì khỏi bắt lên đài này, người công và tội bằng nhau thì được cho đi đầu thai. Chỉ có những kẻ làm ác thì phải lên mà thôi. Lên trên đài này rồi, thì sẽ thấy quê nhà kế bên, người thân nói gì cũng nghe thấy. Nghe được những lời con cháu tranh giành của cải tài sản, không chịu thực hiện di chúc, không thực hiện lời dặn dò trần trời. Kể thấy những cảnh thay đổi sau khi mình chết, sự vật khác xưa, mỗi mỗi đều thay, chẳng còn gì là của mình. Người thân là chồng thì muốn cưới vợ khác, người thân là vợ thì muốn lấy chồng khác, con cái thì tranh nhau tài sản, đánh lộn đánh lạo, chửi mắng nhau. Bà con thân thiết và bạn bè cũng chẳng ai nhớ đến mình, con cái nhe nhóc khổ sở v.v...Thấy những cảnh ấy rồi, những hồn người chết la khóc inh ỏi, dập đầu bứt trán, nhào lộn tức tối, đau khổ muôn phần...Như thế rồi lại nhìn thấy tiếp những cảnh tượng người thân bị trả quả báo (của mình gây ra) như là:- trai bị bắt giam, nữ thì sanh quái thai, con trai bị dụ dỗ sa đọa, con gái bị gian dâm. Sự nghiệp của mình bị tiêu tan, nhà cửa bị cháy rụi, tất cả trong nhà đều bị tiêu sạch...khi ấy quý hồn hối hận ăn năn thì đã quá muộn.

Sau đó, cho trở về trong điện để tra xét tiếp rồi tùy theo tội lớn nhỏ nhiều

ít lâu mau ... mà đưa đến các Tiểu Địa Ngục để chịu sự trừng phạt. Trong các Tiểu Địa Ngục này, có các cọc gỗ nhọn, chố sắt răn đồng, gông xiềng tay chân. Quý dùng con dao nhỏ, mỗi một đường ở bụng, vạch bày ra trái tim, cắt xẻ ra từng miếng để ném cho răn ăn, ruột thì cho chó ăn. Chịu sự trừng phạt một ngày, thì chỗ mỡ lành lại, đem giam vào ngục để mai hành hạ tiếp.

Các Tiểu Địa Ngục là:

1•người chẳng kính quý thần, không tin vào nhân quả sẽ đưa vào Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

2•giết hại sinh vật cũng cho vào Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

3•có lời vái nguyện mà chưa cúng trả lễ:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

4•theo học tà thuật mong cầu được trường sinh:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

5•hận người trừ rủa cầu cho người mau chết:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

6•mưu tính kế hại người:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

7•người nam mà dụ dỗ người nữ vào con đường thất tiết:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

8•làm việc tổn hại người lợi mình:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

9•bỏn xén tiếc nuôi tài vật mà chẳng màng sống chết:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

10•nuôi nấng người rồi cho đi ăn trộm:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

11.-lấy oán báo ân:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

12•đam mê cờ bạc táng gia bại sản:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

13•lường gạt người:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

14•dùng lời nói sai quấy xúi bảo người làm bậy:-Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

15•có tâm ganh ghét người hiền:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

16•hay mắng nhiếc người:- Đẳng Tâm Tiểu Địa Ngục.

*Những người không tin nhân quả, cản trở người làm việc lành, mượn tiếng đi chùa miếu dâng hương để xúi biếu người làm quấy, thiêu đốt kinh sách dạy người làm lành, xúi người phá giới, ngăn cản người làm ác biết ăn năn sám hối, biết đạo mà không giữ giới, phỉ báng Phật, chẳng chịu nghe theo lời dạy đạo tu hành, mà còn xúi bảo người khác đi vào đường sai quấy như mình, đào mồ cuốc mã người khác, thiêu đốt rừng núi, cho gia đình di chuyển trước rồi đốt nhà phá xóm giếng, dùng cung tên súng đạn bắn lén người, bức ép người khác khiến họ rầu rĩ mà sanh bệnh, ném đá, gạch ngói lên mái nhà người, dùng thuốc độc hại cá, giăng lưới bắt chim, dùng muối tưới cây cỏ chết, thả rắn rít độc trùng làm hại người đến chết, giả mạo chức tước để hại người, chiếm đoạt nhà đất người, lấp giếng ngăn chặn mương rãnh phá hoại nhà người ...

Những kẻ phạm vào những tội lỗi trên, cho lên Vọng Hương Đài để xem hết những tội đã phạm cùng hậu quả báo ứng, rồi cho vào địa ngục Khiếu Oán, để họ tự ăn năn dằn vò, đau khổ, khóc than một mình. Kế đó mới tùy theo tội mà chuyển đến Tiểu Địa Ngục thích ứng mà hành tội tiếp. Thọ tội xong, chuyển đến Điện thứ sáu để tra xét tiếp.

Những người khi còn sống không phạm những tội đã nêu hoặc lỡ phạm mà vào ngày mùng tám tháng giêng, ăn chay tụng kinh sám hối, phát thệ

không tái phạm, thì được miễn hình phạt ở ngục thứ năm này, chuyển sang ngục thứ sáu xem xét.

Nhưng người phạm vào các tội:- giết người hại con vật lớn, theo bè đảng tà ngụy, gian dân phụ nữ, bắt ép vợ người phải thất tiết, nuôi người trộm cắp, những kẻ lấy oán báo ân, những người si mê chấp chặt không chịu ăn năn sửa đổi, thì không được tha thứ miễn giảm.

6.- Lục Điện Biện Thành Vương :

(Biện Thành Vương ở Điện thứ sáu)

*Ngục này nằm dưới tầng đá ngầm đáy biển ở về hướng chính Bắc, tên là “Đại Khiếu Hoán”, nghĩa là tội nặng hơn, bị hình phạt nặng nên khóc la lớn tiếng hơn ngục thứ năm. Có 16 Tiểu Địa Ngục là:

1•Thường Quy Thiết Sa Tiểu Địa Ngục. (cát bằng sắt bắn vào người làm té ngã)

2•Thi Nê Tẩm Thân Tiểu Địa Ngục. (tẩm thân thể bằng phân, nước tiểu)

3•Ma Tồi Lưu Huyết Tiểu Địa Ngục. (mài ép cho chảy máu)

4•Kiềm Chuỷ Hàm Châm Tiểu Địa Ngục. (ngậm kim châm, đập bằng chùy)

5•Cát Thận Thử Giáo Tiểu Địa Ngục. (cắt thận cho chuột ăn)

6•Cức Vỡng Huỳnh Toản Tiểu Địa Ngục. (nằm trong lưới gai bị trùng độc cắn đốt đau đớn)

7•Đối Đảo Nhục Tương Tiểu Địa Ngục. (cối quết thân thể nát bằm)

8•Liệt Bì Kỵ Lôi Tiểu Địa Ngục. (lột da căng phơi)

9•Hàm Hoả Bế Hầu Tiểu Địa Ngục. (lửa đốt trong cổ họng)

10•Tang Hoả Phí Hồng Tiểu Địa Ngục.(lửa đốt cháy thân)

11•Phân Ô Tiểu Địa Ngục. (ăn phân)

12•Ngưu Điêu Mã Thao Tiểu Địa Ngục. (trâu đập ngựa dậm)

13•Phi Khiếu Tiểu Địa Ngục. (oản oại rên la)

14•Táng Đầu Thoát Xác Tiểu Địa Ngục. (đập đầu cho chết)

15•Yêu Trảm Tiểu Địa Ngục. (chém ngang lưng)

16•Bác Bì Tuyên Thảo Tiểu Địa Ngục. (lột da phơi trên cỏ)

*Những người khi còn sống, chửi mắng trời đất, chửi gió mắng mưa, chê nóng trách lạnh, phá hủy hình tượng thần Phật, ăn cắp của cải chùa miếu, xưng thần thánh gạt người, chẳng kính trọng kinh sách, đem đồ dơ bẩn đồ gần chùa miếu, làm ô uế chùa miếu, cúng tế thần Phật bằng những đồ nấu nướng không tinh khiết, chẳng chịu kiêng cử thịt trâu chó, chứa dấu những sách vở đồi bại, phá hủy sách vở khuyến thiện, phá hủy tượng bát quái, tượng thần thánh tiên Phật, kêu tên thần thánh không chút dè dặt, hủy hoại ngũ cốc, ăn uống bỏ bữa. Đầu cơ tích trữ để làm giàu...

Những tội trên đều bị trừng phạt ở ngục Đại Khiếu Hoán này, sau khi tra xét kỹ lưỡng thì cho đến những tiểu địa ngục thích ứng mà chịu sự trừng phạt, tiếng kêu la vang trời dậy đất, sự đau đớn khổ sở kể sao cho xiết. Thí dụ như:- bẻ vựa chờ giá lúa cao mà bán, để người nghèo chịu đói (bẻ địch trợ hoang), hoặc là gian xảo ngược ngang, bị hành bàn công nhon. Chửi gió mắng mưa, kêu tên Thần Thánh chẳng chút kiêng vì, bị cột trói ngược mà cửa xẻ cắt lưỡi.

Hành tội mãn hạn thì chuyển giao cho Ngục thứ bảy xem xét tiếp.

Người nào lỡ phạm tội, biết ăn năn cải hối, vào ba ngày, 15, 16 tháng 5, phải giữ giới kiêng phòng sự, ăn chay tụng kinh sám hối, thệ nguyện không tái phạm, gắng làm lành chuộc tội... thì sẽ được Ngài Biện Thành Vương cứu xét miễn giảm tội.

7.- Thất Điện Thái Sơn Vương :

(Thái Sơn Vương của Điện thứ bảy)

*Ngục này nằm ở dưới tầng đá ngầm đáy biển ở về hướng Tây bắc, tên là Địa Ngục Nhiệt Não (nóng bức đau đớn trong đầu). Gồm có 16 tiểu địa ngục là:

1•Truyền Tuất Tự Thân Tiểu Địa Ngục. (tự ăn năn đau khổ)

2•Liệt Hung Tiểu Địa Ngục. (rét lạnh ở ngực)

3•Địch Thối Hoả Bức Khanh Tiểu Địa Ngục. (xéo bấp vế ném vào lò lửa)

4.- Xuyên quyền kháng phát Tiểu Địa Ngục. (đâm gò má, bứt tóc)

5•Khuyển Giảo Hỉnh Cốt Tiểu Địa Ngục. (chó ăn xương đầu gối)

6•Úc Thống Khốc Cầu Đôn Tiểu Địa Ngục. (nhớ lỗi xưa khổ sở, bị chó nhai nuốt)

7•Tắc Đỉnh Khai Ngạch Tiểu Địa Ngục. (đóng đỉnh đầu xẻ trán)

8•Đỉnh Thạch Tôn Thân Tiểu Địa Ngục. (đá sập đè thân)

9•Đoan Bảo Thượng Hạ Trác Giáo Tiểu Địa Ngục. (chim dữ cắn mổ trên dưới)

- 10•Vụ Bì Trư Đà Tiểu Địa Ngục. (lột da như da heo)
- 11•Điều Giáp Túc Tiểu Địa Ngục. (rút móng chân)
- 12•Bạt Thiệt Xuyên Tai Tiểu Địa Ngục. (kéo lưỡi đâm xuyên qua má)
- 13•Trừu Trường Tiểu Địa Ngục. (lôi ruột ra ngoài)
- 14•Loa Đạp Miêu Tước Tiểu Địa Ngục. (lừa đập mèo cắn)
- 15•Lạc Thủ Chi Tiểu Địa Ngục. (cắt từng ngón tay)
- 16•Du Phủ Cồn Phanh Tiểu Địa Ngục. (nấu cháo dầu sôi)

*Những người lúc còn sống, ăn uống bừa bãi, bỏ bữa phung phí thức ăn, rượu thịt vô độ, nài ép người phải bán của cải cho mình, trộm cắp quần áo, dẫu thầy chết để làm thuốc, làm ly tán thân thích của người, mua bán tì thiếp, hiếp đáp vợ con đến chết, cờ bạc phá cửa, làm thầy dạy học trò không hết lòng, dạy điều sai quấy cho học trò, truy vấn đánh đập học trò quá ngặt khiến trò bị thương tích hay sinh bệnh, tham lấy của cải hàng xóm, bội bạc sư trưởng, già mồm lão mép cãi lầy trấn áp người, xui giục bày biểu cho người ta tranh đấu lẫn nhau, hồ đồ không tra cứu kỹ lưỡng đã kết tội người khác... Tất cả những tội trên đều được tra xét cẩn thận ở ngục này, rồi tùy theo tội mà cho đưa vào ngục nhỏ tương thích chịu sự trừng phạt. Xong, chuyển đến Điện thứ tám để tra xét tiếp.

Những người khi còn sống, lấy cớ làm thuốc để tàn sát loài vật chứ không chịu dùng thảo mộc làm thuốc. Đàn bà chế tạo món ăn mà sát hại quá nhiều sinh vật hay món ăn mà thú nửa sống nửa chết, cũng mang lấy tội nặng. Dù có làm phước khác. Mà không chịu ăn năn giảm bớt những việc sai trái này, cũng không được bỏ qua nghiệp tội trên. Phải làm những việc tạo công đức như:- phóng sanh, cứu người, bớt sát sanh, tụng kinh, niệm Phật, trì chú, khuyên người tu hành làm lành, ấn tống kinh sách khuyến thiện.. thì dù đã lỡ

phạm tội nhưng khi chết, được các vị “Tịnh Nghiệp Sứ Giả” (làm thanh tịnh nghiệp tội đã tạo) dùng kiếng chiếu vào người đó, xóa bỏ nghiệp cũ, mới khỏi bị tội ở ngục thứ bảy này.

Những thầy thuốc ở nhân gian dùng những thầy chết do bị lửa cháy, lấy da thịt chế thuốc, hoặc cắt lấy xương, gân, gan, mật, đầu sọ của người mà chế tạo thành thuốc cao, thuốc bột mà buôn bán... Tội ấy không thể tha thứ ở ngục này, dầu có làm phước khác mà không liên quan nghiệp này cũng không giải được. Diêm Vương cũng nhất định bắt vào địa ngục Nhiệt Não hành hình, chịu hết những hình phạt của các tiểu địa ngục. Thí dụ như:-

Bà thuốc phá thai bị quăng lên núi lửa. Khinh khi Tam giáo bị chó phân thầy. Nói tục tĩu bị cắt lưỡi. Đàn bà có chồng còn ngoại tình với trai bị đốt nấu trong vạc đồng.

Khi xong rồi, giao cho Ngục thứ mười để đi đầu thai. Nhưng kiếp đó, phải chịu những dị tật:- đui, què, mé, sứt ... trả đền tội cũ. Tuy nhiên, cũng có phương pháp để hóa giải bớt là, chân thành ăn năn sám hối, thệ nguyện không tái phạm, làm được những điều lành như:

Thí tiền, thí thuốc, thí cơm cháo; Bắc cầu, sửa đường cho thiên hạ đi, Thí quan tài và đồ liệm, Nhiều năm bố thí cho người nghèo, dân đói; Cất chùa, sửa am; Hết lòng phụng dưỡng kính yêu cha mẹ, cần mẫn thuốc thang giúp người khi bệnh hoạn...

*Khi làm được những việc trên, lúc quỷ sứ đến bắt hồn người chết, Định Phước Táo Quân thờ trong nhà người đó sẽ chấm một điểm vào tấm lệnh bài để xác nhận, thì sau này lúc xuống ngục sẽ được miễn giảm hình phạt.

Trên thế gian cũng có những người, vào những năm mùa màng thất bát, khắp nơi đói rách, họ cắt thịt người chết đem bán cho người khác ăn để sống, đã tâm ác độc vô cùng. Những người phạm tội cắt thịt này, khi bị áp giải đến

ngục thứ bảy này, Diêm Vương sẽ gia tăng hình phạt thêm lên. Mãn hạn hình phạt thống khổ 49 ngày rồi, sẽ được giải đến Điện thứ mười, ghi chú vào sổ sách, lại chuyển về Ngục thứ nhất để cho đầu thai làm người hoặc súc sanh, bụng lúc nào cũng đói muốn ăn, nhưng khi thấy đồ ăn thì có mùi hôi thúi, không dám ăn, chịu sự đói khát thường xuyên, để trả lại quả báo cũ.

*Những trường hợp lỡ phạm như thế rồi, thì phải hết sức lập công bồi đức chuộc tội, bằng cách bố thí cơm cháo cho người đói khổ những năm bị mất mùa, lập trai đàn chẩn tế cô hồn nạ quỷ, bố thí cho người nghèo gạo thóc thuốc men thật nhiều. Lại phải thành tâm sám hối ăn năn, in ấn kinh sách khuyến thiện như Ngọc Lịch, Minh Thánh ... để giúp người hiểu biết làm lành lánh dữ ... thì khi chết mới được Diêm vương tâu lên Ngọc Đế xin miễn giảm tội.

Như thế đủ biết, khi còn sống có thể che dấu để thoát vương pháp thế gian, nhưng khi chết rồi thì một mảy may cũng không thoát khỏi đền tội. Trong sách nói: “Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu” (lưới trời tuy thưa mà khó lọt) là như vậy!

*Muốn sám hối những tội lỗi lỡ tạo như trên, vào ngày hai mươi bảy tháng ba, phải thành tâm sám hối, ăn chay tụng kinh, day mặt về hướng Bắc mà van vái cầu xin Ngài Thất Điện Thái Sơn Vương phù hộ độ trì cho bớt tội. Lại phải thệ nguyện không tái phạm, làm những điều lành đã nêu thì mới mong giảm được tội hình nơi ngục này.

8.- Bát Điện Đô Thị Vương :

(Đô Thị Vương của Điện thứ tám)

*Ngục này ở dưới tầng đá ngầm đáy biển ở về hướng chính Tây, tên là “Địa ngục Đại Nhiệt Nã”. Có 16 tiểu địa ngục là:

- 1•Xa Bãng Tiểu Địa Ngục. (xe cán)
- 2•Muộn Oa Tiểu Địa Ngục. (nỗi buồn rầu)
- 3•Toái Quả Tiểu Địa Ngục. (nghiền xương)
- 4•Lạo Khổng Tiểu Địa Ngục. (các lỗ ra nước)
- 5•Tiễn Chu Tiểu Địa Ngục. (kéo cắt thành miếng nhỏ)
- 6•Thường Thanh Tiểu Địa Ngục. (chuồng nhốt)
- 7•Đoạn Chi Tiểu Địa Ngục. (chặt tay chân)
- 8•Tiễn Tạng Tiểu Địa Ngục. (xẻ các tạng phủ)
- 9•Chích Tuỷ Tiểu Địa Ngục. (đâm lấy tuỷ)
- 10•Bà Trường Tiểu Địa Ngục. (kéo ruột)
- 11•Phần Tiều Tiểu Địa Ngục. (coi lò)
- 12•Khai Sanh Tiểu Địa Ngục. (bắt nhìn thẳng)
- 13•Quả Hung Tiểu Địa Ngục. (đục thủng ngực)
- 14•Phá Đỉnh Khiếu Xỉ Tiểu Địa Ngục. (đục đỉnh đầu, bẻ răng)
- 15•Trảo Cát Tiểu Địa Ngục. (cắt rút móng)
- 16•Cương Xoa Tiểu Địa Ngục. (chĩa bằng gang)

*Những người khi còn sống trên thế gian không hiếu thảo với cha mẹ, lúc cha mẹ còn sống không nuôi dưỡng, lúc cha mẹ chết không lo tổng táng. Thường gây ra những lo âu phiền muộn đau khổ cho cha mẹ ông bà, lâu ngày

mà chẳng chịu hối cải. Táo Quân dâng sớ tâu lên thiên đình, giảm trừ bớt y lộc tuổi thọ của người đó. Những người nghe lời xúi biếu của tà đạo, làm những điều ác đức xằng bậy, khi chết thì đưa con bất hiếu tới điện nào cũng bị hành phạt hoặc bị xay, cưa, đốt, giã, bị phanh rã tim gan, hoặc bị xe cán. Chứa râu lông của, trù ếm, chửi rủa, đồ dơ giặt đổ rạch sông, uế trước đến chỗ thờ, phơi áo quần dơ không nể Tam quan v.v... bị xô xuống ao huyết phủ (Huyết Ô Trì)... rồi thì đưa sang ngục thứ tám. Ngươi đầu mã diện và ngục tốt lại đưa vào ác tiểu ngục ở đây để trừng phạt tiếp, chịu đựng không biết bao nhiêu điều thống khổ, tiếng kêu khóc vang dậy gấp nhiều lần nên gọi là “đại nhiệt não”. Thọ hình xong mới chuyển qua ngục thứ mười cho đi đầu thai làm súc sanh.

*Trường hợp người nào biết ăn năn cải hối, tin tưởng vào Ngọc Lịch, Minh Thánh ...vào ngày mùng một tháng tư, ăn chay, tụng kinh sám hối, thệ nguyện không tái phạm, được Ngài Đô Thị Vương phù hộ giúp đỡ. Lại đến trước bàn thờ Táo Quân để cầu xin sám hối, thề không tái phạm, nguyện làm việc lành ...Táo Quân sẽ xác nhận bằng cách, người đó khi chết, trước khi bị quỷ sứ dẫn đi, Táo Quân sẽ viết vào trán một trong ba chữ là:- “Tuân”, “Thuận” hay “Cải”. Như vậy, khi hồn người chết đến các điện từ thứ nhất đến thứ bảy, các vua Diêm La sẽ giảm hình phạt một nửa hoặc hết.

*Trường hợp những người phát tâm mạnh mẽ, ra sức sao chép in ấn các kinh sách khuyến thiện với số lượng lớn, giúp được nhiều người hối cải làm lành, được công đức nhiều thì qua điện thứ chín tra xét không phạm thêm tội nào nữa, chuyển sang điện thứ mười cho đi đầu thai vào nơi phước địa.

*Công đức ấn tống kinh sách rất lớn, người tu học cần nên lưu ý thực hành.

9.- Cửu Điện Bình Đẳng Vương :

(Bình Đẳng Vương của Điện thứ chín)

*Ngục này nằm dưới tầng đá ngầm đáy biển ở về hướng Tây Nam. Tên là “Đại Địa Ngục A-Tỳ” có lưới sắt bao quanh. Có 16 tiểu địa ngục là:

1•Xao Cốt Chước Thân Tiểu Địa Ngục. (đập xương gỗ vào thân)

2•Trừu Cân Lô Cốt Tiểu Địa Ngục. (kéo gân giả xương)

3•Nha Thực Tâm Can Tiểu Địa Ngục. (quạ ăn tim, gan)

4•Cửu Thực Trường Phế Tiểu Địa Ngục. (chó ăn ruột, phổi)

5•Thân Tiễn Nhiệt Du Tiểu Địa Ngục. (dìm thân chảo dầu sôi)

6•Não Cô Bạt Thiệt Bạt Xỉ Tiểu Địa Ngục. (đai siết quanh đầu, kéo lưỡi, kéo răng)

7•Thủ Não Vị Điền Tiểu Địa Ngục. (lấy óc trét vào mình con nhím)

8•Chưng Đầu Quát Não Tiểu Địa Ngục. (đốt đầu moi não)

9•Dương Súc Thành Diêm Tiểu Địa Ngục. (dê chà xát thành bột)

10•Mộc Giáp Đỉnh Sai Tiểu Địa Ngục. (kẹp gỗ siết đầu)

11•Ma Tâm Tiểu Địa Ngục. (mài trái tim)

12•Phí Thang Lâm Thân Tiểu Địa Ngục. (đổ nước sôi vào thân)

13•Huỳnh Phong Tiểu Địa Ngục. (ong vàng chít đốt)

14•Hạt Câu Tiểu Địa Ngục. (mọt đục thân thê)

15•Nghị Chú Ngao Đam Tiểu Địa Ngục. (rang nướng giòn)

16•Tử Xích Độc Xà Toàn Không Tiểu Địa Ngục. (rắn độc tím, đỏ chui

vào các lỗ trong người)

*Người khi còn sống làm những việc cùng hung cực ác, như tội thập ác, phải chịu sự trừng phạt theo phép nước như là xử chém, thắt cổ cho chết v.v... đã đành, khi chết lại còn phải trải qua sự hình phạt của nhiều địa ngục rồi cuối cùng là đến địa ngục A-Tỳ này.

Những tội nặng đó là:

-Phóng hỏa đốt nhà cửa người, nuôi những loại trùng rắn độc để bào chế thuốc độc hại người, cho thuốc phá thai, dùng tà pháp thu hút dương khí người nam, âm khí người nữ ... để luyện tà thuật. Viết những văn chương thi phú kêu gọi dục tình (dâm thư—sách khiêu dâm), bào chế các loại thuốc, thức uống làm cho người mê ghiền, sa đọa, khích dâm...

Hình phạt tội nhân ở các tiểu địa ngục như sau:-

*Vài thí dụ: bớt xén tiền cất chùa, tiền in kinh, sửa ngay ra vạy, phản thầy bất trung bị quăng lên núi đao. Ăn thịt trâu chó, sát mạng vật vô cớ, bị quạ mổ. Phân rẽ vợ chồng, thân tộc của người, viết sách văn thơ khiêu dâm bị chó móc ruột ăn tim. Hãm hiếp hoặc dụ dỗ trẻ thơ mà ăn của bị xay ra bột...Tội bất hiếu: cột bằng đồng nung đỏ, bắt phạm nhân trói ôm vào cột, tay chân mình mỗi đều cháy thành than v.v...

*A-Tỳ địa ngục là gì?

Chữ A có nghĩa là không; chữ Tỳ có nghĩa là Cứu hay xen kẻ.

Cũng có nghĩa là Vô Giá. Nghĩa là không có thời gian. Ở đây có 5 nghĩa chính:

Thứ nhất là xả thân sanh báo không có thời gian, nghĩa là sinh rồi chết, chết rồi sinh không biết bao nhiêu lần ở trong địa ngục.

Thứ hai là thọ khổ mãi mãi không có niềm vui cũng không có thời gian nhất định.

Thứ ba là thời gian không hạn định, vì ở trong vô lượng kiếp số.

Thứ tư là mệnh sống (tuổi tác) không gián đoạn

Thứ năm là thân thể không gián đoạn. (không mất đi)

Địa ngục này ngang dọc 8 vạn do tuần, từ một người cho đến vô số người cũng đều chứa được đầy ắp trong đó.

Mỗi địa ngục còn có 4 địa ngục lớn nhỏ chung quanh nữa vây bọc. Khi chúng sanh ra khỏi một trong 8 địa ngục Vô Gian này rồi, thấy những địa ngục bên cạnh như nước lạnh mát mẻ, khởi tâm thích mới chạy vào đó; không ngờ đó là địa ngục thiêu đốt, địa ngục rang nướng, cửa xẻ....tội nhân cứ chết đi sống lại, rồi bị hành hình thọ quả. Nhiều khi muốn chết mà cũng không thể chết được. Vì quả báo thọ chưa xong.

*Những kẻ phạm tội như dưới đây vào Vô gián Địa Ngục: Kẻ bất hiếu với cha mẹ, cho đến giết hại cha mẹ. Kẻ đâm chém Phật đồ máu, hủy báng Tam bảo, chẳng kính Tôn Kinh, phá hoại sự hòa hợp của chư Tăng. (gọi là tội ngũ nghịch).

*Kế đến, nhẹ hơn một chút là những kẻ xâm lấn tổn hại chùa chiền, làm ố uế tăng ni, hay ở trong nhà chùa mà dâm dục hoặc giết, hại nhơn vật. Kẻ giả bộ thầy tu, chẳng có tâm thầy tu, dùng phá đồ vật của cái nhà chùa, lường gạt người tại gia, làm trái giới luật, tạo ra rất nhiều tội ác. Kẻ ăn trộm ăn cắp của cái, đồ đạc, lúa gạo, thức ăn uống, quần áo của nhà chùa, người ta không cho mà cũng lấy v.v... không vào ngục vô gián nhưng phải chịu sự hình phạt ở hai ngục: nóng và lạnh, sau khi thân bị lửa thiêu còn bị đoạ thân qua nơi cực lạnh, gió lạnh thổi như dao cắt toàn thân chịu thống khổ không thể tả.

*Muốn giảm phần nào hình phạt sau này, những người trót lỗi phạm tội nặng (trừ tội ngũ nghịch đã kể trên) phải hết sức thành tâm ăn năn hối cải, ăn chay, tụng kinh sám hối, thu hồi và hủy bỏ tất cả những sản phẩm, phương tiện sai trái đã làm, ăn tổng thật nhiều kinh điển khuyến thiện, giúp người cãi dữ làm lành, cứu mạng nhiều người, bố thí cơm ăn, áo mặc, thuốc men trị bệnh cho nhiều người nghèo đói khổ sở v.v...rồi vào ngày mùng tám tháng tư, vái nguyện với Ngài Bình Đăng Vương ở Điện thứ chín xin sám hối tội lỗi đã tạo, nhiều năm làm như vậy, sẽ được giảm bớt hình phạt ở các tiểu địa ngục và miễn qua địa ngục lạnh.

Những người không rơi vào ngục vô gián thì sau khi chịu hình phạt lâu dài ở ngục thứ chín này, chuyển qua ngục thứ mười cho đi đầu thai làm kiếp thú, muôn kiếp thú rồi mới được làm người. Nhưng làm người cô độc, bị bỏ rơi, nghèo khổ, đói khát triền miên, sống tạm bợ lây lất cho đến muôn kiếp (nghĩa là chỉ đỡ hơn địa ngục một chút thôi, gọi là dư báo). Nhiều kiếp như thế, nếu biết ăn năn sám hối tu hành thì mới được chuyển dần đến chỗ có phước đức.

10.- Thập Điện Chuyển Luân Vương :

(Chuyển Luân Vương của Điện Thứ mười)

*Điện thứ mười ở dưới tầng đá ngầm của cõi U Minh, về phía chính Đông đối với thế giới ngũ trược (trọc) này.

*Có tất cả là sáu loại cầu Nại Hà: cầu làm bằng vàng, bạc, ngọc, đá, gạch, cây. Điện thứ mười là nơi nhận những quỹ hồn của các điện khác chuyển đến. Sau khi thẩm định phước phần của mỗi hồn, sẽ cho đi đầu thai vào các nơi tương xứng, theo các tình trạng: nam hay nữ, giàu hay nghèo, sang hay hèn, khôn hay ngu, thọ hay yếu v.v...Mỗi tháng, các điện sẽ chuyển giao một lần các quỹ hồn đến đây. Việc thọ sanh (đi đầu thai) này rất chi tiết, tỉ mỉ, phức tạp như là:- đường nào trong bốn đường thai, noãn, thấp, hóa; như loài vật thì

có loài không chân, hai chân, bốn chân hoặc nhiều chân. Có loài thì tự chết, có loài thì bị giết chết...Việc đúc kết rất cẩn thận vì tầm quan trọng lớn lao của nó. Kết quả sẽ ghi kỹ lưỡng cho mỗi quý hồn để đưa đến Phong Đô đầu thai.

Thí dụ như:

*Người không kính giấy chữ (sách kinh thánh hiền), rủ nhau ăn thịt trâu chó, phạt làm ăn mày. Không kính người lớn, chẳng vâng lời phải, thầy dạy học trò không tốt bị người vô cớ nói xấu, khinh khi. Người hay nói ra nói vô, xúi người kiện cáo, trước đã bị hình phạt xô xuống cầu Nại Hà cho rắn cua ăn thịt, nay đầu thai thành người bị vu cáo lãnh án tù đày...

Những nhân sĩ khi sống mà biết ăn chay làm lành, tụng kinh niệm Phật, trì chú v.v... khi khi chết, được miễn giảm rất nhiều hình phạt ở các ngục.

Những quý hồn sau khi thọ hình xong ở các Điện, Điện thứ mười tổng kết xong, lập danh sách chi tiết rồi chuyển họ đến “Dậu khu vong đài” (ăn cháo lú quên quá khứ) của Mạnh Bà Tôn Thần. Kế đó mới cho đi đầu thai tùy theo phước nghiệp cân xứng của mỗi người.

Trường hợp có những hồn ghi nhớ mãi những câu chân ngôn thần chú của Tam Giáo, nhưng không đủ phước báu vãng sanh, mà không thể quên được quá khứ thì cho đi đầu thai tạm thời, chỉ sống một thời gian ngắn, hoặc một hai ngày, hoặc vài tháng vài năm ...phải chết lần nữa, trở lại “vong đài” uống thuốc mê cho thật quên hết chân ngôn rồi mới đi đầu thai chính thức.

Cũng có những trường hợp những người mang mãi mối thù hận quá sâu sắc, không chịu đi đầu thai, chấp nhận kiếp ngạ quỷ để theo đòi báo ứng cho xong, mới chịu tái sanh.

Những trường hợp như vậy cũng có rất nhiều vì khi tại thế, đã gây tạo cho

nhau quá nhiều hệ lụy, nào là phụ tình, nào là vong ân bạc nghĩa, nào là bị lường gạt đến nỗi táng gia bại sản, nào là thù hận ganh ghét chức vụ mà hại nhau, nào là bị áp bức quá đáng... họ đã phát thệ “nhớ mãi không quên” nên phải đi vào con đường quanh co đau khổ này. Cho nên biết, “oán thù nên cởi không nên buộc, chẳng những có lợi ngay trong đời này, mà còn đỡ khổ cho lúc tái sanh đời sau”. Nhân gian ráng ghi nhớ!

*Khi còn sống, phải nên tự mình làm lành rồi nên khuyên bảo thân nhân, bè bạn, người xung quanh chung sức làm lành. Giúp đỡ, tương trợ nhau; bố thí cơm áo gạo tiền thuốc men cho người nghèo khổ. Sao chép, ấn tống kinh sách khuyến thiện giúp người giác ngộ lánh dữ làm lành. Bản thân phải lo tu học cho tốt, ăn chay, tụng kinh, niệm Phật... làm việc thiện không hề lười mõi. Vào ngày mười bảy tháng tư, vái nguyện Ngài Thập điện Chuyển Luân Vương gia trì thêm phước phần ở kiếp sau.

11.- Đệ Thập Điện Chuyển Kiếp Sở

(Sở cho người đầu thai ở Điện thứ mười)

* Sở chuyển kiếp này trên dưới xung quanh đều có hàng rào bằng sắt, bên trong chia ra làm 81 chỗ. Mỗi chỗ đều có đình đài khang trang, có quan lại ngồi bàn làm việc. Bên ngoài hàng rào, có những con đường nhỏ “ruột dê” (quanh co), có mười vạn tám ngàn (một trăm lẻ tám ngàn) lối đi, uốn khúc quanh co dẫn đến “tứ đại bộ châu”.

*Bên trong sở, tối om như thùng sơn, chỉ thấy có một con đường để cho người đi đầu thai đi ra ngõ đó thôi. Bên ngoài nhìn vào giống như thủy tinh, chẳng chịt nhiều đường ngang nẻo dọc, có các quan lại làm việc rất bận rộn, nhưng không bao giờ có sự nhầm lẫn. Có những trường hợp xét thêm để cho thăng hay giáng. Như người khi còn sống, có lòng hiếu thảo với cha mẹ hoặc những người không sát sanh mà còn phóng sanh...làm được nhiều điều thiện, sau năm lần thẩm tra, được các “thiện quan” tâu xin cho tăng thêm hưởng

phước. Trái lại, những người sau khi thăm tra lại, phát hiện ra còn sót tội, hoặc hình phạt chưa đủ, thì sẽ tâu xin giáng bớt phước, như những người bất hiếu, sát sanh nhiều...

Những người tội nặng, thọ vào thân súc sanh, bị thay đầu đổi mặt, trở thành một trong bốn loài: cầm (chim), thú (bốn chân), ngư (cá), trùng (côn trùng), là được cho đi vào những đường nhỏ quanh co. Phạm đã thọ thân súc, thì phải trải qua rất nhiều kiếp, thai sanh thì có các thú, noãn sanh thì có sấu, rùa, rắn, chim ..., thấp sanh thì có các loài trùng bọ... Qua nhiều kiếp như thế, mới được lên làm người. Còn những quý hồn chấp nhận làm ngạ quỷ, vì không tin vào luân hồi, nhân quả, mang nặng ghi sâu những thù hận oan1 hờn, sống vất va vất vưởng, không có khái niệm về thời gian. Nếu không có những vị Bồ-Tát từ bi lập trai đàn chẩn tế và cầu siêu cho, thì vẫn mãi mãi đói khát và không có cơ hội để đầu thai kiếp khác. Ngoài ra, nếu lỡ bị đọa vào A-Tỳ địa ngục thì mãi mãi không được trở lại làm người. Như vậy, kinh nói:- “Thân người khó được”, không phải là điều nói quá

12.- Đệ Thập Điện Mạnh Bà Thần :

(Thần Mạnh Bà ở Điện thứ mười)

Vị thần tên Mạnh Bà này, sinh vào đời Tiền Hán, lúc nhỏ học Nho, sau chuyển qua học Phật. Vị này có đặc điểm là “quá khứ thì không nhớ đến, tương lai thì không nghĩ tới”, suốt đời chỉ biết khuyên người ăn chay, làm lành. Đến năm 81 tuổi mà “hạc phát đồng nhan” (tóc già như chim hạc mà mặt vẫn như người trẻ), vẫn còn là “xử nữ” (gái trinh).

Người đời chỉ biết bà họ Mạnh, nên gọi bà là “bà vú Mạnh Bà”. Bà vào núi tu Tiên, tồn tại mãi đến đời Hậu Hán.

Trước đây, vì con người sanh ra thì vẫn còn nhớ đến kiếp trước, nên nhớ và tìm đến những quyến thuộc xưa, trí nhớ vẫn tốt nên kể lại chuyện đầu thai,

làm tiết lộ thiên cơ (máy trời). Do đó, Thượng Đế mới sắc phong cho họ Mạnh làm người cai quản “Dậu khu vong đài” (đài làm quên) có các quý sứ giúp việc. Khi Điện thứ mười đã có quyết định là hồn sanh vào chỗ nào, địa vị ra sao...thì trước khi đi đầu thai, phải đến chỗ “Đài khu vong” này. Ở đây, dùng các dược vật trên thế gian, bào chế thành một loại “như rượu mà không phải rượu”, chia ra làm năm vị loại là: ngọt, đắng, cay, chua, mặn.

Các hồn được chuyển thế, phải uống loại nước này, quên đi tất cả người và sự việc, cảnh giới của đời trước. Theo thứ tự trên mà quên đi nhiều hay ít, lâu hay mau, sâu hay cạn... tùy theo công phu tu hành và phước đức của kiếp trước. Vì thế, người sanh ra, có kẻ khôn người ngu, kẻ học một biết mười, kẻ học hoài chẳng nhớ. Cũng có những người “không học mà biết” là do uống ít “thuốc quên” này vậy.

Đài khu vong ở Điện thứ mười này, nằm phía trước điện và bên ngoài của sáu chiếc cầu Nại hà. Đài to lớn khắp cả vùng đất. Số phòng có đến một trăm lẻ tám gian, hướng đông có con đường đâm thẳng vào, bề ngang hẹp chừng một thước bốn tấc (để hồn chỉ đi hàng một). Các hồn nam nữ được đưa vào từng phòng, mỗi phòng đều có bày sẵn thức uống nói trên, do nghiệp lực mà hồn cảm thấy khát nước nhiều ít mà uống nhiều hay ít. Còn hồn nào ương ngạnh không chịu uống, thì dưới chân xuất hiện một cái vòng khóa chân lại, trên cổ có một ống bằng đồng chặn đờ vào cổ, phải hả miệng ra. Chịu không nổi đau đớn nên phải uống thật nhiều mới tha.

Sau khi uống xong, có một quý sứ xuất hiện, dắt vào con đường dẫn đến chiếc cầu, bên dưới là một khe nước đỏ như máu đang chảy xiết. Đứng trên cầu, nhìn thấy phía đối diện có một hòn đá đỏ lớn, có bốn hàng chữ, mỗi chữ lớn bằng cái đầu (lít), viết như sau:

“Vi nhân dung dị, tố nhân nan,

Tái yếu vi nhân, khủng cánh nan.

Dục sanh phước địa, vô nạn xứ,
Khâu dữ tâm đồng, khước bất nan”

*Dịch:

“Là người thì dễ, làm người khó,
Muốn lại làm người, càng khó hơn.
Muốn sanh đất phước, không tai nạn
Thì miệng giống tâm, chẳng khó gì”

*Lúc hồn đang đọc mấy hàng chữ này thì bên phía cầu bên kia, xuất hiện hai con quỷ lớn từ dưới rả nước bay lên. Một con thì đầu đội mũ “ô sa”, mình mặc áo gấm, tay cầm giấy bút, vai mang đao bén, lưng có đeo hình cụ, trợn tròn cặp mắt, cười to ha hả... Quỷ này tên là “Hoạt Vô Thường” (sanh không định trước). Một tên nữa thì mặt mày đầy máu, mình mặc áo trắng, tay cầm bàn toán (bàn tính), vai vác bao gạo, trên ngực có dán tờ giấy, hai cặp chân mày nhăn lại, than dài thở vắn. Quỷ này tên là “Tử Hữu Phận” (chết có phần sẵn). Hai tên quỷ này nắm chân hồn lôi kéo xuống dòng nước đỏ, tùy theo phước nghiệp mà đèo xuống cạn sâu. Cạn thì được hưởng phước, sâu thì phải chịu đọa đày. Hồn lúc này ngơ ngơ ngác ngác, chẳng còn biết gì nữa, cứ lo ngóc đầu lên, thì chốc lát đã chui ra khỏi “tử hà xa” (bào thai, tử cung) của bà mẹ, khóc lên ba tiếng “tu-ôa”. Kế rồi lớn lên, ham ăn hốt uống, mê mãi theo đời, mê muội “Như Lai Phật Tính”, quên hết ơn Trời, Phật, Thánh, Thần, chẳng nhớ làm thiện mà cứ theo đường ác, đến mãn kiếp lại trở về với hồn ma bóng quỷ như lần trước. Thật là tội nghiệp thay cho thân phận người không biết tu hành để giải thoát!

Các việc kể trên là do một vị thư lại, làm việc ở “Khu vong đài” theo lệnh Ngọc Đế ghi chép lại trong Ngọc Lịch, để phổ biến khắp cả cho thế nhân biết

mà lo tu hành, cầu đạo giải thoát.

13.- Uông Tử Thành:

*Đại Đế Phong Đô nói:

“Uông Tử Thành nằm về bên phải của Điện thứ mười. Thế gian hay lầm nghĩ rằng, những người bị tai nạn chết bất ngờ đều phải vào trong thành này. Nếu điều đó là thật, thì những người chết oan chết ức đều là tốt hết cả sao? Cho đến vẫn còn thấy rất nhiều oan hồn chưa tiêu hết phần hận, những kẻ tự tử, những kẻ bị hại... vẫn còn đang chịu sự hình phạt trong các địa ngục, chưa biết ngày nào được đi đầu thai.

Vào trong Thành Uông Tử này, chỉ có những người “Trung hiếu tiết nghĩa, xả thân vì nước (tận trung báo quốc), hoặc tử tiết thành thân. Vì chết bất ngờ nên chưa kịp định kịp, phải tạm thời ở đây, chờ ngày để đầu thai nơi phước địa hoặc được phong thần. Như vậy, đây là nơi dành riêng cho những người tốt ở tạm chờ xét. Đó mới đúng là nghĩa của Uông Tử Vây.

14.- Huyết Ô Trì:

*Huyết Ô Trì, tức là cái ao bị vẩn đục do máu gây nên.

Ao này nằm phía sau, bên trái của Điện thứ mười. Người thế gian hiểu sai về ý nghĩa của nơi đây là do từ một vị Đạo Cô đã giảng sai lúc xưa. Vị ấy nói những người đàn bà trên thế gian, khi sanh nở máu huyết làm ô uế đất cát nên phải mang tội, lúc chết bị xuống đây, điều đó là không đúng.

Chỉ là trường hợp những người nữ khi sanh đẻ, bị trục trặc lâm nạn mà chết, vua Diêm Vương không xét tội của người chết đang ô uế, nên mới cho đến đây. Chờ cho đủ mười ngày, người ấy đã tỉnh táo, tắm rửa sạch sẽ thay đổi quần áo rồi mới cho lên điện để xét xử. Còn về việc làm ra sự ô uế, nếu có, thì người sản phụ chỉ chịu bảy phần, người gia trưởng của nhà đó phải

chịu ba phần trách nhiệm, chứ không thể đổ hết tội lỗi cho sản phụ.

Vào trong ao này, đúng nghĩa là những người bất luận là nam hay nữ, khi sống đã phạm tội giao hợp với nhau mà không kiêng chỗ thờ phượng trời Phật thánh thần. Cũng không chịu kiêng cử vào những ngày vía, giờ kiêng. Thí dụ như ngày 14, 15 tháng năm; ngày mùng 3 và 13 tháng tám; ngày mùng 10 tháng mười. Năm ngày ấy gọi là “Chướng tử giới nhật” (ngày kiêng của việc tạo ra con). Phạm vào những ngày này, có thể bị thần trừng phạt mắc ác bệnh mà chết. Sau khi đã thọ xong hình phạt ở các ngục vì tội khác rồi, mới đưa đến đây để bắt họ trầm mình dưới ao này, chẳng cho lên bờ.

*Lại có những kẻ hoặc nam hoặc nữ có tánh hiếu sát bừa bãi, lại bắt cần để cho máu vương vãi, dính vào bếp táo, nơi điện thờ thần thánh Phật, hoặc sách vở thánh hiền, kinh điển, hoặc chén đĩa ở bàn thờ...thì đều phạm tội.

Những người này phải chịu sự hình phạt ở các điện về tội khác xong rồi mới đến đây để chịu phạt trầm mình dưới ao không cho ngóc đầu lên. Muốn hóa giải tội này, người thân ở dương thế phải ăn chay làm lành, thệ nguyện giới sát và làm hạnh phóng sanh. Làm đủ phước rồi còn tụng thêm “Huyết Ô Kinh Sám” (Kinh sám hối huyết ô) thì phạm nhân mới được giải tội để đi đầu thai.

*Lại có những kẻ nam nữ ở thế gian, khi thấy có người bị nạn mình có thể cứu được mà lại không chịu cứu, hoặc thọ ơn người mà đã không chịu đền đáp lại còn tính kế mưu hại người ơn, cũng phải chịu tội ở ao này. Trường hợp những người nói trên sau đó phát tâm tu hành tích lũy công đức rất lớn, thì khi chết có thể được miễn hình phạt huyết ô, nhưng vẫn phải chịu quả báo thành ra các loài quỷ như:- ly, my, vọng, lượng, sơn yêu, mộc khách, thủy quái, cương thi (thây ma cứng biết đi), hồn vất vương đây kia, hoặc nhẹ thì cũng gá tánh linh vào những loài chồn, cáo, gấu, beo, cá sấu, rắn... hàng trăm năm, nếu biết ăn năn tu tỉnh mới được đầu thai, còn nếu không chuyển hóa được trong tâm thì vẫn mãi mãi trụ ở tình trạng như thế.

*Một điểm nữa là, ở thế gian cũng hiểu sai về việc tin có “Thần giữ của”. Thực ra, đây chẳng phải là thần thánh gì cả, mà chỉ là hồn ma của người lúc sống có chôn cất số của cải tài sản nào đó, khi chết vẫn quyến luyến bám theo tài sản để giữ của. Nếu có ai đến đào lấy, họ sẽ hiện thành ma quỷ hù nhát người đào, khiến cho người ấy có thể vì quá sợ hãi, sinh bệnh mà chết. Những loại âm hồn kiểu này, chẳng kể là dân giả hay nho sĩ quan lại gì cả, nếu có tách tiếc nuôi của cải tài sản đều trở thành “ma giữ của”. Muốn hóa giải nghiệp này, chỉ có cách tốt nhất là mời thỉnh những vị đạo cao đức trọng, những vị chân tu có đạo lực, đến tổ chức trai đàn cầu siêu, thuyết pháp cho họ nghe hiểu giác ngộ lẽ vô thường của thế gian. Chính cái thân của mình còn không giữ được, huống nữa là tài sản của cải là những thứ từ ngoài vào, làm sao có thể giữ ch được. Nhờ vậy, họ mới tỉnh ngộ mà phát tâm tu hành, chuyển hóa đầu thai kiếp khác.

*Nếu không có được những vị đạo cao đức dày khuyến hóa, thì người thân có thể tổ chức những buổi cầu siêu, những dịp chẩn tế tập thể thật long trọng, cứu giúp được nhiều người. Sau đó, thành tâm hồi hướng tất cả công đức làm ra “cho tất cả sanh linh được sớm thành Phật đạo”. Được vậy mới khả dĩ hỗ trợ người thân mình thoát khỏi nạn “giữ của” này.

*Trường hợp những người vì mạng lệnh nhà vua mà phải lên đường chinh chiến, bất đắc dĩ phải chấp hành, nhưng trong lòng không muốn. Trong lúc làm lính bất đắc dĩ đó, vẫn luôn thương yêu giúp đỡ bạn bè đồng đội, tranh bắn giết bừa bãi dân chúng vô tội ...nếu chẳng may bị chết, thì được miễn những hình phạt của các ngục. Đến điện thứ nhất xem xét nghiệp lực rồi chuyển thẳng để điện thứ mười cho đi đầu thai vào nơi phước địa. Còn nếu, lỡ vào quân ngũ mà lại sanh tâm hiếu sát, bắn giết bừa bãi...thì khi chết sẽ gia thêm hình phạt và thời gian gấp đôi. Thế gian hãy ghi nhớ mà làm!

15.- Hắc Bạch Vô Thường:

*Câu “sanh không biết kỳ, tử lại có hạn” nói lên quan điểm nhận thức của người đời đối với việc sống chết. Còn đối với hai vị “Hắc Bạch Vô Thường” thì ai ai cũng sợ hãi, cho là hai con quỷ hại người. Ấn tượng của thế gian là, Hắc vô thường là mặc áo đen, Bạch vô thường là mặc áo trắng. Một hôm nào lỡ gặp hai vị này thì có nghĩa là số mạng đình chỉ!

Nhưng có số sách vở nói rằng, đừng nên sợ hãi khi gặp hai vị Hắc Bạch này, lúc đó chỉ cần bình tĩnh, thành tâm cầu bái và xin hai vị cho mình “bất cứ món đồ gì”, nhất định về sau sẽ “đại phú quý”! Cho nên, trên bàn thờ của một số đoàn hát kịch ở một vài địa phương có thờ hai vị Hắc Bạch Vô Thường chung với Thần Tài, mà chiếc mào trên đầu hai vị có ghi câu “Nhất kiến sinh tài” (một lần thấy ta ắt có tiền).

(Hết phần Thập điện Diêm La vương)

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Thiên Hậu Nương Nương

Thiên Hậu Nương Nương

Ở trong biển Đông Nam (Hải) có dãy đảo đá nhỏ tên là My Châu, thuộc huyện Bồ Điền, phủ Hưng Hóa, tỉnh Phước Kiến. Núi thành vòng bao quanh biển, phong cảnh vô cùng mỹ lệ. Dân sống trên đảo không nhiều, hầu hết đều hành nghề đánh bắt cá. Người dân thật thà chất phác siêng năng.

Vào thời Ngũ Đại thập quốc (khoảng năm 943), có Ông Lâm Nguyên làm chức Đô Tuần Kiểm, là thuộc hạ của Mân Vương Vương Đình Chính. Tổ tiên đời đời làm quan, cưới vợ dòng dõi hoàng tộc. Lâm Nguyên đến tuổi già về hưu trí tại làng Hồng Loa đảo My Châu phủ Bồ Điền Phước Kiến. Do vì ông bà thường làm công việc từ thiện bố thí, nên dân chúng gọi là “Lâm thiện nhân”. Hai ông bà ăn ở với nhau hạ sanh được sáu người con, một trai năm gái. Con trai tên Lâm Hồng Nghị thì thân thể bạc nhược yếu ớt đau ốm hoài. Ông bà tự nghĩ chắc mình kém phước đức nên chay lạt hằng ngày, luôn hướng về Bồ Tát Quan Thế Âm để cầu nguyện van vái cho được đứa con trai khác khỏe mạnh. Một đêm nọ, bà Lâm đang ngon giấc, mộng thấy đức Quan Âm mang đến cho bà một hoàn thuốc bảo bà hãy uống. Bà vâng lời uống hoàn thuốc này thì giật mình tỉnh dậy. Ít lâu sau, bà biết mình có thai.

*Năm Kiến Long thứ nhất (năm 960) đời vua Bắc Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận, ngày 23 tháng ba vào lúc hoàng hôn, trên thiên không có mây trời năm sắc, từ hướng Tây bắc có một đạo hào quang bay thẳng vào phòng của Bà Lâm làm sáng rực cả nhà, trong nhà có mùi hương lạ tỏa lan khắp nơi. Lúc ấy, bà Lâm cảm thấy đau bụng và nhẹ nhàng sanh ra đứa con thứ bảy.

Ông bà nhìn thấy đứa trẻ sanh ra lại là con gái thì hơi thất vọng, nhưng quan sát kỹ thì đứa nhỏ này không giống như những trẻ mới sanh khác, vả lại, đây là đứa trẻ do Quan Âm Bồ Tát ban cho, nên đôi buồn làm vui. Đặc biệt nhất là khi sanh ra, đứa bé chẳng những không khóc mà lại nhoẻn miệng cười. Ông bà đặt tên cho trẻ là Lâm Mặc Nương.

* Khi Lâm Mặc Nương được bốn, năm tuổi, có lần đi theo cha đến núi Phổ Đà ở Định Hải, Chiết Giang để du ngoạn. Khi Lâm Mặc Nương nhìn thấy tượng Bồ Tát Quan Thế Âm, thì cô nhìn không chớp mắt. Mãi thật lâu, hình như có một sự cảm ứng kỳ diệu từ Bồ Tát thấm vào cô Lâm. Từ đó, cô bỗng nhiên có được khả năng lạ lùng là biết trước những điều cát hung họa phước của người khác, giúp cho họ tránh được tai nạn hung hiểm.

* Đến tám tuổi, cô Lâm đã đọc được được nhiều sách kinh sử, lại còn giải nghĩa thông suốt đạo lý trong sách, khiến mọi người nể phục. Sách nào chỉ cần xem qua liền nhớ đầy đủ, cô lại chăm chỉ vui vẻ thắp hương lễ Phật hàng ngày không trễ nãi.

* Năm 13 tuổi, cô bái đạo sĩ Huyền Thông làm thầy để học pháp thuật và được truyền thụ “huyền vi bí pháp”, có thể trị bệnh cứu người.

* Đến 15 tuổi, lại được một vị tiên dạy cho “Đồng phù” và các pháp trừ tà trị bệnh, cứu giúp cho rất nhiều người mắc bệnh khó trị.

Thời gian ấy, cô lại tăng thêm những sức cảm ứng khác tăng thêm năng lực lớn mạnh, bệnh nhân gần xa trong ngoài thành trấn ... đề kéo đến xin cô cứu chữa những bệnh ngặt nghèo đều lành, lại còn nói thêm cho biết những điều họa phước để họ tránh tai nạn và gia tăng lòng hướng thiện làm lành.

* Ngoài những tài năng chữa bệnh và dự đoán cát hung nói trên, cô Lâm còn một năng lực siêu phàm đặc biệt khác là “cứu người bị chìm”.

Những ngư dân khi đi ra biển không sao tránh khỏi giông bão, nhiều khi tàu thuyền còn bị nhận chìm, sự chết chóc xảy ra thường xuyên. Nhưng dạo ấy, những ngư dân trong vùng bị nạn chìm thuyền đều thoát nạn trở về nhà an toàn. Những người ấy kể lại rất giống nhau một sự kiện lạ lùng là:- “khi tàu thuyền bị nhận chìm, người bị rơi xuống biển, bỗng nhiên thấy một vị nữ nhân mình mặc áo đỏ, đứng trên một tấm chiếu bằng cỏ, từ xa lướt sóng tới, nắm tay kéo người bị nạn vào bờ an toàn. Sau đó thì không thấy vị hồng y đâu cả. Nhiều lần xảy ra như thế, những nạn nhân này bảo rằng, trong lúc nguy cấp, chợt nhớ tới và khẩn vái Lâm Mặc Nương nên được cứu thoát nạn chết. Từ đó, người ta tôn xưng cô Lâm là “thần nữ” hoặc “long nữ”.

* Năm 16 tuổi, có một lần, cô Lâm bị té xuống giếng sâu, người nhà kinh hãi hô la cầu cứu. Khi đứ được cô lên, thì lạ lùng thay, mình mẩy của cô đã chẳng bị ướt chút nào, mà hai tay cô lại có cầm hai tấm “Đồng phù” (bùa vẽ trên miếng đồng). Từ khi cô được hai tấm bảo vật này, cô chăm chú rèn luyện theo đó. Chẳng bao lâu, cô trở nên thần thông quảng đại pháp lực vô biên, có thể trị lành muôn bệnh nan y. Cô xin đi vân du bốn phương để cứu đời. Thanh danh của cô ngày càng lừng lẫy, thiên hạ đều biết.

* Năm 17 tuổi, có lần chiếc tàu buôn đang vào cập bến cảng My Châu, thì chẳng may sóng to ập đến, làm chìm. Tiếng hô la cầu cứu inh ỏi. Cô Lâm xuất hiện, nhắm hương chiếc tàu ném ra một số cỏ, khi cỏ chạm nước bỗng hóa thành những khúc cây to nổi trên mặt nước. Số thuyền nhân nhờ bám vào đó mà được cứu thoát chết, cảm tạ ân đức “Thánh Mẫu” khôn cùng.

* Năm 19 tuổi, một ngày nọ cô Lâm đang nằm ngủ trên ghế bố, mộng thấy cha và anh cô đi trên chiếc thuyền giữa biển cả, bị sóng to gió lớn đánh chìm. Cô phi thân bay đến chỗ nạn, miệng ngậm dây nịt của cha tay xách người anh bay vào bờ. Nhưng ngay lúc ấy có tiếng kêu của bà mẹ, cô hốt hoảng mở miệng và buông tay ra thì cha và anh cô bị rơi xuống biển. Tỉnh giấc, cô khóc lóc kể lại sự việc chẳng lành ấy cho mẹ nghe, nhưng bà mẹ cho

rằng việc mộng寐 không đáng tin. Không ngờ, chỉ mấy ngày sau là gia đình nhận được hung tin là cha và anh cô đã bị đắm tàu, đúng vào ngày giờ cô nằm mộng. Gia đình chỉ còn có cách đến chùa lễ Phật cầu siêu cho cha và anh cô thôi.

* Năm 20 tuổi, khu vực Bồ Điền lâm vào cảnh đại hạn, trải qua thời gian dài mà không có giọt mưa nào. Ao hồ giếng nước đều khô cạn, cây cối chết khô, người và súc vật cũng bị chết rất nhiều. Cô Lâm đến dinh quan huyện, đề nghị tổ chức lễ “cầu mưa” do cô chủ trì. Sau buổi lễ, quả nhiên có mưa rào đổ xuống, cứu cả vùng đất khô hạn thoát khỏi nạn tai. Người người đều không ngớt xúm đến bái tạ thâm ân của “Thánh Mẫu”.

* Năm 22 tuổi, ở phương tây bắc xuất hiện hai tên ác thần, tên là “Thiên lý nhân” và “Thuận phong nhĩ”, làm hại rất nhiều dân chúng. Sau đó, hai tên này bị “Thánh Mẫu” thu phục tại núi Đào Hoa, cải tà qui chánh, thành ra hai tên cận vệ tả hữu của Thánh Mẫu. Từ đó, Ngài có thêm lực lượng hùng mạnh để cứu độ nhiều người. Hiện nay, chúng ta thấy trong các Miếu Thờ Thánh Mẫu đều có hai tượng đứng hai bên Thánh mẫu, đó chính là Kim Vương Thiên Lý Nhân và Liễu Vương Thuận Phong Nhĩ đó vậy. Tượng Thiên Lý Nhân mặt xanh có nanh vuốt ghê sợ, có năng lực nhìn xa ngàn dặm, thấy được người bị nạn để cứu. Còn Thuận Phong Nhĩ mặt đỏ, cũng có nanh vuốt, thì tai có thể nghe được ngàn dặm, nghe tiếng cầu cứu của nạn nhân. Hai vị này ở hai bên, giúp Thánh Mẫu thấy nghe chúng sanh bị nạn mà ứng hiện đến cứu giúp.

* Năm 26 tuổi, Phước Kiến bị mưa gió liên miên từ xuân sang hè, nước lũ tràn lan, cuốn trôi nhà cửa súc vật, tổn hại rất lớn. Còn dân chúng thì không còn gạo để ăn, không có nơi chốn để ở. Quan địa phương đến trình xin Thánh Mẫu cứu giúp. Mẫu bảo:- “Lành thay! Lành thay! Trời gieo rắc tai họa này là bởi do vì con người đã gây tạo ra quá nhiều tội ác. Nay ta phải thay dân mà chịu tội với Trời vậy!”. Nói rồi, bà lập đàn đốt hương cúng tế thiên địa, xin

gánh lấy tất cả tội lỗi của người, miễn cho chúng sanh tai nạn thảm khốc này!”. Sau đó, quả nhiên có trận gió nổi lên thổi tan hết mây mù đen phủ bầu trời, mưa ngừng gió lặng. Chợt thấy có một con giao long từ dưới nước bay vọt lên trời biến mất. Dân chúng thoát khỏi nạn lớn, cúng tạ ân đức cao dày của Thánh Mẫu.

*Năm Ung Hy thứ tư đời vua Tống Thái Tông (năm 987), ngày mùng tám tháng 9, Lâm Mặc Nương nói với người nhà rằng:- “Ngày mai là Tiết Trùng Dương (9/9), ta sẽ “lên cao”, rời bỏ trần gian bụi bậm ồn ào này!”. Mọi người nghe nói, cứ nghĩ rằng, theo phong tục dân gian, ngày Trùng Cửu (9/9) người ta thường hay leo núi để du ngoạn, đó là chuyện thường tình, chẳng ai lưu ý.

Sáng sớm hôm ấy (9/9), Lâm Mặc Nương tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới, đi ra ngoài. Khi leo lên đến đỉnh núi ở My Châu, bỗng nhiên nàng đạp lên mây mà đi, giống như đi trên đất liền vậy. Lúc ấy, có mây năm sắc giăng đầy, hào quang sáng rực, một đôi Kim Đồng Ngọc Nữ hiện ra, nghênh tiếp Lâm Mặc Nương bay vào trời xanh mất dạng.

*

Người làng nhớ ơn Bà, xây dựng Miếu Thờ, tôn xưng Bà là “Thông Hiền Linh Nữ”.

Năm Tuyên Hòa thứ tư đời vua Tống Vi Tông, ông Doãn Địch phụng mệnh vua đi sứ sang nước Cao Ly (Triều Tiên). Ông bị sóng to gió lớn nổi lên suýt nhận chìm thuyền ngoài biển, may nhờ có Thánh Mẫu hiện ra bảo hộ mới thoát chết, hoàn thành nhiệm vụ trở về bình an. Do đó, Bà được triều đình sắc phong lần thứ nhất là Thần Nữ. Nhà vua lại truyền chỉ xây dựng ngôi Miếu Thờ và sắc ban cho tám biển đề “Thuận Tế Cung”.

-Năm thứ năm Tống Tuyên Hòa phong làm “Nam hải Thần Nữ”.

-Đời Tống Cao Tông phong làm “Sùng Phước Phu Nhân”.

-Năm Thiệu Hưng thứ 29 đời Tống Cao Tông lại tái phong “Sùng Linh Huệ Chiêu Ứng Phu Nhân”

-Tống Quang Tông phong làm “Linh Huệ Phi”.

*Năm Chí Nguyên thứ 18 đời vua Nguyên Thế Tổ, Thánh Mẫu hộ độ cho đoàn thuyền vận lương bình an, nên nhà vua phong làm “Hộ Quốc Minh Trước Thiên Phi”.

* Năm Hồng Vũ thứ nhất đời Minh Thái Tổ, Thánh Mẫu hộ độ cho đoàn thuyền chở đá xây cung điện được bình an, nên vua Minh Thái Tổ phong cho bà là “Thiệu Ứng Đức Chính Linh Ứng Tử--Tế Thánh Phi Nương Nương”.

*Đời Minh Thành Tổ gia phong “Hộ Quốc Tỳ Dân Phổ Tế Thiên Phi”.

*Triều đại nhà Minh, Thánh mẫu nhiều lần hiển linh cứu nạn vô số ngư dân vùng Thiệu Ứng. Năm Vĩnh Lạc đời Minh thành Tổ, hiển linh cứu nạn cho Bá Hộ Hầu Quách Bảo. Năm Thành Hóa đời vua Minh Hiến Tông, hai lần hiển linh cứu nạn cho Cấp Sự Trung Trần Tuân đi sứ sang Nhật Bản. Năm Gia Tĩnh thứ 13 đời Minh Thế Tông hiển linh cứu nạn cho Cấp Sự Trung Tứ minh Trần Khản khi đi sứ sang đảo Lưu Cầu.

*Ngoài ra, nhiều đoàn tàu đánh cá vùng duyên hải Phước Kiến, được Thánh mẫu hiển linh cứu thoát hải nạn trở về, đều đóng góp trùng tu Miếu Thờ rất khang trang đẹp đẽ.

*Cuối đời Minh đầu nhà Thanh, Ông Trịnh Thành Công suất lĩnh bộ hạ, quyết vượt biển Việt hải để thu phục Đài Loan. Khi đoàn thuyền đi đến Lộc Nhĩ Môn thuộc Đài Nam, chẳng may gặp lúc nước ròng bất ngờ, không thể tới lui được. Ông Trịnh khẩn vái Thánh Mẫu thì được bà hộ độ cho nước triều dâng lên nhanh, ông mới đánh thắng giặc Hà Lan, chiếm lại được đảo Đài

Loan. Vì thế, vào tháng chín năm Vĩnh Lịch thứ 16, ông huy động lực lượng xây dựng ngôi Miếu thờ Thánh Mẫu tại Lộc Nhĩ (đây là ngôi miếu thờ bà trước tiên ở vùng Đài Loan) để đáp tạ công đức cứu nạn khi trước.

*Năm Khang Hi thứ 19, phong bà là “Hộ Quốc Tý Dân Diệu Ứng Thiệu Ứng Hoảng Nhân Phổ Tế Thiên Phi”.

*Năm Khang Hi thứ 22, quan Tỉnh Hải hầu Thi Lang tướng quân khi tấn công Đài Bành, được Thánh Mẫu “thần linh hiển ứng” hộ trợ ông lập được kỳ tích, nên khi ban sư trở về triều, ông đã khải tấu cho vua sự việc đó. Do vậy, năm Khang Hi thứ 23, nhà vua sắc phong Lâm Mặc Nương làm “THIÊN HẬU”. Sau lại gia phong làm “THIÊN THƯỢNG THÁNH MẪU” và hạ chiếu cho các quan địa phương Mu Châu lo việc cúng tế hàng năm trọng thể, lại xuất công khố trùng tu Miếu Thờ.

*Đời Thanh Thánh Tổ, gia phong Ngài làm “THIÊN HẬU NGUYÊN QUÂN THÁNH MẪU NƯƠNG NƯƠNG”.

*Năm Ung Chính thứ tư đời nhà Thanh, lại xuất công khố trùng tu Miếu Thờ và phái sứ giả thay mặt cho vua đến My Châu cúng tế.

*Có vô số Thiên Hậu Cung ở khắp mọi nơi, nhưng đặc biệt về quy mô và tính lịch sử lâu đời thì chỉ có ngôi Miếu ở My Châu Bồ Điền Phước Kiến là to lớn và xưa nhất, được xây dựng từ năm Ung Hi thứ tư đời bắc Tống, đến nay đã trải qua hàng ngàn năm. Khi mới xây dựng, thì cũng nhỏ thôi, nhưng trải qua các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh nhiều lần trùng tân, nên trở thành vô cùng phú lệ đường hoàng. Tiếng tăm của nó đã lừng vang khắp nơi, xưa nay xa gần đều nghe đến đại danh của ngôi “danh lam thắng tích ở My Châu” này.

*Ngày thánh đàn của Thánh Mẫu là ngày hai mươi ba tháng ba âm lịch. Vào ngày này, tất cả ngư dân khắp nơi đều tề tựu về My Châu để triều bái

Thánh Mẫu. Riêng ở đảo Đài Loan từ xưa đã có thành lập một đoàn người đại diện đi cúng tế, lấy tên là “Đoàn hành hương cúng tế Thánh mẫu ở My Châu”, có năm lên đến cả ngàn người.

*Ngày nay, Đài Loan vẫn giữ phong tục thờ cúng Thánh Mẫu tổ chức hằng năm với “lễ rước tượng Bà đi vòng quanh đảo” vào ngày mười chín tháng ba âm lịch.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Thổ Địa

Phước Đức Chính Thần

(Thổ Địa Công)

Thổ Địa là vị thần thủ hộ về đất đai nhà ở. Danh xưng chính thức của Ngài là “Phước Đức Chính Thần”. Trong dân gian còn xưng là “Hậu Thổ”, “Xã Thần”, “Xã Công”, “Bá Công”, “Thổ Địa” hoặc “Phúc Thần”. Ở các nơi thờ phụng ngoài trời hay Miếu Vũ thì tôn xưng là “Phước Đức Chính Thần”.

*Đất nước chúng ta (TQ) từ xưa lấy nông nghiệp làm gốc, cho nên trăm họ đều coi trọng đất đai, vì có đất mới có thể sản xuất ra ngũ cốc để ăn mà sống. Vì thế, đối với đất đai có sự biết ơn rất lớn, từ đó, sinh ra tâm lý sùng bái và sáng tạo ra một vị thần đất để thờ phụng. Thổ Địa Công hiện hữu là như vậy.

*Đời nhà Châu, cứ 25 nhà thì gọi là một xã. Mà đã lập ra xã, thì hàm nghĩa là đã có “đất”. Thế nên sau khi lập thành xã, thờ vị thần đất gọi là “Thổ Địa Công”. Mỗi xã lập ra một cái “đàn” để cúng Thổ Địa, cầu cho trúng mùa no ấm.

*Theo truyền thuyết thì Thần Hậu Thổ là vị chương quản hết tất cả đất đai chung cả nước, vậy Thổ Địa Công là vị coi sóc vùng đất nhỏ của địa phương nào đó. Phạm người lúc sống mà có công đức với vùng đất nào đó, thì khi chết được phong làm Thần Thổ Địa. Sở dĩ Thổ Địa được tôn xưng là “Phước Đức Chính Thần” là vì lúc xưa, các tụ lạc gọi là “Xã” và gọi thần Thổ Địa là “Xã Công”. Lúc mới bắt đầu thờ thì còn rất là trừu tượng, về sau mới nhân

cách hóa bằng hình ảnh hai vợ chồng, gọi là Xã Công và Xã Mẫu, cũng gọi là “Thổ Địa Công” và “Thổ Địa Bà”. Đó là vị thần tượng trưng cho đạo nghĩa của đất nước. Vì thế, Thổ Địa là vị thần đứng đầu trong hàng các thần được thờ cúng.

*Ngày xưa, việc cúng tế trời đất chỉ dành riêng cho vua chúa mới được cúng, gọi là “Xuân Thu nhị tế” (cúng vào hai mùa Xuân Thu). Do đó, dân gian mới tạo ra hình tượng Thổ Địa Công để nói lên sự biết ơn đối với đất đai trồng trọt mà khỏi phạm vào luật cấm của vua quan.

Đất nước ta (TQ) theo nông nghiệp là chính, nên trước khi vào vụ trồng cấy, cúng vái Thổ Địa phù hộ cho trúng mùa, đến lúc thu hoạch thì cúng Thổ Địa để tạ ơn được mùa. Lần đầu cúng gọi là “Xuân kỳ”, lần sau cúng gọi là “Thu báo”.

-Ngày xưa, lễ “Thu báo” thường là vào ngày rằm tháng tám, tức là lúc đã thu hoạch xong mùa vụ, vừa cúng tạ ơn trúng mùa, vừa cầu xin phước lộc với Ngài “Thổ Địa Công”. Có lẽ đây là nguồn gốc của Tết Trung Thu ngày nay vậy.

*Việc sùng bái Thổ Địa phát triển mạnh vào thời Minh Thái Tổ. Theo “Lang Nha Mạn Sao” nói rằng, Minh Thái Tổ sinh ra đời trong một cái Miếu Thổ Địa, cho nên thời nhà Minh, số lượng Miếu Thổ Địa tăng rất nhiều, không nơi nào là chẳng có.

*Việc tạo ra hình tượng Thổ Địa Công cũng nói lên được những nét đặc thù về chức trách của Ngài. Đó là một ông già râu tóc bạc trắng, tay cầm gậy tượng trưng cho sự gìn giữ đất, một tay cầm khối vàng hoặc ngọc như ý, là nói đây là Thần Tài của vùng đất. Nếu nơi nào có được những người đỗ đạt trạng nguyên, tiến sĩ (ngày nay là hương trưởng, huyện trưởng) thì Thổ Địa nơi đây có thêm chiếc “mão quan”.

*Trong dân gian, ngoài việc thờ Thổ Địa Công làm thần đất, còn thờ thêm Tài Thần và Phúc Thần, vì dân gian tin rằng, hễ “có đất là có tiền”, do đó, Thổ Địa Công được các thương gia tôn làm “thần thủ hộ”.

Truyền thuyết nói rằng, Ngài ngoài chức trách giúp cho nông dân trúng mùa, còn thêm chức năng trấn yểm quỷ thần, giải trừ xua đuổi ác ma. Vì thế, dân gian hay đến miếu để thỉnh Ngài về nhà trừ tà ma yêu quái. Về sau mới phát triển dần đến việc mỗi nhà đều có thờ “Ngũ Thần” trong đó có Thổ Địa Công. Còn nhà nào không thờ Thổ Địa thì mỗi tháng vào ngày mùng hai và mùng sáu. Bày hương án ra trước cửa cúng vái Thổ Địa Công, từ đó hình thành tập quán cúng Thổ Địa vào hai ngày sau ngày sóc (mùng 1) và ngày vọng (ngày rằm) (tức là ngày mùng 2 và ngày 16) (*Ngày nay trở thành cúng cô hồn chiến sĩ-ND)

*Hình tượng thờ Thổ Địa thường là một vị đầu đội mũ, hai bên mũ có hai tua phủ xuống đến vai. Mặt vuông mà đầy đặn, hai mắt hơi híp, tóc bạc râu dài bạc, dáng dấp hiền hòa dễ thương. Mình ngồi ghế “thái sư”, tay phải cầm ngọc như ý hoặc cầm trượng, tay trái nắm “khối vàng”, hai vai là đầu và đuôi rồng thêu trên áo lộ ra, bụng to nổi lên rất đẹp, hai chân buông xuống theo thể tự nhiên. Trong ý tưởng của dân gian hai âm “phúc” (bụng) và “phúc” (trong phúc đức) là giống nhau, cho nên người ta dùng hình tượng “bụng to” để nói lên sự “được phúc lớn”.

*Truyền thuyết về Thổ Địa Công rất nhiều:

1.- Phước Đức Chính Thần họ Trương tên Phước Đức, sanh vào ngày mùng hai tháng hai đời Chu Vũ Vương năm thứ hai. Từ nhỏ, tỏ ra thông minh và rất hiếu thảo. Đến năm 36 tuổi, làm quan thu thuế của triều đình. Ông rất liêm chính, thương xót bá tánh khổ sở, nên đã tâu xin giảm nhiều hạng mục thuế vụ, dân chúng rất sùng kính. Đến năm thứ ba đời Chu Mục Vương thì từ trần, thọ một trăm lẻ hai tuổi. Chết đã ba ngày mà mặt không đổi sắc, có một nhà nghèo kia đem bốn tảng đá lớn xây thành ngôi nhà bằng

đá để thờ phụng ông. Chẳng bao lâu sau, nhà nghèo kia trở nên giàu có, mọi người đều tin là do thần ân hộ trì, nên chung lại mà xây thành Miếu Thờ, lễ lạy kim thân Ngài. Những người buôn bán thường đến cúng bái, được Ngài gia hộ nhiều may mắn. Vị quan thu thuế thay Ngài rất tham lam, bóc lột nhân dân thậm tệ, ai nấy rất oán giận. Do đó, người ta tưởng nhớ đến lòng tốt của Trương Phước Đức thêm nhiều, và miếu thờ của Ngài trở thành Miếu Thờ “Phước Đức Chính Thần”.

*Lại có một truyền thuyết khác, vào đời Thương, Chu, vị quan thượng đại phu ở triều đình, trong nhà có một tên đầy tớ họ Trương tên Minh Đức. Người con gái nhỏ của quan đại phu nhớ cha, nhờ người đầy tớ họ Trương này ẩm đi thăm cha. Nhưng trên đường xa, ngày nọ bỗng trời đổ tuyết xuống rất nhiều, đứa con gái nhỏ sắp chết cứng, nhưng nhờ họ Trương xả thân lấy hết quần áo ủ ấm cho bé gái thoát chết, còn bản thân anh ta thì bị chết vì lạnh lúc quay trở về nhà. Khi người nghĩa bộc vừa chết, trên không trung bỗng hiện ra tám chữ “Nam Thiên Môn Đại Tiên Phước Đức Thần”. Mọi người lấy làm kinh dị, cho rằng thiên đình đã phong chức cho người nghĩa bộc họ Trương. Còn vị quan đại phu cảm niệm ơn đức cứu mạng con mình, đã cho xây Miếu Thờ. Đến đời Chu Vũ Vương được người đời tặng là “Hậu Thổ”, cho nên Thổ Địa Công mới có danh hiệu “Phước Đức Chính Thần”.

*Cũng có truyền thuyết nữa là, vua Tần Thủy Hoàng bạo ngược, bắt dân xây dựng Vạn Lý Trường Thành, người chồng của nàng Mạnh Khương tên Hàn Kỳ Lang cũng bị bắt đi làm xây (sưu), chẳng may bị chết dưới thành. Nàng Mạnh Khương đi tìm xác chồng nhưng không gặp, liền khóc đến nổi lật cả tường thành lên, hiện ra vô số bộ xương người, không có cách nào biết được xương của ai. Có một lão ông xuất hiện bảo: “Trích máu của người vợ nhỏ vào xương, nếu xương nào hút máu cực nhanh, thì đó là xương của chồng. Nếu tìm được xương của chồng cô rồi, tôi nguyện làm người giữ mộ”. Nàng Mạnh Khương nghe theo, quả nhiên nhận ra hài cốt của chồng, cùng ông lão đem chôn cất. Ông giữ lời hứa, ở mãi nơi đó giữ mộ đến cuối đời. Từ

đó có truyền thuyết về “hậu thổ” là vì thế.

*Trong sách “Lễ Ký—Giao Đặc Tính” có ghi:

“Người gia chủ là “trung lự”, tức là người đứng đầu của “xã” (làng)”
(Thần Trung Lự tức là Thổ Thần).

*Sách “Lã Thị Xuân Thu—Mạnh Đông Ký” chép:

“Này là tháng tốt, từ công xã đến xóm ấp, hưởng “ngũ kỹ” của tổ tiên”
(Ngũ kỹ gồm:- Mộc là thần Câu Mang, cúng để giữ nhà, Hỏa là thần Chúc Dung, cúng để giữ bếp, Thổ là Hậu Thổ, cúng thần Trung Lự (hậu thổ tức là “xã”), Kim là thần Nhục Thu, cúng để giữ cửa, Thủy là thần Huyền Minh, cúng để giữ giếng)

*Sách “Bách Hồ Đạo Nghĩa” nói rằng:

“Ngày xưa, từ thiên tử đến thứ dân, ai cũng được phong đất để lập ra “xã”, lấy phước của người ấy mà báo công. Người mà không đất thì không thể lập ra “xã”, không có ngũ cốc thì chẳng có cái để ăn, cho nên phong đất lập “xã” ắt phải có Thổ Địa vậy”

Hoặc: “Xã tức là Thần Thổ Địa vậy”, Hậu thổ của người gọi là “Xã Thần” hay “Thổ Thần”.

*Trong “Thần Dị Điển—Xã Tắc chi thần Tổng bộ luận” có nói:

“Bậc tiên nho cúng tế Thần Ngũ Thổ tại mỗi “xã”. Ngũ Thổ là: một là rừng núi, hai là sông ngòi, ba là gò đồng, bốn là sinh lầy, năm là đồng bằng. Đời nhà Minh gọi “xã” tức bây giờ gọi Thổ Địa. Phàm ở chỗ có đất, người mới nương tựa được, nên phải cúng đất”. Cho nên, bất cứ nơi nào cũng phải có “Xã Thần”, bởi vì dù lớn như một nước, nhỏ như một địa phương, nếu chẳng luận đến tôn ti trật tự thì không thể tồn tại được”.

Lại nói thêm: “Đầu ruộng đuôi ruộng đều là của Thổ Địa Công” để thể hiện sự tôn kính đối với thần xã. Thờ ban sơ, vị nào đến một nơi hoang vu để khai phá, cũng hết sức vất vả khổ sở và chịu nhiều hiểm nguy mới biến thành đất bằng, tạo nên làng xã. Những vị này rất xứng đáng được người sau tôn thờ làm Thổ Địa Công lắm vậy!

*Sách Hiếu Kinh Vĩ nói:

“Thần xã tức là sao Khuê của đất đai. Đất đai ngày nay được rộng lớn chẳng thể không kính trọng người có công khai phá, vì thế phong Thổ Địa làm Thần Xã, là cách tưởng nhớ công ơn người trước vậy”

*Sách “Xuân Thu tả Truyện” viết:

“Thần Cộng Công có người con trai tên Câu Long, giúp Chuyên Húc an định chín vùng đất, nên thành ra Hậu Thổ, lại phong làm Thượng Công, khi cúng tế thì gọi là Thần Xã”.

*Sách “Lễ Ký—Vương Chế” có viết:

“Cúng tế cho “xã” của vua làm cỗ lớn, cúng tế “xã” của chư hầu làm cỗ nhỏ.” Lại nói:- “Vua hợp nhiều người lại làm “Xã”. Xã là Hậu Thổ, để cho dân thờ cúng”. Vậy nói Hậu Thổ tức là nói vị thần của “Xã” vậy.

*THỔ ĐẠI CÔNG là thần thủ hộ của một địa phương làng xã, quản lý hết đất đai của mọi người mọi nhà. Nên tục ngữ nói “Trang đầu trang vĩ Thổ Địa Công” (đầu xóm cuối xóm cũng là đất của Thổ Địa). Vì thế, nơi nào cũng phải thờ kính, người người đều phải cúng. Từ người buôn bán đến nông dân...ai cũng hết sức thành tâm cúng tế Ngài.

Thổ Địa Công đã từ “thần đất” chuyển hóa thành “thần người”, biểu lộ tinh thần “Trời người hợp một” của người Trung Quốc, thành ra quan niệm có tính cách “đa thần”, dung hợp được chủ thể và khách thể một cách hài hòa.

Ngày nay, tuy xã hội đã có nhiều tiến bộ về khoa học, nhưng niềm tin về Thổ Địa Công vẫn không mất. Từ những nhà hàng lớn, hãng xưởng, công ty, tiệm quán đến từng nhà mọi người... đâu đâu cũng thấy có sự hiện diện của Thổ Địa Công. Bởi vì Ngài là Phước Thần, Tài Thần mang lại sự phồn vinh giàu có cho mọi người, niềm tin về Ngài có lẽ mãi mãi không bao giờ mất.

*Hàng năm vào ngày mừng hai tháng hia âm lịch (Xuân Kì) và ngày rằm tháng tám (Thu Kì). chúng ta nên cúng tế Thổ Địa Công để cảm tạ ân đức của Ngài.

*Ngày vía chính thức của Phước Đức Chính Thần là ngày mừng hai tháng hai âm lịch.

Hồ Gia

(ÔNG HỒ)

*Thờ Ông Hồ thì không cần phải có một miếu riêng, chỉ nương theo chỗ nào có thờ “Thần Chủ” (của Ông HỒ) thì thờ theo mà thôi.

Thần Chủ của Ông là hai vị:- Thổ Địa Công và Bảo Sanh Đại Đế.

Theo truyền thuyết dân gian, Ông Hồ là thuộc hạ của Thổ Địa Công, thường đi theo và thừa hành mệnh lệnh của Ngài. Vì thế, ở nơi Miếu Thờ Thổ Địa, người ta làm bên dưới bệ thờ chính một chỗ để thờ Ông Hồ.

Người ta tin rằng khi Ông Hồ há mồm ra là có thể thu hút tiền bạc của cải về cho mình. Vì thế, mọi người rất thích thờ cúng Ông HỒ, nhất là người mê cờ bạc và giới kịch nghệ.

Có nơi người ta cũng xây dựng riêng một miếu nhỏ hoặc hình tượng Ông Hồ ở phía trước ngôi Miếu Thờ nào đó, với ý là để ông bảo vệ ngôi miếu cùng khu trừ tà ma, yêu quái không cho đến gần.

Tương truyền, Ông Hồ có biệt tài trị chứng “sưng gò má” của trẻ con.
Cách trị bệnh như sau:- Lấy một tờ giấy vàng bạc đại đến chỗ thờ Ông Hồ, áp tờ giấy vào dưới hàm cổ Ông Hồ, khăn vái tên tuổi đứa trẻ v.v... rồi đem tờ giấy ấy về đắp vào chỗ đau của đứa trẻ, sẽ nhanh chóng lành bệnh.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Nghi Thức Khai Kinh Tụng Kinh Minh Thánh

Cáo Văn Thức

Cung Duy

Thánh Đế, hạo khí lãng tiêu, đan tâm quán nhật,

Phù chính thống dĩ chương tín nghĩa, uy chấn cửu châu, hoàn đại tiết nhi
đốc trung trinh, linh chiêu thiên cổ.

Phục ma đãng khẩu, lâu đại chủy kỳ cơ huân. Giác thể dĩ dân, hoàn vũ
phi kỳ minh huấn.

Vận hiệp hoàng đồ, đức phúc lê thứ, đệ tử mỗ,
ưmỗniênnguyệt.... nhật, kính vịmỗ
sự, khẩu hứa mỗi nhật kiên tụng (chung sinh phụng hành), Minh Thánh Kinh
Bảo Huấn. Do tụng nhi nhập, dĩ thực vi qui, do giảng nhi minh, dĩ tri vi yếu.

Tiền phúc kỳ ư đốc thực, tâm địa vụ cầu quang minh. Phục kí giám hữu,
vô nhâm triêm ân chi chí.

Cẩn Cáo.

“Văn Xương Ứng Hoá Trương Tiên Bảo Cáo”

(nghi kiên thành tam khẩu thủ, tụng thử cáo tam biến)

*Chí tâm qui mệnh lễ:

Quế hương thượng điện, Văn xương tả cung, thất thập nhị hoá chi pháp thân, bá thiên vạn kiếp chi vận số.

Dục tự thiên hạ, diễn giáo nhân gian, kim đàn trúc cung tùy thân đái, cô thần quả tú diệt hành tung.

Phù tiêu tử nhi vệ thông quan, ẩm khuê phòng nhi hộ nạn sản, thông minh nhật ích, đậu chẩn giảm tiêu, nạn dữ giả kỳ chi tiện dữ, nạn thuyên giả đảo chi tất thuyên.

Đại bi đại nguyện, đại thánh đại từ, Cửu Thiên phụ nguyện khai hoá, linh ứng Trương Tiên đại đế, thất khúc Dục Thánh Thiên Tôn.

“Linh Quan Vương Thiên Quân Bảo Cáo”

(nghi kiến thành tam khẩu thủ, tụng thử cáo tam biến)

*Chí tâm qui mệnh lễ:

Tiên thiên chủ tướng, nhất kí thần quân, đô thiên củ sát đại linh quan, tam giới vô tư mãnh liệt tướng.

Kim tình xích phát, hiệu tam ngũ hoả xa lôi công, phượng chuyỷ ngân nha, thống bá vạn tì hươu thần tướng.

Phi đặng vân vụ hiệu lệnh lôi đình, giáng vũ khai tình, khu tà trị bệnh, quan quá thác ư nhất thập nhị niên, thụ mệnh:

NGỌC ĐẾ

Tích công huân ư bá thiên vạn chủng, thệ tá tổ sư, chí cương chí dũng, tế tử tế sanh, phương phương xiển giáo, xứ xứ khai đàn.

Khoát lạc mãnh soái, tam ngũ hoả xa, Đại Linh Quan, Vương Thiên Quân,

Lôi Thanh Phổ Hoá Thiên Tôn.

“Chu Tướng Quân Bảo Cáo”

(nghi kiến thành tam khẩu thủ, tụng thủ cáo tam biến)

* Chí tâm qui mệnh lễ:

Phù thiên dũng tướng, sát địa mãnh thần, thiết tu ngân xỉ, hắc diện châu thần. Tinh trung đặc lập, kính tiết kinh nhân, khế tra thiện ác, củ sát phàm trần.

Minh minh hiển hách, xứ xứ du tuần, sừ gian sừ ác, cứu thế ưu dân.

Trung thần nghĩa sĩ, phù bì siêu thân, quai nhi nghịch tử, bất thắng nộ sân.

Duy trì thế giáo, khuông chính nhân luân, trăm yêu hộ pháp, đại đạo thường tồn. Tối linh chân tế, tối hiển thần quân, hộ triều hộ quốc, cương trực trung dũng đại thiên tôn.

“Quan Thánh Thái Tử Bảo Cáo”

(nghi kiến thành tam khẩu thủ, tụng thủ cáo tam biến)

*Chí tâm qui mệnh lễ:

Linh Hầu thái tử, văn kinh vũ vĩ, khuông vương hộ quốc, đức nghĩa nguy nguy. Trung hiếu tiết nghĩa, toàn thụ toàn qui, kỳ huân tảo kiến ư Tây Thục, dị lược tổ trước ư Bắc Ngụy, đại trung đại hiếu, chí nhân chí dũng, bổ tạo hoá chi bất túc, tá:-

THÁNH ĐẾ

đĩ lập công, hộ triều hộ quốc, tận hiếu tận trung, cứu thiên uy linh hiển

hoá đại thiên tôn.

“Thánh Đế Bảo Cáo”

(nghi kiên thành tam khẩu thủ, tụng thử cáo tam biến)

*Chí tâm qui mệnh lễ:

Thái Thượng thần uy, anh văn hùng vũ, tinh đại nghĩa, cao khiết thanh
liêm,

Vận hiệp hoàng đồ, đức sùng diễn chính, chưởng Nho Thích Đạo giáo chi
quyền, quản thiên địa nhân tài chi bính.

Thượng ty tam thập lục thiên, tinh thần vân hán, hạ hạt thất thập nhị địa,
minh lý u phong.

Bính chú sanh công đức, diên thọ đan thư, chấp định tử tội quá, đoạt mệnh
hắc tịch.

Khảo sát chư Phật chư Thần, giám chế quần Tiên quần chức,

Cao chứng diệu quả, vô lượng độ nhân, vạn linh vạn thần, chí thượng chí
tôn.

Phục Ma đại đế, Quan Thánh Đế Quân, đại bi đại nguyện, đại thánh đại
từ, chân nguyên hiển ứng, trung hiếu tổ sư,

Chiêu Minh Dực Hán Đại Thiên Tôn, Mân Hoàng Cao Thượng Đế.

(kiên tụng tam biến, nhiên hậu tụng hạ văn chân kinh)

Thánh Đế Tân Bảo Cáo

*Chí tâm qui mệnh lễ:

Tinh trung đại nghĩa, hùng vũ anh văn, tại tam phân quốc tộ chi thời, Hán tặc khởi dung lưỡng lập. Kiến vạn thể nhân thần chi cực hình hương tự túc thiên thu, Tinh linh sung tái ư cổ kim, chí cương chí đại, chiết nguyện văn hồi phù kiếp số, tồn đạo tồn nhân, ngự vũ thương khung, nhậm thập bát thiên hoàng nhi kế.

Thống chấp phù kim khuyết, hồn tam thiên thế giới ư quát nang, thực chủ tế, thực cương duy, hách hách đại viên tại thượng.

Tự đông tây, tự nam bắc, long long tổ khí triều nguyên.

Tác Thánh Hiền Tiên Phật chi quân sư, tam thập lục thiên đản đấng đại bảo,

Chủ thăng giáng long ô chi vận hội, thập vạn kiếp phổ độ Từ Hàng,

Phật chứng Cái Thiên, ân đàm khoáng kiếp,

Đại bi đại nguyện, đại thánh đại từ,

Thái bình khai thiên, phổ độ hoàng linh, trung thiên chí thánh, nhân nghĩa cổ phật, Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn, Huyền Linh Cao Thượng Đế.

(tam xưng cửu khẩu)

Quan Thánh Đế Quân Giáng Bút Chân Kinh

Ngô thị Hán Quan Thánh Đế, sắc dụ đại chúng thánh văn.

Thế thượng bất tề đẳng sự, toàn bằng nhất điểm chân tâm,

Chính trực quang minh bất khuất, tử sanh thuận nghịch đương phân.

Ngô thường hạ du hán quý, kết minh hoàng thúc tam nhân.
Đào viên danh trọng thiên cổ, đơn đao binh chúc ư kim.
Ký Tào minh lai minh khứ, thôn ngô vị hán vong thân.
Thượng đế liên ngã trung cảnh, độc sắc tuyên hoá u minh.
Lịnh ngã nhật du thiên hạ, giám biệt trung nịnh phân phân.
Nhất thiết tham tàn gian xảo, hoàn thường quả báo cân cân.
Tối giới độc thư văn sĩ, tịnh cập quan hoạn quân dân,
Đệ nhất hữu khi phụ mẫu, thiết mạc khuyên sáo hương lân.
Bần phú tiên giao bằng hữu, bằng hữu nãi thị ngũ luân.
Tín tâm nội ngoại bình đẳng, hà phương kiến nạn tai truân.
Tào Tháo vô để thâm hiểm, hiện kim thụ tội u minh.
Khổng Minh chỉ duyên trung nghĩa, u minh quần phụng vi thần.
Trực tâm trực thụ chân phước, xảo kế xảo lai hoạ nhân.
Hữu quá chiêu như nhật nguyệt, vô tư thiên địa đồng quần.
Quả nhiên nhi nữ bất cưỡng, đáo xứ quý phạ thần khâm.
Thiết kế thâm khư nữ sắc, tự kỷ duy bạc tuyên dâm.
Lộng thủ cưỡng biến tài vật, bồi bồi phiêu đồ luân xâm.
Tỉ tỉ tranh năng tranh thắng, vãng vãng việt tiện việt bần.

Khoái khoái thu tâm mãnh tĩnh, hữu hữu dữ đoạ dữ thâm.
Tam sanh luân hồi ác thú, thiên tải thoá mạ nan câm.
Bút tiêm thêm giảm tình tội, thiết kiếm phản tru mẫn môn.
Vưu hận độc tâm lang phụ, hoa ngôn chuyết hống hương thân.
Toa phu mạ công mạ bà, lĩnh ngã nhất kiến sanh sân,
Nệ tượng huy đao bội phúc, phân trảm mẫu tử bình quân.
Khả hi bình nhân hiếu đễ, triều tịch mãi biện lương tân.
Sát thời phong hành nê mã, đà hồi vạn lý cùng quân.
Dục cầu trường sanh dục tử, cấp nghi giới sát phóng sanh.
Bất thực nguưu khuyến đẳng nhục, khả miễn lao ngục tù hình.
Nam nữ tuân phụng ngô ngữ, ngô nạn ngã tự giáng lâm.
Chiến trường khu trục quỷ mị, đao quang lôi vũ huyết lâm.
Hộ quốc bách chiết bất cải, trợ nhĩ gia tước sách huân.
Phú quý vĩnh xương dịch thế, mi thọ vĩnh vô tai xâm.
Như hữu huỷ pháp vọng tưởng, đầu xứng khi hống ngu manh,
Bất hứa sanh thân nhân thế, A-Tỳ địa ngục thân ngâm.
Na thời hối quá dĩ vãng, cấp tảo phối phục pháp vãng.
Hồi đầu chư ác mạc tác, miễn lực chúng thiện phụng hành.

(Chân kinh tụng chí thử chỉ. Tụng tất, tam khẩu thủ, khởi thân điều tức hậu, tái lãng tụng hạ văn Minh Thánh Kinh)

MINH THÁNH KINH

【Kinh tự -- đệ nhất】

Đế Quân viết : " Thiên địa vô tư, thiện ác chiêu chương. Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong. Thần đạo thiết giáo, tịch dĩ thử truyền. " Ngô đương ngôn Minh Thánh Kinh tam tự:

" Minh " giả như đồng nhật nguyệt phổ chiếu càn khôn vô vật bất đáo, sử ngã tâm tính thường hoà bất muội linh đài khiết tịnh, đả tạo như đồng bảo kính nhất ban minh tâm giám tính.

" Thánh " giả chiêu nhiên dã. Tham thiên hoá dục, thiên cổ trung can nghĩa đảm, vạn tải thánh thần, tiên thánh hậu thánh kỳ quý nhất dã.

" Kinh " giả thường dã. Sở ngôn vô phi nhân sanh nhật dụng, thường hành đạo lý, khả dĩ lưu truyền vạn cổ, nhân năng cung kính thân tâm, thời thời bất vong hồ căn bản, khắc khắc thường tồn hồ hiếu đễ, căn kính

Giá cá tâm điền vật tham vật dâm thị dã. Cổ viết : " Minh Thánh Kinh ".

*Hán, Hán Thọ Đình Hầu, lược tiết Đào Viên Kinh,

Thư ư Ngọc Tuyền Tự, dạ mộng dữ phàm nhân,

Vạn kinh thiên điển hữu, ngô kinh vị cử hành,

Trước nhĩ truyền trần thế, bất khả thị vi khinh.

Thái Thượng Lão Quân tam giới linh, chúng thánh Ngũ Nhạc Lôì Điện Thần,

Ngũ hồ tịnh tứ hải, nhật nguyệt đầu tinh thìn,
Thiên hạ thành hoàng thánh hiệu lệnh, vạn phương thổ địa các tuân hành,
Vạn thánh triều chân quân tấu nghị, phổ thiên chi hạ tận ban hành,
Ư thị cứu khổ đại tiên, Thái Thượng Chân Quân,
Thái Bạch Kim Tinh, công đồng chú giải,
Phúc tấu minh chương, hành ư tứ hải,
Hoàng đồ củng cố, vạn dân vĩnh lại.

【Nguyên Thủy-- Đệ Nhị】

Ngô nãi tử vi cung lý châu y thần, hiệp quản văn xương vũ khúc tinh,
Kỳ nhân trương tiên vô chủ hạt, sắc lệnh tùy ngô vi tòng thần,
Kiềm điểm thiếu nam dữ thiếu nữ, hoặc tổn âm chất tuyệt tử tôn,
Tống sanh thôi sanh cập nạn sản, mị yêu thương tàn ban đạu chần,
Như hữu phần hương phúng tụng giả, chuyển hoạ vi tường hiển thánh
linh.

Kim hữu sóc hoạ ngô tượng giả, trắc lập trương tiên trì đàn cung,
Giám tri chiến quốc xâm lăng loạn, mệnh ngã lâm phạm cứu vạn dân,
Ngọc Hoàng tứ ngã danh hoà tính, Tử Tư ngũ chuyển tổ trung thần,
Tâm đồng giải thích chư hầu nạn, tuyệt khước gian tàn tịnh quốc tâm,

Sở vô đạo, tửu hoang dâm,
Chiêu quan quá thử nạn, Ngô Việt động đao binh,
Đạo ngô nhất sanh vi hiếu tử, số thế tác trung thần,
Sắc lệnh ngã quản tiền đường sự, trú dạ lãnh trào hành.
Hán thất đa gian đảng, cải tính hạ phạm trần, Xuân Thu trượng phu chí,
sanh trưởng Giải Lương thành. Chỉ QUAN vi ngã tính, hạ giới hựu xưng
thần, Ấu nhi ly hương, tráng nhi xuất nhậm,
Đại trượng phu dĩ tứ hải vi gia, hà hoạn hồ ngô vô huynh đệ,
Nhập Đào Viên đổ lưỡng nhân kỳ dị, thỉnh vấn anh hùng hà xứ,
Hùng củ củ lãng viết Trương Phi, mạo đường đường ôn ngôn Lưu Bị,
Xuất thân đầu địa kim phùng chủ, tu đãi văn thiên hà thuỷ lai đằng địch,
thành tai long hổ phong vân hội, tế ngư mã chiêu cáo thiên địa, kết nghĩa
khuông phù Hán thất.

Phá Hoành Cân, tru Đồng Trác, Lữ Bố tộ,
Kiếp trại tiểu Tào gian, khiêm nhập không doanh nội,
Nhạn lữ tán Từ Châu, huề tẩu vô tồn địa,
Giảm chúc Trương Liêu mưu, phá bích Vân Trường nghĩa,
Hàng Hán bất hàng Tào, trung thần bất sự nhị,
Phong Hán Thọ Đình Hầu, ấn vô hán trùng chú,

Tam nhật hoa diên, Tào man mỹ ý,
Nhan Lương, Văn Xú thống binh vi,
Cảm đối lập công, khả thù Tào qui kế,
Phong kim khước ấn tam từ thao, khiết quyển tầm huynh nhất điểm trung,
Thiên lý tầm huynh thêm nghĩa khí, ngũ quan trăm tướng hữu uy phong,
Ly hợp anh hùng càn khôn nội, tương phùng huynh đệ cố thành trung.
Trí thượng tuy cao vô quyết thắng, vận trù cố thức thiếu kinh luân,
Tam yết mao lự, Ngoạ Long án khởi,
Đại mộng thủy tiên giác, bình sanh ngã tự tri,
Thảo đường xuân thủy túc, song ngoại nhật trì trì,
Vị xuất mao lự, tam phân dĩ định,
Khổng Minh nguyên thị Quảng Tuệ Tinh, tức thị tiền triều Nghiêm Tử
Lãng,
Thử sanh Gia Cát Lượng, tái Tống Châu Văn Công,
Luân hồi tam thế tướng, vĩnh bất hạ phàm trần,
Đỉnh túc tam phân hiềm địa trách, giang sơn kim hoán hứa đa nhân.
Đại ca dĩ tại Thanh Hư Phủ, Quan mỗ kim chương Tam Thiên Môn,
Tam đệ Tứ Xuyên vi Thổ Cốc, mỗi khởi trung lương hộ quốc tâm,

Tại Tống dị tính Nhạc Phi tướng, tại Đường cải huý viết Trương Tuần,
Luân hồi tam chuyển giai trung liệt, Thượng Đế phong vi Hộ Quốc Thần,
Tiểu khả binh qua bất sai nữ, đại nạn nguy bang tái hạ trần.
Thiên hạ thành hoàng giai tướng tướng, chánh trực vi thần cổ chí kim,
Vi nhân trung hiếu cảm thiên địa, khởi tại trì trai phật hiển linh,
Ấm thực, y phục hữu hoa mỹ, tùy trước, tùy xan mạc yếm tăng,
Cầm thú nhất thiết giai tính mệnh, vô cố tự thực tế sanh linh,
Nhất thiết hoá sanh giai hoạt mệnh, hà khổ trương cung bộ vông tâm,
Thảo mộc hoa quả hữu chiết thái, nghiêm đông linh lạc phát dương xuân,
Vạn vật tất hàm thiên địa hoá, y thời sanh trưởng dữ nhân linh,
Nhĩ năng tuân thủ tích vạn vật, phước hữu du qui hoạ bất xâm.
Vật vị thiện tiểu nhi bất tác, vật vị ác tiểu nhi khả hành,
Thiên vông khôi khôi phân khúc trực, thần linh hách hách định khuy
doanh,
Hiếu để trung tín nhân chi bản, lễ nghĩa liêm sỉ nhân chi căn,
Nhĩ năng thính ngô hành thiện sự, định hữu tường vân túc hạ đăng.
Ngô thụ tam thiên môn chưởng ác, vạn thần khả tấu ngã tiên văn,
Thiện giả kỷ lục gia quan tước, ác giả tao ương tuyệt tử tôn,

Báo ứng trì tốc thời vị đáo, chiêu chương tảo văn hoạ phúc lâm,
Hữu đạo thiên cao vô nhĩ mục, khuy tâm ám thất hữu du thần,
Kính thần như tại tu thành kính, bất khả cường ngôn nghệ thánh minh.

【Lực Học-- Đệ Tam】

Ngô tổ lẫm Xuân Thu, ấu quan Khổng Mạnh,
Duy dĩ hiếu đệ vi tiên, tu thân trị quốc vi bản.
Dị đoan phong khởi, binh qua thương tàn dân mệnh.
Thập dư niên giáp bất ly thân, đao vô khiết tịnh.
Dạ vô ôn thụ tam canh, nhật bất bão xan nhất đốn.
Đông chiến Tây chinh, bách chiến nhi giang sơn tài định.
Bạch liễu tu mẫn tinh tinh, lực quyện mã luy đao độn.
Phí tận xích đàm trung tâm, hoán đặc cá phong hầu kim ấn.
* Đáo như kim loạn thần tặc tử, bộ phong tróc ảnh.
Gian tham sàm nịnh, kết đảng khi lương, ngôn vô nhất định.
Bất tư lễ nghĩa liêm sỉ, hiếu để trung tín,
Sự mỗi hồ hành, lâu đồ kiêu hạnh.
Toản quân vị, lực trung thần, hảo hoá tài, dâm mỹ sắc, sát nhân sỉ tính.
Chỉ cố sáng tâm lạc sự, khởi hiếu đặc hậu lai báo ứng.

Cổ kim hảo sự đa ma, vô miển cường cầu cầu tiệp kính,
Như thể vân lưu ly, tiên hoa minh nguyệt.
Nhân bất tri cơ, như cương đao khoái khuyết,
Vọng động hoành hành, tạo hạ liễu ta oan nghiệt.
Viễn tắc kỷ niên, cận tắc số nguyệt,
Báo ứng vô sai, pháp nan lậu tiết.
Như nhân vị tao phùng, các hữu thời tiết,
Đương tư thủ mệnh do thiên, an bản lạc nghiệp.
Như bá nghệ thương tốt thành công, kỳ vật yên năng tinh khiết.
Thảo mộc bất năng bồi thực, nan trưởng hứa đa chi diệp.
Ngũ cốc thiếu dụng canh sừ, miêu tuy tú nhi bất thực.
Văn thần thập tải hàn song, phương triều kim khuyết.
Vũ tương bách chiến lâm nguy, thủy đắc công hầu tịnh liệt.
Ngô nãi nhật nguyệt tinh trung, càn khôn đại tiết,
Thiên băng ngã băng, địa liệt ngã liệt.

【Đạo Mạo-- Đệ Tứ】

Hựu phụng

Thượng Đế gia ngự sắc, chương ác phạm gian thiện ác nhân.

Vạn quốc cửu châu giai kính phục, đạo ngô trung nghĩa độc xưng tôn.

Tổ hình hoạ tượng càn khôn nội, như ngã anh hùng hữu kỷ nhân.

Hoả long thiêu xích thổ, thuỷ thú luyện thanh phong.

Ngoạ tâm mi bát tự, đan phượng mục song tình.

Ngũ long tu bãi vĩ, nhất hồ gạch dao thân.

Tinh trung xung nhật nguyệt, nghĩa khí quán càn khôn.

Thao lược kỳ Tôn Tẫn, cơ mưu thẳng Phạm Tăng.

Tu trường nghĩa cánh trường, diện xích tâm vưu xích.

Anh hùng khí cái thế, chúc tàn đao phá bích.

Phong khố ẩn huyền lương, tước lộc từ bất thụ.

Yến nguyệt đao ma nhưng khoái, thán huỳnh đệ bất tái.

Ngoạ tâm mi toả vị khai, hận giang sơn kỷ cải.

Cảng cổ công danh nan tử tịnh, tam thiên môn hạ phong nguyên soái.

Khê thủ đốn thủ.

Thượng Đế sắc lệnh các bộ tướng soái,

Kinh truyền hạ giới, sao lục phúng tụng như tại.

Nhân năng tuân hành, hệ ngọc yêu kim, quan cư thiên tải.

Năng toàn nhất sự, tranh vinh tam đại.

Khâm thừa pháp chỉ, hội tập chư thần thi hành.

【Tiết Huấn-- Đệ Ngũ】

Trước trung lương, kiệt lực khuông hành, hiếu thuận vô cải.

Liêm khiết bất loạn tâm điền, tiết nghĩa lâm nguy bất bại.

Trung hiếu liêm tiết chi chương thính giải.

Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung,

Nhật dụng triều đình lộc, đương tư bổ báo công.

Báo quốc thần chi bản, tích tốt tướng chi hoành.

Bất sức văn thần quá, bất diệt vũ tướng công.

Kỷ lục văn hoa điện, cử hặc kiến chương cung.

Đan tâm như xích nhật, vị tất chí tam công.

Tần Cối thế vi khuyến, Nhạc Phi tứ soái trung.

Vi nhân tử, hiếu vi tiên, hiếu thuận lưỡng tự khẩn tương liên.

Vật sử nào nô thường sử hoan, noãn y bảo thực vô cơ hàn.

Bệnh y dược đao tất tự tiễn, tức tu thường quá hiến thân tiền.

Dạ bất giải y, triều bất thực, thời thời khắc khắc tại thân biên.

Nhĩ năng hiếu thuận nhĩ tử hiếu, điểm điểm trích trích khán diêm tiền.

Đại Thuấn hiếu, đế vị truyền, nhị thập tứ hiếu cực chu toàn.

Tại sanh bất cung phụng, tử hậu tế linh tiên.
Bất hiếu tử, nặc tai khiên, hồ cáp xà giáo bệnh tương triền.
Quan hình lao ngục tao sung phổi, thủy hoả chi tai thực khả liên.
Hoặc thị huyền lương đao độc tử, bất hiếu chi nhân khổ vạn thiên.
Tốc tốc cải, mặc trì diên.
Thế nhân thực vô quá, cải chi vi thánh hiền.
Nhân vô quá, đốc hành toàn.
Liên sanh úy, khiết sanh nghiêm.
Tế kiểm điếm, ty nghi hiềm.
Hi hiền hi thánh do thiên mệnh, học lễ học thi thính tự nhiên.
Khước chu túc, ần sơn xuyên,
Vi nhân tự ngọc vô hà điếm, lập chí như đồng thiết thạch kiên.
Thủ kỷ lộc, mặc tuần thiên, tổn nhân lợi kỷ tử tôn oan.
Liên giả bất thụ ta lai thực, chí sĩ bất ảm đạo chi tuyền.
Từ bồng nguyên hiến khiết, úy kim dương chấn liên.
Toạ hoà bất loạn liễu hạ huệ, bế hộ vô dung lỗ trọng liên.
Nghịch thực chãm như tào lý mỹ, qua tế hà thẳng thái khương điềm.
Bồng lộc chỉ kham cung lễ nghi, cử gia thực phí cận bàn hoàn.

Bá cống đài hồi thất tiết vật, mẫn sương trang lý muội tâm tiền.
Xuy trượng đồ lưu thủy bất phạ, khuyến nhĩ đài đầu khán thượng thiên.
Sĩ dung nam bộc như lang hổ, mưu chiếm quân dân địa dữ điền.
Thế bại vận suy tham kiệt cáo, bạt chủng bình phòng oan báo oan.
Phụ nam cùng cực vi xương đạo, hận sát đương sơ ác yếu tiền.
Nhân chi tiết, như trúc hựu như nguyệt,
Quảng đại dữ cao minh, viên dung cánh thanh khiết.
Nhất sanh trực bất loan, đĩnh đĩnh khi sương tuyết.
Nhất kính tham thiên tú, vũ phong lộng minh nguyệt.
Nga Anh khắp trúc lâm, điểm điểm ban giai huyết.
Tức như Tô Vũ trượng, số hữu thập nhị tiết.
Lý Lăng ô kỳ gian, Tô Vũ kính kỳ liệt.
Trọng Thăng sử tây vực, tam thập lục quốc khước.
Tiết nghĩa toàn, thần thánh duyệt.
Hoặc chường thiên tào sự, hoặc bổ thành hoàng khuyết.
Hoặc sanh công dữ hầu, phú quý thiên niên nghiệp.
Loạn thần tịnh tặc tử, mỗi bả trung lương diệt.
Nhất kiến hư hoan hỉ, tâm khẩu các tương biệt.

Tâm tàng trượng bát mâu, ý tồn tam xích thiết.

Thiết hạ hữu long tuyến, sát nhân bất kiến huyết.

Tham khốc khắc gian sàm, tự vẫn nhi tôn tuyệt.

Ngô vị ngật trường trai, ngô bất tín dị thuyết.

Địa ngục tức Thành Hoàng, tam bảo quang nhật nguyệt.

Cứu tế cấp nạn nhân, tỵ thị giải oan kết.

Thử tứ tiết, trung hiếu liêm tiết, tường minh thậm thiết,

Hậu liệt nhị thập tứ kiếp :

Kình thiên đỉnh địa Mãnh Dũng Thần, Bồng nhật cử nguyệt Phổ Chiếu Thần,

Liệt tú trương tinh Minh Lãng Thần, di tinh hoán đầu Bác Lương Thần,

Đăng vân giá vụ Phi Độ Thần, khu lôi xiết điện Uy Liệt Thần,

Hô phong hoán vũ Nhiều Nương Thần, chuế lộ vẫn sương Phọc Phí Tinh,

Phi sa tâu thạch Triệt Lộ Thần, phiên giang đảo hải Ngũ Hồ Thần,

Băng sơn đồi lãnh Thiết Giáp Thần, đồng thuỷ khai băng Kết Hoá Tinh,

Phần viêm trực hoả Lưu Quang Tinh, khai hoa kết quả Kiêu Mị Tinh,

Trưởng hoà tú cốc Ích Huệ Tinh, trừu nha điện diệp Phát Dục Tinh,

Khô mộc hạc trạch Thôi Kiệt Thần, tâu thú phi cầm Bộ Tróc Tinh,

Ngư hà giải miết Dũng Dực Tinh, phi khiêu chư trùng Triền Nhiều Tinh,
Tác văn chế tự Văn Xương Tinh, hưng binh bố trận Vũ Khúc Tinh,
Khảo chánh tuế thời Trắc Vận Tinh, tạo tác công nghệ Xảo Tác Thần,
Chúng tinh thính lệnh, các hồi bốn bộ, biến hoá phát sanh,
Khế thủ thần minh, vô cực chúng thánh, bất khả tư nghị công đức.

【Kinh Nghiệm-- Đệ Lục】

Trị niên trị nguyệt tướng, trị nhật trị thời thần,
Dạ sai hắc sát soái, nhật lệnh giáo khiết binh,
Vãng lai tế giám sát, bất đắc lậu hào phân.
Hội đồng gia trạch thần, trước lệnh tư mệnh quân,
Như hữu kiên tụng nam hoà nữ, tốc tốc báo tri văn.
Gia trạch cúng thử kinh, yêu mị hoá vi trần,
Thuyền châu phụng thử kinh, phong ba tức khắc bình,
Hành nhân bội thử kinh, lộ đồ bảo an ninh,
Thư sanh khán thử kinh, bất cửu bộ thanh vân,
Phụ nhân tụng thử kinh, nhị nữ ngũ nam thành,
Nhược vi vong hoá niệm, vong hoá tảo siêu sanh,
Nhược vi phụ mẫu niệm, phụ mẫu hưởng hà linh,

Phần hương cao tụng niệm, kỳ phước tức lai lâm,
Nhật niệm tam ngũ biến, hoặc tụng bá thiên thanh,
Nhân năng sao ấn tống, chư tậ bất tương xâm,
Chư thần giai hoan hỉ, trạch xá tịnh quang minh,
Hoặc tứ phước dữ thọ, hoặc ẩm nhi dữ tôn,
Hung sự hoá vi cát, phước lộc thọ trùng tăng.

Đầu khẩu Vương Thiên Quân, khâm phụng, Hán thất, Hán Thọ Đình Hầu.

Quan Thánh Đại Đế sắc lệnh (Gia Khánh thập ngũ niên chính nguyệt nhị thập tứ nhật)

Đại Đế viết : Ngô tăng ngôn,

Nhật tại thiên thượng, tâm tại nhân trung, tâm giả vạn sự chi căn bản,

Nho gia ngữ thường, đạo thích tam bảo, giai tùng tâm thượng sanh lai.

Nhân mạc đại ư trung hiếu, nghĩa mạc đại ư liêm tiết, nhị giả ngữ thường chi thủ.

Thánh nhân tham tán hoá dục giả, thử nhi ký.

Tiên Phật siêu thần nhập hoá giả thử nhi dĩ.

Tự hữu thiên địa dĩ lai, giá cá vô cực thái cực chi lý, hồn nhiên bao la cổ kim trường huyền, chư đế vương thánh hiền Tiên Phật, vạn kinh thiên điển, chỉ thị minh thử lý, thành thử sự nhi dĩ.

Ngô hệ Tử Vi viên trung, hoả chi chính khí.

Hoả, ly minh tượng dã, cố chủ văn xương.

Hoả, hựu liệt tính dã, cố chủ vũ khúc.

Văn chủ nhân, nhân thủ trung hiếu, vũ chủ nghĩa, nghĩa thủ liêm tiết.

Duy thị cử thiên hạ vạn thế giai vi Thánh Hiền Tiên Phật, thử hữu trú vô dạ, hữu dương vô âm, tuyệt vô chi lý dã.

Tự chiến quốc dĩ lai, ngô xuất thế khuông quân cứu dân, bất đắc dĩ dĩ công thiện chi tâm vọng thế, thử Đào Viên Kinh chi sở dĩ hiện thân thuyết pháp dã.

Nại Hà thế chi nhân, chân tính bất mật, tà tịch dụng tâm, kiến ngô bình thường chi ngôn, bất viết thánh nhân bất xuất thử kiêu căng ngữ, tắc viết thánh nhân bất xuất thử thiển cận ngữ.

Ô hô, thị tất dục ngô trùng tác ngữ kinh, đãi thế chi trí ngu hiền bất tiếu, giai tận độc chi hồ.

Bất độc thử dã, hiện tại thân liệt văn nho, diệc vọng hành chỉ bác.

Ngô nhân Chu Tử, lẫm lẫm trì tụng đa niên, chỉ đắc chú giải minh bạch.

Như tái hữu thiện hành đề huỷ giả, khinh tắc lệnh ôn hoả diệt chi,

trọng tắc mệnh Chu Thương trăm chi, vô hối.

Hậu khiến chư thần giám sát, dĩ sử tốc ứng, ngô diệc đại phí bà tâm.

Dĩ ngã vi kiêu, ngã cố bất từ, dĩ ngã vi thiển.

Ngã diệc bất từ, đản nguyện nhân nhân từng thử kiêu ngôn thiên ngôn tác khứ, nhất nhất quả tự tín ư tâm trung, nhiên hậu tham nguyên diệu chi lý, nhập thượng thánh chi ban, ngô diệc bất quái, nhi thả khoái nhiên dã.

Tương thử ngữ trước linh quan, truyền thể tri chi, vi thử thuật cáo chu tế nhân đẳng, nhất tâm thể thử, dĩ tâm ấn tâm.

Tâm tại nhân trung, nhật tại thiên thượng, khâm tai vật hốt.

(Minh Thánh Kinh tụng chí thử chỉ)

CHÚ GIẢI:

Minh Thánh Kinh, bản hệ mộng dữ Ngọc Tuyên Tự tạng, tạng Tỉnh Nhi truyền thuật.

Thủ cú Hán hán, thượng nhất Hán tự nãi đại danh, tức đại hán dã.

Hán Thọ Đình, hệ địa danh dã.

Kỳ tiên chúc phó nhân nhân tụng thử kinh giả, thị dĩ hiệu nghiệm âm động nhân tâm dã.

Trung ngôn tinh trung xung nhật nguyệt, nghĩa khí quán càn khôn, tức Mạnh Tử sở vị tái hồ thiên địa dã.

Viết diện xích tu trường giả, tức Đại Học sở vị tâm quảng thể bàn, Mạnh Tử sở vị tuý diện áng bối dã.

Chí đầu thai chuyển kiếp chi thuyết, Nho giả bất ngôn, bất tri Thích Đạo lưỡng môn, tịnh phi vô cứ.

Thí lịch tra cổ kim, tá thi hoàn hồn, linh xác chuyển kí, dị vật nhập thai, khởi thiếu dã tai.

Ngô ngôn tại Liệt Quốc, tại Hán, dữ tại Đường Tống chi ngôn thực phi cuống dã, chư quân thí đối hạch chi.

Tái tứ chương ngôn trung, văn vũ thần liêu, giai đương kính thể, tắc thị tam đại dĩ thượng chi thần dã, quì long y cao kỳ nhân dã.

Ngôn hiếu, tắc viết bất giải y bất thực, tắc thị thiện tâm môn, văn vương kỳ nhân dã.

Trích thủy hoàn nguyên, tôn hựu hiệu tử, tắc tử tôn bảo chi, đại thuận kỳ nhân dã.

Thuyết đảo nhị thập tứ hiếu, cổ kim chiêu như nhật nguyệt, cách thiên địa, động quỉ thần, khởi phi xác nhiên khả cứ giả tai.

Liên tại chu lễ, dĩ lục kế vi định, thực tòng nghĩa tự trung sanh, cố vi ngu muội giả thống xích.

Nhi liên tuyền đạo thủy, cử nhất nhị nhi dĩ quát chi dã, tiết như trúc, trúc hữu quân dã.

Như nguyệt, nguyệt hữu độ dã, phi quân tắc hỗn, phi độ tắc hôn.

Cổ kim đại tiết bất du giả, ư nghĩa đãi tận.

*Minh Thánh Kinh chú chứng:

Vương Thiên Quân viết : Trương Tiên phi Đường chi Trương công danh Tuần, nãi Hoàng Đế tích dĩ hồ thỉ vi Trương Chi Trương Tiên dã.

Đại Đế mục không nhất thiết, cố thị thiên tính. cố vân đồ thượng trí giả vô

quyết đoán, đồ vận trù giả khiếm kinh luân, Dĩ khả hạ văn chi ý, tất lại văn
tinh không minh dã. tái nhị thập tứ vị thần tướng, nãi Đại Đế sở khiển, như
hữu thành tâm, hô chi tức lai, thính pháp sư chi mệnh. tịnh tương thử dụ,
truyền dữ Chu Tế Quân cập dữ sự nhân đẳng tri chi. nhị nguyệt nhị thập ngũ
nhật

Vương Thiên Quân phụng

Đại Đế mệnh đặc cáo.

THẦN THÁNH TRUNG HOA

Sưu Tâm
www.dtv-ebook.com

Văn Xương Đế Quân

VĂN XƯƠNG ĐẾ QUÂN

Có hai quan điểm xếp hạng khác nhau về “Văn Xương Đế Quân”, một cho là tinh danh (tên sao), một cho là thần danh (tên thần), nên trong dân gian xưng là “sao Văn Xương ” hoặc “ Thần Văn tinh ”.

- Văn Xương Đế Quân còn gọi là “Tử Đồng”, “Văn Xương Đế”, “Tể Thuận Vương”, “Anh Hiễn Vương”, “Tử Đồng Phu Tử”, “Tử Đồng Đế Quân”, “Lôi Ứng Đế Quân”, tất cả những tôn danh trên đều liên quan đến những sự kiện đặc biệt của Văn Xương Tinh.

* Sách “Sử ký—Thiên quan thư” chép:

“Sao Khôi phò cho sáu sao Văn Xương, một gọi là Thượng tướng, hai gọi là Thứ tướng, ba gọi là Quý tướng, bốn gọi là Tư mệnh, năm gọi là Tư trung, sáu gọi là Tư lộc”. Trong “Tinh kinh” (sách nói về sao) có ghi: “Sáu sao Văn tinh có hình bán nguyệt, nằm ở phía trước sao Bắc Đẩu, mỗi sao có một tên”.

Chức năng của sáu sao Văn Xương là Thượng tướng chủ về uy vũ, thứ tướng chủ về tả hữu, quý tướng chủ về văn tự, tư mệnh chủ về tai ách, tư trung chủ về lý lẽ, tư lộc chủ về thưởng công phong quan. Sáu sao này chường quản về văn chương chữ nghĩa lợi lộc trong thiên hạ, cho nên từ xưa, học trò và nhân sĩ đều sùng bái.

* Văn Xương Đế Quân còn được coi là chủ quản về thi cử, mệnh vận, là vị thần trợ giúp cho người đọc sách, viết văn (văn sĩ). Khi cầu về thi cử thì

đây là vị thần tối thắng. Việc thờ phụng Ngài đã có từ đời Châu, trải qua nhiều đời soạn ra nghi thức đã ghi chép vào “Sách thờ cúng” của triều đình.

*Văn Xương vốn là “tên nhóm sao”, chỉ cho nhóm sáu sao nằm phía trên sao Khôi. Thời xa xưa, các nhà Chiêm Tinh đã giải thích đó là sao tốt, rất quý hiển. Đạo giáo tôn xưng đó là vị Thần chủ về công danh, lộc vị nên gọi là “Văn Tinh”. Từ thời Tùy, Đường, việc khoa cử đã thịnh hành, sao Văn Xương được người học, văn nhân tôn trọng lễ lạy cầu khẩn, nên gọi là “Văn Xương”, nghĩa là Thần coi sóc “Căn bản về việc thi cử và ban phát tước lộc cho các quan văn võ”. Trong Đạo giáo, hai sao Văn Xương và Tử Đồng cùng chỉ về công danh lợi lộc nên về sau hai vị thần này được hợp lại thành một.

*Văn Xương Tinh được nói gọn là Văn Tinh, hoặc Văn Khúc Tinh, là sao chủ về văn chương chữ nghĩa, như trong thơ của Đỗ Phủ có viết:

“Bắc phong tùy sáng khí—Nam đầu ty văn tinh” (gió bắc mang sáng khoái, sao nam kỵ Văn tinh). Lại trong “Đông quan tấu” (tâu về quan sát hướng đông): “Buổi sáng sớm quan sát thấy sao Văn Xương bị mờ ám, ắt là khoa trường thi cử xảy ra việc gì rồi”.

*Đến năm Cảnh Thái đời nhà Minh, vua Cảnh Tông cho xây dựng một tòa miếu vũ thờ Văn Xương tại Bắc Kinh, mỗi năm vào ngày mùng ba tháng hai sai người cử hành tế lễ rất long trọng. Đời nhà Thanh cũng rất sùng bái thần Văn Xương, nên năm Gia Khánh thứ sáu, vua Nhân Tông dạy quan Lễ Bộ ghi tên vị thần Văn Xương vào “Sách thờ cúng”.

*Còn theo quan điểm xếp Văn Xương Đế Quân vào nhân thần, cũng có hai phái: một là “ Văn Xương Đế Quân ”, hai là “Ngũ văn xương” (5 vị chủ quản văn học), gồm có: Quan Thánh Đế Quân (Văn Hành Đế), Phù Hữu Đế Quân (Lã Đồng Tân), Văn Khôi Phu Tử, Châu Hi (Châu Y tinh quân), Khôi Đẩu (Khôi tinh gia), tổng hợp lại gọi là “Ngũ văn xương” vậy.

*Sách “Vân cấp thất tiên” viết:

“Vị thần quân Văn Xương tên tự là Tiên Thường, là lá “phù” của mệnh lệnh vua, là tư mệnh của trung ương. Ngài có thể điều khiển vận mệnh người khác, chủ về bốn mạng và năm sanh của con người, nắm giữ tuổi thọ của con người”. Niềm tin về Thần Văn Xương có nguồn gốc từ tín ngưỡng về chiêm tinh.

*Trong “Sở từ--Cửu ca” có nói đến “thiếu tư mệnh, tức để chỉ vị sao thứ tư (của sáu sao Văn Xương). Thời Chiến Quốc đã đưa vào danh mục thờ cúng”.

*Trong “Minh sử--Kê chí” chép:

“Tử Đồng Đế Quân, họ Trương tên Á Tử, ở núi Thất Khúc đất Thục (Tứ Xuyên), chết khi đánh giặc Sĩ Tấn. Được người đời lập Miếu thờ. Đời Đường phong làm “Anh Hiễn Vương”. Trong Đạo giáo cho Tử Đồng là chủ về văn chương và lộc thực của con người. Đời Nguyên gia phong Đế Quân. Các trường học đều có thờ phượng Ngài”.

* Trong “Đài Loan huyện chí” và “Chương Hóa huyện chí” có ghi:

“Tử Đồng Đế Quân, họ Trương tên Á Tử, ở núi Thất Khúc đất Thục (Tứ Xuyên), chết khi đánh giặc Sĩ Tấn, miếu thờ ở huyện Tử Đồng phủ Bảo Ninh. Đời Đường, Tống phong làm “Anh Hiễn Vương”. Trong Đạo giáo cho rằng Tử Đồng Đế Quân chủ về văn chương chữ nghĩa và chức tước quan lộc của con người, nhưng không nói đến phong hiệu Đế Quân. Các trường học khắp nhân gian đều có thờ cúng Ngài”.

*Tóm lại, Văn Xương Đế Quân có tên là TRƯƠNG Á TỬ. Sinh vào đời nhà Đường ở Việt Tuyên, sau dời nhà đến Thất Khúc Sơn ở huyện Tử Đồng tỉnh Tứ Xuyên. Ngài tin tưởng vào Đạo giáo, có công quảng bá Đạo giáo rất

lớn ở tỉnh Tứ Xuyên. Sau khi chết, mọi người kính ngưỡng đức hạnh và công lao của Ngài, xây dựng Miếu thờ ở núi Thất Khúc lấy tên là “Thanh Hư Quán” (miếu Thanh Hư). Trên văn bia khắc là “Tử Đồng Quân” nên nhân gian gọi là Thần Tử Đồng, được nhiều người cúng bái. Đời vua Huyền Tông và Hi Tông nhà Đường, khi chạy trốn đến Tứ Xuyên, dựa vào niềm tin của dân chúng, có phong cho Ngài làm “Tả Thừa Tướng” và sau là “Tế Thuận Vương”. Đến năm Diên Hựu thứ ba đời vua Nhân Tông nhà Nguyên (năm 1316) sắc phong làm “Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lộc Hoàn Nhân Đế Quân”, nói gọn là “Văn Xương Đế Quân”. Trải qua nhiều đời phong tặng, nhưng đến lúc này (nhà Nguyên) mới thấy xuất hiện danh xưng “Đế Quân” lần đầu. Điều này có nghĩa là có sự kết hợp giữa tín ngưỡng về văn xương của dân gian và nhân vật Trương Á Tử làm một. Từ đó, Tử Đồng Đế Quân trở thành vị thần chủ quản về văn chương và học vấn. Được các vua triều đại nhà Đường hết sức đề cao, nên từ một vị thần ở địa phương Tứ Xuyên trở thành vị thần của cả nước, hợp nhất với Thần Văn Xương kể từ đó.

*Đời nhà Tống và đời nhà Nguyên, các đạo sĩ nương theo lòng tin của quần chúng mà chính thức tôn xưng Văn Xương Đế Quân thành một vị Tiên có chức năng cai quản về tuổi thọ, việc học hành và chức phận của con người. Thời xưa, việc ra làm quan đều là nhờ vào kết quả của việc học tập, nên khắp nơi trong nước, chỗ nào cũng xây dựng Miếu Thờ Ngài. Từ đời Minh trở đi, tại mỗi trường học đều có gian thờ và cúng tế Văn Xương Đế Quân. Đời nhà Thanh, đến sinh nhật của Ngài là mừng hai tháng ba âm lịch, có các quan thay mặt nhà vua đến Văn Xương Miếu (ở Bắc Kinh) để cúng tế trọng thể. Như vậy, khởi thủy của Văn Xương là từ Đạo giáo mà có, nhưng càng về sau lại càng đậm nét Nho giáo.

*Đời Nam Tống, các đạo sĩ mượn lời của Văn Xương Đế Quân làm thành sách “Văn Xương Đế Quân Âm Thiệp Văn” (bài văn của Văn Xương Đế Quân dạy về cõi âm). Đây là một quyển sách khuyên mọi người cố gắng hết sức để làm thiện tích đức, có tác dụng rất tốt và ảnh hưởng lớn trong dân

chúng. Đồng thời cũng có hai quyển khác là “Thái Thượng Cảm Ứng thiên” và “Quan Đế Giác Thế Chân Kinh” (mượn lời của ông Quan Vũ để giáo hóa người), trở thành ba quyển “chân kinh” dạy thế nhân làm thiện.

*Văn Xương Đế Quân còn quản lý về việc thi cử, chủ về công danh lợi lộc cho sĩ tử, danh xưng sánh với Ngài Khổng Tử, được mọi người từ quan đến dân đều sùng bái. Ảnh hưởng của Ngài rất lớn và phổ biến rộng rãi trong sinh hoạt quần chúng, như là các hội quán của nhà in, nhà sách, cơ sở buôn bán các văn phòng phẩm, các nhà buôn ... đều lấy tên là “Văn Xương Hội Quán”.

*Từ xưa, các vua đều lấy việc cúng tế Văn Xương Đế Quân làm một kỳ tế lễ quan trọng. Trong dân gian thì phàm những người có đi học, người đã đỗ tú tài, cống sinh, cử nhân ... các trường học đều chuẩn bị phẩm vật cúng tế và “nguyên con trâu” mang đến Miếu Văn Xương để cử hành nghi thức “Tam hiến lễ” mà cúng tế Ngài.

Nhiều đời, các quan sở tại đều có lời nhắc nhở những trường học trong địa phương phải chú ý đến việc thờ phượng và cúng kiến vị thần Văn Xương này.

*Trong “Hằng Xuân huyện chí” có ghi về Ngài như sau:

“Được đưa vào danh sách cúng tế là để đề cao tinh thần thông minh trí tuệ, đề cao việc học hành khoa cử cầu công danh của con người vậy”.

*Trong “Chương Hóa huyện chí” thì ghi:

“Nhiều đời truyền bá những lời dạy của Ngài (Văn Xương Đế Quân) như là: Âm Thiệp văn, Khuyển Hiếu văn, Hiếu kinh giải nghĩa ...đều không trái với ý thánh nhân, nên được mọi người sùng kính, xem là loại sách “gối đầu giường”. Như thế, không phải chỉ là để mong cầu khoa cử công danh mà còn

để cầu phúc lộc nữa”.

*Ngày thánh đàn của Văn Xương Đế Quân là ngày mùng hai tháng ba âm lịch.